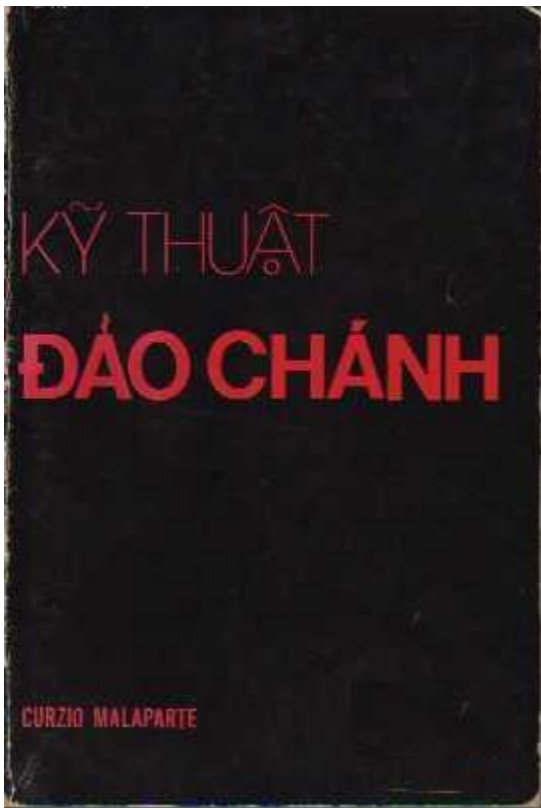


Curzio Malaparte

Kỹ thuật đảo chánh

Bản dịch Thái Độ

Nguyên bản tiếng Pháp: TECHNIQUE DU COUP D'ÉTAT



GHI CHÚ VÀO ĐỀ CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Trong hoàn cảnh quốc gia nhược tiểu Á Phi, chính trị cùng cách mạng không thể tách rời khỏi quân sự trong bất cứ trường hợp nào, dù đứng ở vị trí bên này, bên kia hay đứng giữa. Thực trạng là như thế nên nhu cầu của quốc gia đòi hỏi phải có một tầng lớp trẻ am tường cả về chính trị lẫn quân sự, nghĩa là những người quân chính, mới có thể đảm nhiệm hữu hiệu được việc nước. Để đáp ứng sơ

khởi một phần nhỏ bé cho nhu cầu ấy, nhóm văn hóa Thái độ đã thành lập một tủ sách binh thư quân chính đặt trong khuôn khổ nhà xuất bản THÁI ĐỘ, và đã ấn hành được ba cuốn: Chiến tranh Cách mạng của Thế Uyên, Kỹ thuật Tuyên truyền của J.M. Domenach và Chính trị Nhập môn của R. Bulman. Những cuốn kế tiếp sẽ được in là Trận Điện biên phủ của J. Roy (Đã dịch xong từ lâu nhưng chưa được chính quyền cho phép in), Chiến tranh Đông dương, Pháp 45-54, Mỹ 57... của B. Fall.

Như vậy nỗ lực của nhà xuất bản là nặng về văn hóa và đường dài. Nhưng nhan đề cuốn sách này, Kỹ thuật Đảo chánh, có thể làm nhiều vị trong và ngoài chính quyền ngộ nhận là có tính cách "xâm phạm an ninh quốc gia" (trên lý thuyết...) Đối với các ngộ nhận có thể có ấy, chúng tôi xin trình bày rằng người Việt nam chúng ta thực ra không cần phải học ai về kỹ thuật đảo chánh hết. Lý do thực giản dị: người Việt đã là bậc cao thủ trong địa hạt này. Liệt kê sơ lược từ đệ I thế chiến đến nay, chúng ta đã có những cuộc đảo chánh sau (đảo chánh không thôi và đảo chánh mở đầu cho cách mạng):

-Hai cuộc đảo chánh bất thành của VNQĐĐ và ĐDCSĐ vào các năm 1929-1930.

-Cuộc đảo chánh dẫn tới cách mạng tháng 8.1945

-Đảo chánh của ông Ngô đình Diệm lật đổ triều Nguyễn để thành lập đệ I cộng hòa.

-Đảo chánh (gọi là chỉnh lý) của tướng Nguyễn Khánh.

-Đảo chánh của các tướng trẻ lật đổ tướng Khánh.

-Các cuộc biểu dương lực lượng, vận động bạo lực khác...

Trong bản dịch này, chúng tôi loại bỏ chương VIII UNE FEMME:

HITLER vì tác giả Malaparte, vì nhu cầu giai đoạn, đã thiên về đã

kích hơn là trình bày kỹ thuật đảo chánh gián tiếp của Hitler. Ngoài ra chúng tôi cũng bỏ phần mở đầu và lời nói chót của tác giả, cũng vì lý do các phần đó chỉ có tính cách thời sự (cho những biến cố đã xa trong quá khứ.)

THÁI ĐỘ

Tôn giáo, Chính Trị

Kỹ thuật đảo chánh

Dịch giả: Thái Độ
Nhập đề của tác giả



Tôi có ý định trình bày việc làm thế nào người ta có thể chiếm hay bảo vệ chính quyền tân tiến và trên một khía cạnh nào đó tôi cũng muốn đề cập đến vấn đề mà Machiavelli đã khảo cứu. Tuy nhiên, cuốn sách này không phải là sự lặp lại của cuốn "Bá Vương", cho dù nó mới hơn nghĩa là nó ít bá đạo hơn. Những giai đoạn được nêu lên trong các luận cứ hay các dẫn chứng và ngay chính tinh thần cuốn

"Bá Vương" đã phơi bày ra một tình trạng thoái hóa quá sức của nhân phẩm con người cũng như các quyền tự do công cộng đến nỗi rằng nếu quả tôi có lấy hứng từ cuốn sách đó để bàn về một vài trong những vấn đề quan trọng tại châu Âu ngày nay, tôi sẽ cảm thấy là đã xúc phạm đến độc giả.

Trước tiên, hình như lịch sử chính trị mười năm gần đây trùng hợp với việc thi hành hòa ước Versailles, những hậu quả kinh tế của chiến tranh, những nỗ lực của các chính phủ nhằm bảo đảm nền hòa bình tại Châu Âu. Thật ra, lời giải thích thực sự lại hoàn toàn khác hẳn, nó thể hiện trong cuộc chiến giữa những kẻ bảo vệ tôn chỉ Tự Do và Dân Chủ-nghĩa là những kẻ bảo vệ chính quyền đại nghị- với địch thủ của họ. Những thái độ của các chính đảng chỉ là các sắc thái chính trị của cuộc chiến này. Nếu muốn am hiểu nhiều biến cố của 10 năm gần đây, hay muốn tiên đoán bước tiến hóa của nội tình các nước Âu Châu, ta cần phải đứng trên quan điểm này, và chỉ trên quan điểm này mà thôi, để phân tách các thái độ đó.

Tại hầu hết các quốc gia, bên cạnh cách chính đảng chủ trương bảo vệ chính thể đại nghị và chính sách quân bình chính trị, có nghĩa là Tự Do và Dân Chủ, (đó là những đảng bảo thủ đủ loại, từ những đảng tự do hữu khuynh đến những đảng xã hội tả khuynh) luôn luôn có những đảng đặt vấn đề chính quyền trên một căn bản cách mạng.: đó là những đảng cực hữu hay cực tả, những cán bộ cách mạng, nói trắng ra là những tay phát xít và Cộng Sản. Những tay cách mạng hữu khuynh thường e ngại sự rối loạn. Họ thường lên án chính phủ là yếu hèn, bất lực và vô trách nhiệm. Họ bênh vực chủ trương thực hiện một tổ chức chính quyền vững chắc, kiểm soát chặt chẽ sinh hoạt chính trị, xã hội và kinh tế. Đó là những kẻ tôn thờ lý tưởng Quốc gia, những chiến sỹ tôn thờ chủ nghĩa chính quyền tuyệt đối. Họ cho rằng chỉ có một chính thể trung ương tập quyền độc đoán, không tự do, không dân chủ mới có thể bảo đảm được trật tự và tự do, mới là con đê duy nhất có thể ngăn chặn được làn sóng cộng sản. "Tất cả trong Quốc Gia, không gì ngoài Quốc Gia và không gì chống lại Quốc Gia," Mussolini đã từng tuyên bố như thế. Còn những cán bộ cách mạng tả khuynh lại nhằm chinh phục chính quyền để thiết lập chế độ độc tài của công và nông dân. Lénine chủ trương: "Nơi nào có Tự Do không có chính quyền."

Bài học Mussolini và Lénine ảnh hưởng rất nhiều đến sắc thái và sự tiến triển của cuộc tranh chấp giữa các cán bộ cách mạng hữu khuynh, tả khuynh và những người quyết tâm bảo vệ chính thể tự do dân chủ.

Dĩ nhiên là có một chiến pháp phát xít và một chiến pháp cộng sản. Nhưng kể cũng nên nhận rằng, cho đến ngày nay, tất cả những tay cách mạng lẫn những người bảo thủ hình như không hề biết đến chúng, không bao giờ biết phân loại và xác định những điểm khác biệt, hay những điểm tương đồng nếu có, giữa hai chiến pháp đó. Chiến thuật của Bela Kun không có chút gì giống chiến pháp bôn-sê-vích cả. Những cuộc đảo chánh của Kapp, của Primo de Rivera và của Pilsudzki hình như đã được quan niệm và thi hành theo những quy tắc của một chiến thuật cổ truyền không liên quan gì đến chiến pháp phát xít cả. Bela Kun có thể là một chiến thuật gia tân tiến hơn, một chuyên viên khá hơn ba người kia và do đó, nguy hiểm hơn. Nhưng khi còn phải đặt việc chinh phục chính quyền thành vấn đề, ông đã tỏ ra là không hề biết đến một chiến thuật đảo chánh mới. Bela Kun tưởng là đã bắt chước Trotzky. Ông không nhận ra rằng, ông chỉ theo những quy tắc do Karl Marx đặt ra dựa theo kinh nghiệm của Ba lê Công Xã. Kapp tưởng có sao lại cuộc đảo chánh 18 Vụ nguyệt để chống lại Quốc Hội của Cộng Hòa Weimar. Primo de Rivera và Pilsudzki lại tưởng rằng có thể dùng võ lực để chiếm một chính quyền tân tiến bằng cách lật đổ một chính phủ đại nghị. Thật rõ như ban ngày là cả chính phủ lẫn những tay cách mạng đều chưa bao giờ tự hỏi xem, liệu có một kỹ thuật đảo chánh mới không và những nguyên tắc căn bản của kỹ thuật đó là gì? Để đương đầu với chiến thuật cách mạng của các tay cách mạng, các chính phủ vẫn tiếp tục áp dụng một chiến thuật phòng vệ căn cứ trên các biện pháp cảnh sát, do đó tỏ ra là không hề biết tý gì đến cả những nguyên tắc sơ đẳng nhất trong nghệ thuật chinh phục và bảo vệ một chính quyền tân tiến. Vô tri như thế thật là nguy hiểm và để chứng tỏ điều đó, tôi sẽ dẫn trình ra đây, như những thí dụ, các biến cố mà tôi được chứng kiến hoặc trên một khía cạnh nào đó, được tham dự trong mùa cách mạng khởi diễn từ tháng một năm 1917 tại Nga và chưa biết bao giờ mới chấm dứt tại Âu Châu.

Kỹ thuật đảo chánh

Dịch giả: Thái Độ

Chương I

CUỘC ĐÀO CHÁNH BÔN-SÊ-VÍCH VÀ CHIẾN THUẬT CỦA TROTZKY

Nếu Lénine là người sắp đặt sách lược của cuộc cách mạng bên sê vích thì người bày ra chiến thuật đảo chánh tháng 10 năm 1917 lại là Trotzky.

Vào khoảng đầu năm 1929, nhò đang ở trên nước Nga, tôi có cơ hội gặp được nhiều người có liên quan xa gần đến vai trò của Trotzky trong cuộc cách mạng. Hiện nay, Liên bang Sô viết có một thuyết chính thức về vai trò của Trotzky do Staline đề ra. Nhưng ở khắp các nơi, nhất là ở Mạc tư khoa và Leningrad, nơi mà phe thân Trotzky tương đối mạnh hơn các chỗ khác, tôi được nghe nhiều nhận xét về Trotzky khác hẳn những nhận xét của Staline. Chỉ có một người không trả lời các câu hỏi của tôi là Lounacharski và chỉ có bà vợ của Kameneff đã cho tôi một minh chứng khách quan về thuyết của Staline; điều này cũng không lấy gì làm lạ nếu ta chưa quên rằng bà là em ruột của Trotzky.

Ở đây ta sẽ không bàn đến trận bút chiến giữa Staline và Trotzky về vấn đề "Cách mạng thường trực" hay vai trò của Trotzky trong cuộc đảo chánh tháng 10 năm 1917. Staline phủ nhận vai trò tổ chức của Trotzky, ông giành cái vinh dự đó cho một ủy ban được thành lập với Sverdloff, Staline, Boubnoff, Ouritzky và Dzerjinski, thiếu bóng cả Lénine lẫn Trotzky. Ủy ban này chỉ là một bộ phận của Hội đồng Quân sự Cách mạng mà Trotzky làm chủ tịch. Tuy nhiên, cuộc bút chiến giữa Staline và lý thuyết gia của cuộc "Cách mạng thường trực" không thay đổi được lịch sử cuộc nổi dậy tháng 10, và chính Lénine cũng công nhận rằng cuộc nổi dậy đã được Trotzky tổ chức và lãnh đạo. Lénine là người thiết lập sách lược, người xây dựng chủ thuyết, người kích động, vị thần Phúc tinh của cuộc cách mạng, nhưng người sáng lập ra kỹ thuật đảo chánh bên sê vích phải là Trotzky.

Tại Âu châu, cái gọi là đại họa cộng sản mà chính phủ phải đương đầu không phải là cái sách lược của Lénine, mà chính là chiến thuật của Trotzky. Ta không thể hiểu được sách lược của Lénine khi tách nó ra khỏi tình thế tổng quát của nước Nga vào năm 1917. Trái lại, chiến thuật của Trotzky không liên quan gì đến những hoàn cảnh tổng quát của xứ sở; sự áp dụng chiến thuật đó không tùy thuộc vào những hoàn cảnh mà sách lược Lénine đòi hỏi phải có. Chiến thuật của Trotzky, căn nguyên của những cuộc đảo chánh Cộng sản tại các nước Âu châu, là một mối đe dọa trường kỳ. Nói một cách khác, áp dụng tại bất cứ một quốc gia Tây Âu nào, sách lược của Lénine cũng đòi hỏi một địa thế thuận lợi và những hoàn cảnh tương tự như hoàn cảnh của nước Nga 1917. Trong cuốn "*Căn bệnh ấu trĩ của chủ*

nghĩa Cộng sản", chính Lênine đã nhận xét rằng căn nguyên của tình thế chính trị nước Nga 1917 là do bốn hoàn cảnh đặc biệt và ông thêm rằng, những hoàn cảnh đó hiện không có, sẽ không bao giờ xảy ra, dù giống hệt hay chỉ tương tự tại các nước Tây Âu. Ta không cần trình bày bốn hoàn cảnh đặc biệt đó ra đây, vì ta đã dự biết đặc tính của tình thế chính trị Nga năm 1917 gồm những sự kiện gì. Sách lược của Lênine không phải là một hiểm họa cấp kỳ cho các chính quyền Âu châu. Mối họa hiện tại- và thường trực- đối với các chính quyền này chính là chiến thuật của Trotzky.

Trong những lời ghi chú cho cuốn "*Cách mạng tháng mười và chiến thuật của cộng sản Nga*", Staline viết rằng: Nếu ta muốn phán xét biến cố mùa Thu năm 1923 tại Đức quốc, ta không nên quên tình thế đặc biệt của nước Nga 1917. Ông thêm: "Đồng chí Trotzky nên nhớ rằng chính đồng chí đã nhận thấy tình thế tương tự hoàn toàn giữa Cách mạng tháng mười và cuộc Cách mạng ở Đức và cũng chính đồng chí là người đã trách cứ đảng Cộng sản Đức về lỗi lầm có thật hay tưởng tượng." Với Staline, cuộc Cách mạng năm 1923 tại Đức thất bại là vì thiếu những hoàn cảnh đặc biệt cần thiết cho sự áp dụng sách lược của Lênine. Ông ngạc nhiên thấy Trotzky đã đổ lỗi lên đầu những đảng viên Cộng sản Đức. Nhưng đối với Trotzky, sự thành công của một mưu toan cách mạng không tùy thuộc vào sự hiện diện của những hoàn cảnh tương tự như những hoàn cảnh của nước Nga 1917. Nguyên nhân làm cuộc Cách mạng Đức thất bại không phải là do sự không thể áp dụng sách lược Lênine. Lỗi lầm không thể tha thứ của Cộng sản Đức là đã không áp dụng chiến thuật nổi loạn bôn-sê-vích. Sự thiếu vắng những hoàn cảnh thuận tiện, tình thế tổng quát của xứ sở không ảnh hưởng gì đến sự áp dụng chiến thuật của Trotzky. Người ta không thể bào chữa cho sự thất bại của Cộng sản Đức.

Từ khi Lênine chết đi, giáo thuyết của Trotzky đã đe dọa sự nhất thống của chủ nghĩa Lê-nin-nít. Trotzky là một thứ tín đồ tôn giáo thiếu may mắn. Ông Luther này đang bị lưu đày và một số các chiến hữu quá thận trọng, đã vội vàng công khai nhận lỗi quá sớm vì không muốn hối lỗi quá muộn. Dù thế người ta cũng thấy ngay trên đất Nga, những kẻ cuồng tín chưa mất cái gan thích phê phán và họ cố gắng tìm trong lý luận của Staline những kết luận bất ngờ nhất. Lý luận này của Staline đưa đến kết luận rằng không thể có Lênine mà không có Kérenski: bởi vì Kérenski là một trong yếu tố chính của tình thế đặc biệt tại nước Nga 1917. Riêng Trotzky, ông chẳng cần đến Kérenski. Sự hiện diện của Kérenski, không hơn gì sự hiện diện của

Stresemann, Poincaré, Lloyd George, Giolitti hay MacDonald, không có một tý ảnh hưởng nào dù thuận lợi hay bất lợi cho việc áp dụng chiến thuật của Trotzky cả. Vì dù đặt ra Poincaré vào vị trí của Kérenski, cuộc đảo chánh bôn-sê-vích vào khoảng tháng 10 năm 1917 cũng vẫn thành công y như vậy. Tôi đã từng gặp tại Mạc tư khoa cũng như tại Leningrad nhiều người ủng hộ lý thuyết "Cách mạng Thường trực". Họ quả quyết rằng Trotzky có thể vượt bỏ được Lénine, rằng Trotzky có thể đứng vững không cần Lénine; điều này có nghĩa là, vào tháng mười năm 1917, Trotzky vẫn có thể cướp được chính quyền cho dù Lénine cứ ở lại Thụy sỹ và không hề nắm giữ một vai trò gì trong cuộc Cách mạng Nga.

Tuyên bố quá lỗ, nhưng trên phương diện Cách mạng, chỉ có những ai quá đề cao sự quan trọng của sách lược mới cho rằng lời tuyên bố đó là võ đoán. Điều quan trọng là chiến thuật dấy loạn, là kỹ thuật đảo chánh. Trong cuộc xây dựng cách mạng Cộng sản, sách lược của Lénine không tạo ra sự chuẩn bị thiết yếu cho việc áp dụng chiến thuật dấy loạn: sách lược đó không thể tự nó dẫn đến sự chinh phục chính quyền. Vào khoảng năm 1919-1920 tại Ý, sách lược Lénine đã áp dụng triệt để và nước Ý vào thời đó quả là đã chín mùi Cách mạng Cộng sản. Tất cả sẵn sàng đợi một cuộc đảo chánh. Nhưng Cộng sản Ý tin tưởng khí thế Cách mạng trong nước, sự dấy loạn của tầng lớp vô sản, dịch tễ đình công, sự tê liệt trong đời sống kinh tế và chính trị, sự chiếm cứ các nhà máy và đất đai bởi công nhân và nông dân, sự tan rã trong hàng ngũ Quân đội, Cảnh sát và Hành chánh, sự yếu kém của ngành Tư pháp, sự khuất phục ươn hèn của tầng lớp tư sản và sự bất lực của Chính phủ đủ giúp thợ thuyền nắm được chính quyền. Quốc hội bị các đảng tả khuynh thao túng và những hoạt động của Quốc hội đã giúp thêm sức cho phong trào Cách mạng của các tổ chức nghiệp đoàn. Điều thiếu sót không phải là do việc họ thiếu ý chí muốn nắm quyền, mà vì họ thiếu am tường chiến thuật dấy loạn. Cách mạng đã bị tiêu hao trong sách lược. Sách lược này chính là sự chuẩn bị cho cuộc quyết chiến ăn thua: nhưng lại không có ai biết phải điều khiển cuộc quyết chiến đó như thế nào. Thậm chí, người ta còn cho rằng chính thể quân chủ (mà hồi đó được mệnh danh là quân chủ xã hội) chính là một trở ngại lớn lao của công cuộc khởi loạn. Khối đa số Quốc hội thiên tả lại canh chừng phong trào nghiệp đoàn bị nghi ngờ có ý định chiếm quyền, không những không phải bằng đường lối quốc hội mà còn chống lại quốc hội là khác. Những tổ chức nghiệp đoàn lại nghi ngờ hành vi của quốc hội; bởi vì quốc hội định biến cuộc cách mạng

thành một sự thay đổi bởi thành phần các bộ trưởng, điều chỉ có lợi cho tầng lớp Tiểu Tư Sản. Làm thế nào để tổ chức một cuộc đảo chánh? Đó là vấn đề của quãng thời gian giữa năm 1919-1920 tại nước Ý cũng như tất cả các nước Tây Âu. Trotzky cho rằng những đảng viên Cộng sản đã không biết lợi dụng bài học tháng 10 năm 1917: không phải là bài học về sách lược cách mạng mà là bài học về chiến thuật dấy loạn.

Nhận xét này của Trotzky rất quan trọng trong việc tìm hiểu chiến thuật trong biến cố tháng 10 năm 1917, hay nói rõ hơn là kỹ thuật đảo chánh Cộng sản.

Người ta có thể phản đối rằng chiến thuật dấy loạn cũng chỉ là một phần của sách lược cách mạng, rằng nó chỉ là bước chót của sách lược cách mạng. Ý kiến của Trotzky về vấn đề này rất rõ rệt. Như ta đã thấy, với Trotzky, chiến thuật dấy loạn không tùy thuộc vào hoàn cảnh tổng quát của xứ sở, cũng không tùy thuộc vào sự hiện diện của một tình thế cách mạng thuận lợi cho cuộc nổi dậy. Khi đem thực hiện chiến thuật tháng 10 năm 1917, trước Nga của Kérensky cũng gặp những khó khăn y như nước Hòa Lan hay Thụy Sĩ vậy thôi. Bốn hoàn cảnh đặc biệt được Lénine nêu trong cuốn *Căn bệnh áu trĩ của chủ nghĩa Cộng sản*: 1) Điều kiện khả dĩ nối liền cách mạng Bôn-sê-vích vào việc thanh toán một chiến tranh đế quốc; 2) cơ hội lợi dụng khoảng thời gian chình chiến giữa hai phe quyền lực, là nếu không có cuộc chiến tranh đó, hai phe này sẽ liên kết với nhau để đánh lại Cách mạng Bôn-sê-vích; 3) khả năng chịu đựng một cuộc nội chiến tương đối kéo dài nhờ vào vùng đất đai rộng lớn bao la của nước Nga và tình trạng tệ hại của các đường liên lạc; 4) sự hiện diện của một phong trào cách mạng Dân chủ Tư sản trong tầng lớp nông dân. Đã ấn định rõ tình thế của nước Nga 1917, nhưng chúng không phải là những điều kiện thiết yếu cho sự thành công của một cuộc đảo chánh Cộng sản. Nếu chiến thuật dấy loạn Bôn-sê-vích cũng phải tùy thuộc những điều kiện trong sách lược Lénine, thì ngày nay, những quốc gia Âu Châu chẳng hề có một hiểm họa Cộng sản nào.

Trên quan niệm sách lược, Lénine không có đầu óc thực tiễn, thiếu chính xác và chừng mực. Ông quan niệm sách lược cách mạng kiểu Clausewitz và như một triết lý hơn là một nghệ thuật hay một khoa học. Sau khi Lénine chết, người ta tìm thấy trong đồng sách thuộc loại gối đầu giường của ông có tác phẩm căn bản của Clausewitz: "*Chiến tranh luận*" do chính tay ông ghi chú: thêm vào đó, những nhận xét ghi trên lề cuốn "*Nội chiến tại Pháp quốc*" của Marx giúp ta hiểu tại sao Trotzky đã coi thường sở trường sách lược của Lénine.

Ta không thể hiểu nguyên do vì đâu sách lược Cách mạng của Lénine đã được chính thức đề cao quá đáng như thế nếu không phải vì nhu cầu cần hạ bệ Trotzky. Xét theo vai trò lịch sử của ông trong cuộc Cách mạng, Lénine không cần phải được coi như một đại sách lược gia.

Hôm trước ngày khởi nghĩa tháng 10, Lénine còn lạc quan và nóng nảy. Sự đắc lực của Trotzky vào chức vụ Chủ tịch Xô viết Pétrograd và Hội đồng Quân sự Cách mạng, sự thắng thế trong Xô viết Moscou đã làm ông an tâm về việc làm sao chiếm được đa số trong các xô viết, vấn đề làm ông lo nghĩ từ tháng bảy đến giờ. Dù sao, ông vẫn lo ngại về Đại hội Xô viết lần thứ hai định tổ chức vào cuối tháng Mười. Trotzky đã tuyên bố: "Chẳng cần phải nắm được đa số trong các xô viết, không phải cái đám đa số này sẽ cướp được chính quyền."

Trotzky đã không làm. Lénine cũng công nhận: "Thật ngây thơ nếu ta cứ đợi phải có được đa số ghế. Lénine muốn quần chúng nổi loạn chống đối chính quyền Kérenski, tràn ngập nước Nga bằng làn sóng vô sản, phát hiệu lệnh khởi nghĩa cho toàn thể dân tộc Nga, xuất hiện trên Đại hội Xô viết, khuất phục Dan và Skobelev, hai lãnh tụ Mensê-vích của khối đa số, công bố sự sụp đổ của chính phủ Kérenski và sự thành lập nền độc tài vô sản. Ông không nghĩ tới một chiến thuật dấy loạn, ông chỉ hình dung ra một sách lược cách mạng. Trotzky nói: "Cũng được, nhưng trước hết phải chiếm thành phố, chiếm các điểm chiến lược, lật đổ chính quyền. Để đạt được mục tiêu trên, cần tổ chức cuộc dấy loạn, cần thành lập và huấn luyện một đoàn quân xung kích. Ít người thôi, quần chúng không giúp ta được gì cả; chỉ một nhóm nhỏ là đủ".

Nhưng Lénine không muốn người ta có thể lên án cuộc khởi nghĩa bôn-sê-vích là một thủ đoạn bờ-lăng-kít: "Cuộc nổi dậy không được dựa trên một âm mưu, một đảng phái mà phải dựa trên giai cấp tiến bộ. Đây là điểm thứ nhất. Cuộc nổi dậy phải trên trào lưu Cách mạng của toàn thể dân tộc. Đó là điểm thứ hai. Cuộc nổi dậy phải bùng nổ vào lúc trào lưu cách mạng đang dâng lên cùng độ. Đó là điểm thứ ba. Chính nhờ ở ba điều này mà chủ nghĩa mác-xít khác biệt với chủ nghĩa bờ-lăng-kít."

Trotzky nói: "Được lắm, nhưng toàn thể dân tộc thì quá nhiều cho cuộc nổi dậy. Chỉ cần một nhóm nhỏ, bình tĩnh và táo bạo được huấn luyện cặn kẽ về chiến thuật dấy loạn là đủ." Lénine công nhận: "Chúng ta phải tung ra các tiểu đội công nhân vào các nhà máy và các trại lính. Đây chính là chỗ của họ, cái nút hiểm yếu, cứu tinh của cách mạng. Chính đó là nơi chúng ta dùng những bài diễn văn

cương quyết, nẩy lửa để giải thích và phô diễn chương trình của chúng ta; chúng ta sẽ đặt thành vấn đề: hoặc chương trình phải được chấp nhận trọn vẹn hoặc chúng ta sẽ khởi nghĩa."

Trotsky nói: "Được lắm, nhưng dù quần chúng có chấp nhận chương trình của chúng ta đi nữa, ta cũng không thể coi nhẹ việc tổ chức cuộc khởi nghĩa. Ta cần lựa lọc những phần tử tín cẩn sẵn sàng làm mọi công tác từ nhà máy và trại lính. Điều chúng ta cần không phải là đám đông thợ thuyền, đào binh hay những tên đào thoát. Chúng ta cần một đội binh xung kích."

Lénine công nhận: "Để thực hiện cuộc khởi nghĩa theo đúng đường lối mác-xít, nghĩa là như một nghệ thuật, chúng ta đừng để mất một phút nào, phải đồng loạt thi hành các biện pháp thiết lập bộ tham mưu của lực lượng khởi nghĩa, phân tán lực lượng, tung những trung đoàn trung kiên nhất đến những vị trí quan trọng nhất, vào hý viện Alexandra, chiếm thành Pierre và Paul, bắt giữ bộ tư lệnh quân lực và chính phủ, gửi quân chống lại đám sinh viên sỹ quan, chống lại đám kỵ binh Cossaque của Sư Đoàn Hoang Dã và phải sẵn lòng hy sinh đến người cuối cùng chứ không được để địch xâm nhập vào trung tâm thành phố. Ta phải động viên các công nhân võ trang, kêu gọi họ tham dự trận chiến tối thượng, chiếm cứ đồng loạt những trung tâm điện thoại và điện báo, lập Bộ tham mưu của ta tại tổng đài điện thoại trung ương, liên lạc bằng điện thoại với tất cả các nhà máy, tất cả các trung đoàn, tất cả những vị trí đang chiến đấu".

Trotsky: "Được lắm, nhưng...."

Lénine tiếp: "Tất cả những điều này chỉ tương đối vậy thôi, nhưng tôi quyết ý minh chứng rằng vào thời buổi hiện tại, chúng ta không thể thực thi đúng chủ nghĩa mác-xít, đúng đường lối cách mạng mà không coi cuộc khởi nghĩa như một nghệ thuật. Đồng chí biết rõ những quy tắc tổng quát mà Marx đã thiết lập cho nghệ thuật này. Ứng dụng vào hoàn cảnh hiện tại của nước Nga, những quy tắc có nghĩa là: tấn công đồng loạt- càng bất ngờ và thần tốc càng tốt- vào Pétrograd, cả từ mặt trong lẫn mặt ngoài, từ những khu vực thợ thuyền và khu Phần Lan, từ Réval và Cronstad; dùng tất cả hạm đội để tấn công; tập trung những lực lượng lớn hơn số 20.000 người (sinh viên sỹ quan và kỵ binh Cossaque) của chính quyền. Phối hợp ba lực lượng chính của ta gồm hạm đội, công nhân và những đơn vị quân sự để chiếm cứ- trước tiên và giữ lấy với bất cứ giá nào- hệ thống điện thoại điện báo, những nhà ga xe lửa và các cầu. Phải lựa lọc những phần tử quyết tâm nhất trong các tổ xung kích, các trung đoàn công nhân cùng thủy binh và tập trung họ thành những toán có

nhệm vụ chiếm giữ tất cả những điểm trọng yếu và tham dự tất cả những trận đánh quyết định. Hãy cho những đoàn công nhân võ trang với súng trường và lựu đạn bao vây các vị trí địch cùng trường võ bị, các tổng đài điện thoại và điện báo. Chiến thắng của cách mạng Nga và cũng là của cách mạng thế giới, chỉ tùy thuộc hai hay ba ngày chiến đấu."

Trotsky nói: "Tất cả những điều đó đều đúng nhưng rắc rối quá. Đó là một kế hoạch quá lớn lao, một chiến lược bao gồm quá nhiều lãnh thổ và nhiều người. Nó không còn là một cuộc nổi loạn nữa mà là một cuộc chiến tranh. Để chiếm Pétrograd, không cần phải chiếm chiếc xe lửa từ Phần Lan. Khi ta khởi hành từ quá xa, ta thường ngừng tại giữa đường. Mở một cuộc tấn công với hai vạn người từ đồn Réval và Cronstad để chiếm hý viện Alexandra là quá lớn, nó không còn là một trận đánh úp nữa. Trên phương diện chiến lược, chính Marx cũng thua Korniloff. Phải thu về chiến thuật thôi, hành động với một ít người trong một phạm vi giới hạn, tập trung nỗ lực trên những mục tiêu chính, đánh thẳng và mạnh. Tôi không tin nó lại quá rắc rối như thế! Những điều nguy hiểm bao giờ cũng cực kỳ giản dị. Để chiến thắng, không cần để ý đến những hoàn cảnh thuận lợi hay không. Chỉ cần đánh ngay bụng: không gây tiếng động. Dấy loạn là một guồng máy không gây ra tiếng động. Sách lược của đồng chí đòi hỏi quá nhiều hoàn cảnh thuận lợi: cuộc khởi loạn không cần gì cả. Tự nó hoàn tất nó."

Lénine nói: "Chiến thuật của đồng chí thật vô cùng giản dị, nó chỉ có một pháp tắc là phải chiến thắng. Có phải đồng chí là người thích Napoléon hơn Kérenski không?"

Những lời tôi đặt vào miệng Lénine không phải do tôi bịa đặt, chúng hoàn toàn phát xuất từ những bức thư của Lénine gửi cho Hội đồng Trung Ương đảng bôn-sê-vích vào tháng mười năm 1917.

Những ai biết được tất cả những bài viết của Lénine và nhất là những nhận xét của ông về kỹ thuật dấy loạn trong những ngày Cách mạng tháng mười năm 1905 tại Moscou, đều phải ngạc nhiên không ít về sự ngây thơ trong ý tưởng của ông về chiến thuật và kỹ thuật dấy loạn. Dù sao, phải công nhận rằng sau kỳ thất bại tháng bảy, chỉ có ông và Trotsky là không để lạc mất mục tiêu chính của sách lược cách mạng: cuộc đảo chánh. Đúng như Lounatcharski nói sau một vài ngàn ngại, vào tháng bảy, đảng bôn-sê-vích chỉ có một mục tiêu

và mục tiêu này có tính cách đại nghị là chiếm được đa số trong các số viết, ý tưởng khởi nghĩa đã trở thành động lực cho tất cả các hoạt động của Lénine. Sau biến cố tháng bảy Lénine phải trốn ở Phần Lan để khỏi rơi vào tay Kérenski và trong thời gian ở trên xứ Phần Lan, tất cả hoạt động của ông chỉ nhằm sửa soạn cho cuộc nổi dậy trên lý thuyết.

Người ta không thể nào giải thích khác hơn về sự ngây thơ trong dự tính mở một cuộc tấn công quân sự vào Pétrograd với sự yểm trợ của các vệ binh đỏ ở trong thành phố của Lénine. Như vậy, cuộc tấn công sẽ kết thúc thảm bại: sự thất bại trong sách lược của Lénine sẽ dẫn đến sự thất bại trong chiến thuật khởi loạn cùng với sự tàn sát các vệ binh đỏ trên đường phố Pétrograd.

Bị bó buộc phải theo dõi các biến cố từ xa, Lénine không thể nắm vững tình thế cách chi tiết, nhưng không phải vì thế mà ông nhận định các biến chuyển quan trọng của cuộc Cách mạng kém rõ ràng hơn một số nhân viên của Hội đồng Trung ương đảng bộ, những người chống lại nhu cầu của cuộc khởi nghĩa tức thời. "Chờ đợi là sát nhân", ông đã viết như thế cho Hội đồng bôn-sê-vích Pétrograd và Moscou. Trong buổi họp ngày 10 tháng 10, cả Lénine từ Phần Lan về dự mặc dù toàn thể Hội đồng Trung ương đã chấp nhận đề nghị khởi nghĩa với hai phiếu chống- phiếu của Kaméneff và Zinovieff- vẫn còn sự chống đối ngấm ngầm của số nhân viên trong hội đồng. Chỉ có Kaméneff và Zinovieff là công khai đối lập với đề nghị phải khởi nghĩa ngay tức thời; nhưng sự phản đối của họ cũng chỉ giống như sự phản đối ngấm ngầm của rất nhiều nhân viên khác. Sự căm tức của những kẻ chống đối đổ hết lên đầu Trotzky, "tên Trotzky khó thương", đảng viên bôn-sê-vích mới toanh với cái tính kiêu ngạo đã gây nên sự ác cảm và ghen ghét trong lòng một số đồng chí cựu trào.

Trong những ngày tiền cách mạng, Lénine ẩn mình tại một khu ngoại ô Pétrograd. Ông chăm chú theo dõi hành động của những địch thủ của Trotzky và luôn luôn theo sát tình thế tổng quát. Vào lúc nghiêm trọng đó, mọi sự e dè, chù trừ đều nguy hại cho cách mạng. Trong bức thư gửi đến hội đồng trung ương vào ngày 17 tháng 10, Lénine phải ra sức chống chọi những lý luận chống đối Trotzky của Kaméneff và Zinovieff. Hai người này nhằm minh chứng những lỗi lầm của Trotzky; họ cho rằng: "Không có sự tham gia của quần chúng và không có sự yểm trợ của một cuộc tổng đình công, cuộc khởi nghĩa chỉ là một cuộc báo động dẫn tới thất bại. Chiến thuật của Trotzky đúng là đường lối bờ-lăng-kít. Một đảng mác xít không thể

biến vấn đề một cuộc khởi nghĩa thành một âm mưu phiến đảo quân sự."

Trong thư đề ngày 17 tháng 10, Lênine đã tỏ ý bênh vực Trotsky. Ông viết: "Đấy không phải là đường lối bờ-lăng-kít; một âm mưu phiến đảo quân sự đúng là đường lối bờ-lăng-kít một trăm phần trăm nếu nó không được tổ chức bởi đảng của một giai cấp, nếu những người tổ chức không quan tâm đến trào lưu chính trị nói chung và tình thế quốc tế nói riêng. Giữa một cuộc phiến đảo quân sự, đáng bị kết án trên mọi phương diện, với nghệ thuật võ trang nổi dậy có sự khác biệt sâu xa." Kaméneff và Zinovieff có thể trả lời: "Trotsky chẳng từng tuyên bố rằng cuộc khởi nghĩa không cần lưu ý đến tình thế chính trị và kinh tế của xứ sở là gì? Đồng chí ấy cũng chẳng từng nhìn nhận rằng tổng đình công là một trong những yếu tố chính của kỹ thuật đảo chánh cộng sản? Làm sao ta có thể tin vào sự ủng hộ của các nghiệp đoàn và lệnh tổng đình công nếu các nghiệp đoàn lại liên kết với đối phương? Họ sẽ đình đả chống lại chúng ta. Chúng ta không liên lạc cả với những tổ chức của các phu hỏa xa. Trong ủy ban thường vụ của đám phu hỏa xa chỉ có hai đảng viên bôn-sê-vích trong đám 40 nhân viên. Làm sao có thể chiến thắng mà không có sự giúp đỡ của các nghiệp đoàn, không có sự hỗ trợ của cuộc tổng đình công?" Sự chống báng khá nặng nề. Lênine chỉ có thể đối lại bằng sự nhất quyết của ông. Nhưng Trotsky cười: ông rất bình tĩnh. Ông nói: "Khởi nghĩa không phải là một nghệ thuật, đó là một guồng máy. Để vận chuyển guồng máy đó, cần những chuyên viên và chỉ có những chuyên viên mới có thể hãm nó lại."

Đoàn xung kích của Trotsky chỉ gồm khoảng một ngàn vừa công nhân vừa lính và thủy thủ. Những phần tử ưu tú của đoàn này được tuyển trong đám công nhân của những nhà máy thuộc vùng Poutiloff và Wiborg, những thủy binh của hạm đội biển Ban tích và lính trong các trung đoàn xứ Lettonie. Trong vòng 10 ngày, dưới sự chỉ huy của Antonoff Ovseienko, những người này, những vệ binh đỏ đã tập dượt một loạt các cuộc "Điều Động Vô Hình" ngay tại trung tâm thành phố. Giữa đám đảo binh ngổn ngang trên hè phố, giữa sự hỗn độn trong các bộ sở, các văn phòng của bộ tổng tham mưu, trong các nhà bưu điện, trong các tổng đài điện thoại và điện báo, trong các nhà ga, trong các trại lính, trong các cơ sở kỹ thuật của thủ đô; họ tập dượt giữa ban ngày, không vũ khí chiến thuật dấy loạn và từng tổ nhỏ (3 hay 4 người) đã thi hành thủ đoạn không hề bị để ý.

Trotsky đã thí nghiệm lần đầu tiên phương pháp những "Điều Động Vô Hình", từ lúc tập dượt đến khi dấy loạn trong cuộc đảo chánh

tháng mười năm 1917. Ngày nay, phương pháp này trở thành một phần trong sách lược Cách mạng Đệ tam Quốc tế. Trong những cuốn khái luận của Ủy ban Thường vụ Đệ tam Quốc tế, người ta thấy có phần trần thuật và phát triển những quy tắc do Trotsky đã áp dụng. Trong những bộ môn giảng huấn tại Viện Đại học Trung Hoa ở Moscou, ta thấy có phương pháp những "Điều Động Vô Hình" mà Karakan đã khéo léo áp dụng tại Thượng Hải, dựa trên kinh nghiệm của Trotsky. Tại viện Đại học Tôn Dật Tiên ở Moscou, phố Wolkonka, những sinh viên Trung Hoa học các quy tắc mà cộng sản Đức đang thực hành mỗi chúa nhật, giữa ban ngày ngay trước mắt cảnh sát và quý vị trưởng giả ở Bá Linh, ở Dresde và ở Hambourg.

Tháng Mười năm 1917, trong những ngày tiền Cách mạng, báo chí bảo thủ, khuynh hữu Men sê vích, Cách mạng Xã hội đã không ngừng tố cáo trước quần chúng rằng đảng bôn sê vích đang công khai sửa soạn cuộc khởi loạn. Họ kết tội Lénine và Trotsky muốn lật đổ nền Cộng hòa Dân chủ để thiết lập nền vô sản chuyên chính. Báo chí của giới tư sản viết: "Họ không thêm giữ bí mật những mưu toan sát nhân của họ, công việc tổ chức cách mạng vô sản đang được thành hình công khai. Trong những bài diễn văn cho các đám thợ thuyền và lính tráng tụ tập tại các nhà máy và trại lính, các lãnh tụ bôn sê vích lớn tiếng công bố rằng tất cả đã sẵn sàng và ngày nổi loạn đã gần kề. Chính phủ đang làm gì? Tại sao chính phủ chưa bắt giữ Lénine, Trotsky và những nhân viên khác của hội đồng trung ương? Chính phủ đã xử dụng những biện pháp gì để bảo vệ nước Nga chống lại hiểm họa bôn sê vích?"

Không phải chính phủ Kérenski đã không xử dụng những biện pháp cần thiết để bảo vệ quốc gia. Hãy công bằng mà nhận rằng Kérenski đã làm tất cả những gì ông có thể làm trong phạm vi quyền hạn của ông để chống trả một cuộc đảo chánh. Nếu ở vào địa vị của ông, Poincaré, Lloyd George, MacDonald, Giolitti hay Stréssemann cũng chẳng làm gì được hơn. Phương pháp của Kérenski gồm sự huy động những biện pháp cảnh sát từng được tín nhiệm trong mọi thời đại, ngay cả thời đại của chúng ta, bởi cả những chính quyền chuyên chế lẫn tự do. Thật là sai lầm nếu kết tội Kérenski là yếu kém và không biết tiên liệu. Chính những biện pháp cảnh sát đã không còn hữu hiệu để bảo vệ chính quyền chống lại kỹ thuật khởi nghĩa tân tiến. Lỗi lầm của Kérenski, cũng là lỗi lầm của tất cả những chính quyền, đã coi vấn đề bảo vệ quốc gia như là một vấn đề có tính cách

cảnh sát.

Những người kết tội Kérenski là yếu kém và không biết tiên liệu đã quên mất tài cán và sự can trường của ông trong biến cố tháng bảy chống lại cuộc nổi loạn của những công nhân và đào binh và trong biến động tháng tám chống lại âm mưu phản động của Korniloff. Tháng tám, ông đã không ngần ngại kêu gọi đến cả những lực lượng bên lề vênh để chặn đứng những kỵ binh Cossaque của Korniloff trong âm mưu định thanh toán những công trình chinh phục dân chủ của cách mạng tháng giêng. Trong dịp này ông đã làm Lénine phải ngạc nhiên. Chính Lénine phải thốt lên: "Hãy coi chừng Kérenski, hắn không phải là một thằng ngu đâu." Hãy công bằng với Kérenski: Vào tháng mười, ông không thể làm gì hơn những điều ông đã làm. Trotzky tuyên bố rằng việc bảo vệ quốc gia là một vấn đề kỹ thuật. Mà vào tháng bảy năm 1917 chỉ có một phương pháp được biết đến, một phương pháp được thực hành và đủ cho Kérenski hay Lloyd George, Poincaré hay Noske cũng thể thôi: Đó là phương pháp cổ điển với những biện pháp cảnh sát.

Để chống lại hiểm họa, Kérenski đã tung những sinh viên sỹ quan và các kỵ binh Cossaque trung thành vào điện Mùa Đông, điện Tauride, những nha sở, những tổng đài điện thoại và điện báo và những căn cứ của bộ Tổng Tham Mưu. Như vậy, 20.000 người mà ông có thể trông cậy vào đã được động dụng để bảo vệ những điểm chiến lược trong tổ chức chính trị và hành chính quốc gia (Đó chính là lỗi lầm mà Trotzky sẽ khai thác). Những trung đoàn tín cẩn khác được tập trung chung quanh đó như ở các khu ngoại ô Tsarkoié Sélo, Kolpino, Gatchina, Oboukhovo và Poulkovo; đó là vòng đai thép mà lực lượng phải phá vỡ nếu không muốn bị bóp chết. Tất cả những phương tiện có thể bảo đảm nền an ninh quốc gia đều đã được áp dụng. Những đội Junker tuần tiễu trong thành phố cả ngày lẫn đêm. Những ổ súng máy được đặt ở các ngã tư, cuối các đại lộ chính, trên các nóc nhà khắp dọc khu công viên Newski để bảo vệ các ngã tiến tới các công trường. Những toán lính tuần tiễu giữa đám đông, những xe bọc sắt từ từ di chuyển trong những hẻm cụt dài. Sự hỗn loạn thật là thảm hại. Chỉ vào đám đông náo nhiệt trên công viên Newski, Trotzky đã nói với Antonoff Ovseienko: Đó là cuộc tổng đình công của tôi.

Nhưng Kérenski không tự giới hạn trong những biện pháp cảnh sát, ông đã vận dụng tất cả guồng máy chính trị. Không những ông muốn

liên kết với những phần tử hữu khuynh, ông còn muốn được sự ủng hộ của tả phái với bất cứ giá nào. Điều làm ông lo nghĩ chính là các nghiệp đoàn. Ông biết rằng các lãnh tụ của những nghiệp đoàn không đồng ý với các đảng viên bên sê vích. Sự chỉ trích của Kameneff và Zinovieff về lý thuyết dấy loạn của Trotzky được căn cứ trên điểm này. Tổng đình công là một yếu tố phải có của cuộc nổi dậy. Không có cuộc đình công, các đảng viên bên sê vích sẽ không yên tâm và sẽ thất bại. Trotzky đã định nghĩa cuộc nổi dậy: "một cú đấm vào một người tê liệt." Để cuộc nổi dậy có thể thành công đời sống Pétrograd phải bị tê liệt bởi cuộc tổng đình công. Các lãnh tụ nghiệp đoàn bất hợp tác với đám bên sê vích, nhưng những tổ chức quần chúng lại hướng về Lénine. Thiếu sự ủng hộ của những tổ chức này, Kérenski hy vọng đoạt được sự hợp tác của những lãnh tụ nghiệp đoàn. Ông đã điều đình với họ và ông đã đoạt được sự trung lập của họ một cách khó khăn. Khi được báo về điều này, Lénine đã nói với Trotzky: "Kameneff có lý. Không có sự hỗ trợ của cuộc tổng đình công, chiến thuật của đồng chí chỉ có thể thất bại." Trotzky trả lời: "Phần tôi, tôi có sự hỗn loạn yểm trợ. Nó còn đáng giá hơn một cuộc tổng đình công".

Để hiểu kế hoạch của Trotzky, ta cần phải xét xem tình thế Pétrograd hồi đó như thế nào? Hàng đám đào binh đông vô số kể đã bỏ hầm hố chiến tuyến đổ về thủ đô hồi đầu cách mạng tháng giêng, họ đóng trại ngay giữa phố và các công trường từ sáu tháng nay, rách rưới bẩn thỉu, khốn khổ, say sưa nhưng đói khát, e dè nhưng tàn bạo, sẵn sàng nổi loạn cũng như sẵn sàng trốn chạy và trong lòng ngập một nỗi khát khao thù hận lẫn hòa bình. Ngồi trên vỉa hè khu công viên Newski bên dòng người cuộn cuộn qua lại, hàng đám đào binh đang bán súng, tập san tuyên truyền, hạt dưa. Tại công trường Znamenskaia, trước nhà ga Moscou, sự hỗn loạn không thể nào tả xiết: đám đông dồn đến tường lùi ra, lấy lại sức, cuộn cuộn trào tới, vỡ tan ra như ngọn sóng sủi bọt trước một đồng nào chiến xa, nào xe cam nhông, nào xe điện chất đống chung quanh bức tượng của Alexander III, hòa lẫn tiếng ầm ầm chối tai nghe từ xa giống như tiếng la hét trong một cuộc tàn sát.

Phía bên kia cầu Fontanka, ngay giữa ngã tư của công viên Liteyni, trẻ bán báo gân cổ rao to những tin tức, những biện pháp của Kérenski, những tuyên ngôn, công bố của Hội đồng Quân sự Cách mạng, của Hội đồng Sô viết, của Hội đồng Đô thành, những mệnh lệnh của đại tá Tổng Trấn Polkownikoff dọa bỏ tù những đào binh, cấm tụ họp, biểu tình và bạo động. Tại góc phố, thợ thuyền, lính, sinh

viên, công nhân và lính thủy tụt tập, vừa lớn tiếng vừa vung chân múa tay bàn cãi. Khắp nơi, trong các tiệm cà phê, các quán ăn người ta nhạo báng các mệnh lệnh của Đại tá Polkownikoff, người người đòi bắt giữ 20.000 đào binh ở Pétrograd. Trước mặt điện Mùa Đông có hai khẩu đội 75 ly với đám Junker đang đi lại phía sau; trước bộ Tổng Tư Lệnh có hai hàng xe chuyên chở quân đội. Về phía Tổng Tư Lệnh Hải Quân, trong công viên Alesandre, một tiểu đoàn nữ quân nhân ngồi bệt xuống đất chung quanh những giá súng.

Công trường Marinskaia tràn ngập những thợ thuyền, thủy thủ, những đào binh rách rưới và tiều tụy. Một chi đội kỵ binh Cossaque canh gác điện Maria, trụ sở Thượng Viện. Họ hút thuốc, cười nói hô hố. Nếu ta chịu khó leo lên tận nóc thánh đường Isaac, về phía tây ta có thể thấy từng cuộn khói dày đặc bốc lên từ những nhà máy vùng Peutiloff, nơi mà các công nhân làm việc với súng có nạp đạn trên vai; xa hơn là vịnh Phần Lan; phía sau vịnh là đảo Rothine và đồn Cronstadt. Cronstadt đỏ, nơi mà những thủy thủ với màu mắt biếc non trẻ đang đợi hiệu lệnh của Dybenko để đi cứu Trotzky và tàn sát đám Junker. Phía kia của thành phố, một đám khói ửng đỏ trùm lên những ống khói san sát của ngoại ô Wiborg, nơi Lénine đang trốn tránh. Xanh xao và nóng nẩy trong bộ tóc giả, trông ông chẳng khác một anh kếp hát rẻ tiền tỉnh nhỏ.

Trông cái vẻ một người không râu, với mớ tóc giả dính sát vào trán, ta không thể nhận ra một Lénine góm ghiếc đang làm nước Nga rung động. Chính nơi đây, trong những nhà máy khu Wiborg, vệ binh đỏ của Trotzky đang đợi lệnh của Antonoff Ovseienko. Cứ tối đến khi màn đêm như nở rộng các khu phố, các mụ đàn bà ở các khu ngoại ô, về mặt âu sầu với ánh mắt lạnh lùng, lại tụ tập nhau để mò vào trung tâm thành phố. Những ngày lang thang của giới vô sản: từng đám thật đông di chuyển từ đầu này đến đầu kia của Pétrograd rồi lại quay về khu phố của họ sau hàng giờ và hàng giờ băng qua các đám mít tinh, biểu tình bạo động. Trong các trại lính, các nhà máy và tại các công trường hết mít tinh này lại đến mít tinh kia. *Phải dành quyền lực cho các Xô viết*. Tiếng oang oang của các diễn giả tan loãng vào rừng cờ đỏ. Trên các mái nhà, lính của Kérenski tì vai trên các ổ súng máy, thản nhiên cắn hạt dưa và vừa nghe những giọng oang oang trong đám đông dưới phố.

Đêm buông xuống thành phố như một màn khói chết chóc. Trong khu công viên Newski, làn sóng đào binh tràn về phía bộ Tư lệnh Hải Quân. Trước thánh đường Kazan, hàng trăm lính, đàn ông, đàn bà, thợ thuyền nằm ngã nghiêng trên đất. Tất cả thành phố chìm đắm

trong lo sợ, hỗn độn và cuồng loạn. Bỗng nhiên, người ta thấy những người hùng lên vì mất ngủ, tay cầm dao xông vào đám lính bảo an đang tuần tiễu, đám nữ quân nhân đang canh gác điện Mùa đông. Những tên khác tìm kiếm những tên trưởng giả, phá cửa, xông vào tận giường chúng. Cơn sốt của cuộc khởi nghĩa đã giết chết giấc ngủ của thành phố. Giống như phu nhân Macbeth, Pétrograd không còn ngủ được nữa. Đêm dài bị ám ảnh bởi mùi máu tanh.

Từ mười ngày qua, ngay giữa thành phố, vệ binh đỏ của Trotzky tập dượt cách quy củ. Chính Antonoff Ovseienko điều khiển những cuộc thao dượt của màn thử diễn cuộc đảo chánh giữa cái cảnh ồn ào náo nhiệt của đường phố, ngay bên cạnh những cơ sở có tính cách chiến lược của guồng máy hành chính và chính trị. Cảnh sát và giới chức quân sự, bị ám ảnh rằng quần chúng vô sản sẽ bắt thần nổi loạn khiến họ không hề lưu ý đến những toán xung kích của Antonoff Ovseienko. Trong cái cảnh hỗn loạn vô độ ấy, ai mà phòng ngừa đến những toán công nhân ít ỏi không vũ khí, những toán lính, thủy thủ đang len lỏi trong các hành lang, các tổng đài điện thoại và điện báo, các bộ sở và bộ tư lệnh, để quan sát vị trí các văn phòng, các chỗ gắn đèn điện và máy điện thoại, nhớ in vào đầu sơ đồ của các cơ sở, nghiên cứu cách xâm nhập bất ngờ vào thời lệnh, tính toán những chắc chắn, đo lường các trở ngại, tìm kiếm trong tổ chức phòng thủ guồng máy kỹ thuật, hành chánh và quân sự những yếu điểm, những nhược điểm trong hệ thống phòng thủ. Trong cái cảnh hỗn độn tập thể ấy, ai mà chú ý đến hai ba tên thủy thủ, vài tên lính, một chú thợ đang lượn quanh các căn cứ, xâm nhập vào các hành lang, đi lên các cầu thang và lỡ có gặp nhau cũng chẳng thèm nhìn? Không ai ngờ là những người này đang thi hành những mệnh lệnh chính xác và chi tiết, đang thi hành một kế hoạch và tập dượt những bài tập có mục tiêu nhằm vào các vị trí chiến lược của công sự phòng vệ chính quyền. Những vệ binh đỏ sẽ hành động chắc chắn vì họ đã thao dượt, vô hình, trên chính ngay địa thế của trận chiến sắp diễn ra.

Trotsky đã tìm cách lấy được sơ đồ các sở kỹ thuật của thành phố. Những thủy thủ của Dybenko, được các kỹ sư và chuyên viên giúp đỡ, đang nghiên cứu tại chỗ những vị trí ống dẫn ngầm dưới đất như ống nước, ống hơi cháy, các đường dây điện lực, các đường dây điện thoại và điện báo. Hai người trong đám họ đã thám sát những ống cống chạy dưới bộ Tổng Tham Mưu. Cần phải đạt tới mức độ có thể cô lập được một khu phố hay một nhóm nhà trong vài phút. Do đó Trotsky chia thành phố ra làm nhiều khu vực, ấn định những vị trí chiến lược, phân phối các nhiệm vụ từng khu cho các toán lính và

thợ chuyên môn. Cần phải có những thợ chuyên môn bên cạnh các binh sỹ: cuộc chiếm cứ nhà ga Moscou được giao phó cho hai tiểu đội gồm 25 binh sỹ người xứ Lettonie, hai thủy thủ và mười phu hỏa xa. Ba toán gồm thủy thủ, công nhân và nhân viên hỏa xa, tổng cộng là 60 người được giao cho nhiệm vụ chiếm nhà ga Varsovie. Đối với những nhà ga khác, Dybenko giao phó cho những tiểu đội 20 người. Để kiểm soát hoạt động của các đường xe lửa, mỗi đội được biệt phái một chuyên viên vô tuyến. Ngày 21 tháng 10 dưới sự chỉ huy trực tiếp của Antonoff Ovseienko, tất cả các toán tập dượt chiếm cứ những nhà ga. Antonoff Ovseienko theo dõi các cuộc điều động cách chăm chú và cuộc tổng dượt đã diễn ra chính xác và trôi chảy hoàn toàn. Cùng ngày đó, ba thủy thủ xâm nhập nhà máy phát điện trung ương ngay bên cạnh lối ra vào hải cảng. Nhà máy phát điện trực thuộc nha Giám Đốc Kỹ Thuật đô thành không có lính gác. Ông giám đốc nói với ba thủy thủ này: "Có phải các anh là người của quan tổng trấn phái đến? Ông đã hứa cho lính gác từ năm ngày nay". Ba thủy thủ bôn sê vích nói họ đến bảo vệ nhà máy điện chống đám vệ binh đồ trong trường hợp có dấy loạn. Cũng tương tự như thế mấy tiểu đội thủy thủ chiếm nốt ba nhà máy điện khác của thành phố.

Cảnh sát của Kérenski và các nhà cầm quyền quân sự chỉ lo đến việc bảo vệ cơ cấu tổ chức hành chính và chính trị; các bộ sở, điện Maria, trụ sở Thượng Viện, điện Tauride, trụ sở viện dân biểu Douma, điện Mùa Đông, bộ Tổng Tham Mưu. Trotzky đã khám phá ra điều sai lầm này và chỉ tấn công những cơ sở kỹ thuật của guồng máy công quyền và đô thành. Đối với ông vấn đề dấy loạn chỉ là một vấn đề kỹ thuật. Muốn chiếm một chánh quyền tân tiến, chỉ cần một đội xung kích và những chuyên viên kỹ thuật: các toán võ trang chỉ huy bởi những ông kỹ sư.

Trong khi Trotzky tổ chức cuộc đảo chánh rất là khoa học, Hội đồng trung ương của đảng Bôn-sê-vích tổ chức cuộc cách mạng vô sản. Việc này được giao cho một Ủy ban gồm có Staline, Sverloff, Boubnoff, Ouritzki và Djerjinski, hầu hết đều là địch thủ công khai của Trotzky. Họ đang nghiên cứu kế hoạch tổng khởi nghĩa. Họ là những người, mà đến năm 1927 được Staline cố gắng gán ghép cho tất cả cái công trạng của đảo chánh tháng mười. Họ không tin tưởng một chút nào vào cuộc nổi dậy cho Trotzky tổ chức. Hấn định làm gì với đám 1.000 bộ hạ? Đám Junker sẽ dẹp tan bọn chúng không khó nhọc gì. Phải huy động tầng lớp vô sản, hàng ngàn thợ thuyền của các khu ngoại ô, khu Poutiloff và Wiborg, đám đào binh đông vô số kể, những đơn vị Bôn-sê-vích trong đám lính đồn trú tại Pétrograd

hầu chống lại những lực lượng của chính phủ. Cần phải huy động cuộc tổng khởi nghĩa. Với những cuộc đánh úp, Trotzky chỉ là một đồng minh vừa nguy hiểm vừa vô dụng.

Đối với Ủy ban cũng như đối với Kérenski, cuộc cách mạng chỉ là một vấn đề thuộc phạm vi cảnh sát. Thật khó tin rằng sáng lập viên của cơ quan cảnh sát Bôn-sê-vích, của cái cơ quan có tên là Tcheka, sau này sẽ đổi tên là Guépéou, lại thuộc Ủy ban này. Bởi kẻ đó chính là Djerjinski với vẻ mặt phờ phạc và đáng gờm, người nghiên cứu hệ thống phòng thủ chính quyền Kérenski và ấn định kế hoạch tấn công. Trong tất cả những địch thủ của Trotzky, ông là người nham hiểm và đáng sợ nhất. Trong sự cuồng nhiệt của ông có cái vẻ e dè của một mục đàn bà. Ông là một thứ ả sĩ không bao giờ biết nhìn xuống bàn tay mình. Ông đã chết vào năm 1926 trước diễn đàn trong khi đang tố khổ Trotzky.

Buổi chiều trước ngày đảo chính, khi Trotzky nói với Djerjinski rằng vệ binh đỏ phải coi chính phủ Kérenski như không có, rằng không cần phải dùng đến súng máy để chiến đấu chống chính phủ mà là chiếm lấy chính quyền, rằng Thượng Viện, Bộ sở, Quốc Hội không quan trọng gì trên phương diện chiến thuật dấy loạn và không nên coi chúng là những mục tiêu của cuộc võ trang khởi nghĩa, rằng then chốt của quốc gia không phải là cơ cấu tổ chức hành chính và chính trị, cũng không phải là điện Mùa Đông, điện Tauride hay điện Maria mà là các cơ cấu kỹ thuật, nghĩa là những tổng đài điện thoại và điện báo, các đường xe lửa các máy điện thoại điện báo, các bến tàu, các nhà máy hơi đốt, các ống nước. Djerjinski trả lời rằng nghĩa quân phải tiến tới ngay trước mặt địch thủ và tấn công vị trí của họ. "Chúng ta phải tấn công chính phủ. Chúng ta phải hạ địch thủ ngay trên địa thế mà họ phòng thủ chính quyền." Nếu địch thủ cố thủ trong các Bộ sở, trong điện Maria, điện Tauride, điện Mùa Đông, ta phải tới kiểm chúng ngay tại đây. Rồi Djerjinski kết luận: "Để chiếm chính quyền, ta phải huy động quần chúng chống chính phủ".

Chiến thuật khởi nghĩa của Ủy Ban bị chi phối bởi thái độ trung lập của các Nghiệp Đoàn. Liệu ta có thể chiếm được chính quyền mà không cần tới sự hỗ trợ của cuộc tổng đình công? Cả Ủy Ban lẫn Hội Đồng Trung Ương đảng bộ đều trả lời "không". Cần phải phát động cuộc Tổng đình công bằng cách lôi kéo quần chúng vào phong trào khởi nghĩa. "Nhưng chỉ có chiến thuật Tổng khởi Nghĩa, chứ không phải chiến thuật đột kích, mới giúp chúng ta lôi cuốn được quần chúng chống lại chính phủ và phát động cuộc tổng đình công".

Trotsky trả lời: "Không cần tổ chức cuộc Tổng đình công. Sự hỗn

loạn kinh khủng ở Pétrograd còn hữu hiệu hơn cả cuộc tổng đình công. Chính sự hỗn loạn đã làm quốc gia tê liệt và ngăn cản chính phủ chuẩn đoán cuộc khởi nghĩa. Vì không thể dựa trên cuộc tổng đình công, chúng ta sẽ dựa trên sự hỗn loạn". Người ta nói rằng Ủy ban đã chống lại chiến thuật của Trotzky vì Ủy ban cho rằng chiến thuật ấy được thành lập dựa trên một nhận định quá lạc quan về tình thế. Thật ra, có lẽ Trotzky bi quan hơn là lạc quan; ông nhận định tình thế nghiêm trọng hơn là người ta tưởng. Ông đã bắt chấp quần chúng, ông biết rằng cuộc khởi nghĩa chỉ có thể trông cậy vào một số ít người. Phát động cuộc tổng đình công bằng cách lôi cuốn quần chúng võ trang đấu tranh chống chính phủ là một ảo tưởng: chỉ một số ít sẽ tham dự vào công tác khởi nghĩa. Trotzky tin chắc rằng nếu cuộc tổng đình công có xảy ra, nó sẽ xảy ra để chống lại đảng bôn sê vích và nếu muốn ngăn chặn cuộc tổng đình công chỉ còn cách là chiếm chính quyền ngay lập tức. Những biến động sau đó đã chứng tỏ rằng ông nhận xét đúng. Khi những phu hỏa xa, nhân viên bưu điện, điện thoại, điện báo, những công chức các bộ sở bỏ nhiệm sở thì đã quá muộn. Lénine đã nắm được chính quyền và Trotzky đã đập vỡ mặt cuộc đình công.

Sự chống đối chiến thuật Trotzky của Hội Đồng Trung Ương và Ủy ban đã tạo nên một tình thế vô lý sứt mẻ thì làm cuộc khởi nghĩa thất bại. Trước ngày đảo chánh, có hai bộ chỉ huy, hai kế hoạch và hai mục tiêu: Ủy ban dựa trên đám đông thợ thuyền và đào binh muốn chiến đấu hạ chính phủ để chiếm quyền; Trotzky chỉ dựa vào một ngàn người, muốn chiếm quyền để hạ chính phủ. Ngay chính Marx có lẽ cũng cho rằng tình thế thuận lợi cho kế hoạch của Ủy ban hơn là của Trotzky. Nhưng Trotzky nhấn mạnh rằng: "Cuộc khởi nghĩa không cần đến những hoàn cảnh thuận tiện".

Ngày 24 tháng 10, giữa ban ngày, Trotzky bắt đầu cuộc tấn công. Kế hoạch đã được ấn định từng chi tiết bởi Antonoff Ovseienko, cựu sỹ quan quân đội Hoàng gia, nổi tiếng như là một nhà toán học tài ba và một tay chơi cờ khét tiếng cũng như là một nhà cách mạng hay một tên chuyên môn bị lưu đầy. Khi bàn về chiến thuật Trotzky, Lénine đã nói với Antonoff Ovseienko rằng chỉ có một tay cờ giỏi mới có thể tổ chức được cuộc khởi nghĩa. Antonoff có vẻ buồn rầu và bệnh hoạn: những lọn tóc dài phủ xuống vai làm ông trông giống như một vài bức hình của Bonaparte trước ngày 18 Vụ nguyệt. Cái nhìn của ông giá lạnh, khuôn mặt gầy và xanh xao ánh lên một sự trầm buồn bệnh hoạn như một xác chết.

Trong một căn phòng trên tầng lầu chót của viện Smolny, đại bản

doanh của đảng Bôn sê vích, Antonoff Ovseienko đánh cờ trên tấm bản đồ thành Pétrograd. Dưới chân ông ở tầng dưới, Ủy ban đang nhóm họp để xác định ngày tổng khởi nghĩa. Ủy ban không được biết rằng Trotzky đã ra lệnh tấn công. Chỉ có Lénine là đã được báo vào phút chót về cái quyết định bất ngờ này của Trotzky. Ủy ban vẫn tin vào lời Lénine: có phải chính Trotzky đã tuyên bố vào ngày 21 là ngày 24 thì quá sớm mà ngày 26 lại quá muộn? Khi Ủy ban vừa nhóm thì Podwoisky trở tới mang theo một tin bất ngờ: Vệ binh đỏ của Trotzky đã chiếm được Tổng đài điện thoại và các cây cầu trên sông Néva; vì lẽ muốn bảo đảm sự liên lạc giữa trung tâm thành phố và khu ngoại ô Wiborg cần phải kiểm soát được những cây cầu đó. Những trung tâm phát điện của Đô thành, các nhà máy hơi đốt, các nhà ga đều đã bị thủy thủ của Dybenko chiếm. Các công việc đã diễn ra mau lẹ và trôi chảy lạ lùng. Tổng đài điện báo được khoảng 50 người vừa lính vừa Cảnh sát gác đằng trước. Sự bất lực của các biện pháp Cảnh sát dễ hiển hiện trong cái chiến thuật phòng thủ mà người ta quen gọi là công tác an ninh và phòng vệ. Chiến thuật này có thể rất hữu hiệu khi dùng để đàn áp một đám đông dấy loạn, nhưng bất lực trước một nhóm người quyết tử. Những biện pháp cảnh sát không thể chống lại các cuộc đột kích: ba thủy thủ của Dybenko, đã từng tập dượt trong các "điều động vô hình" và biết rõ địa thế, len lỏi vào hàng ngũ lính gác, xâm nhập vào các văn phòng và với vài trái lựu đạn quăng qua cửa sổ đã làm cho đám lính và cảnh sát rối loạn. Hai tiểu đội thủy binh đặt những ổ súng máy tại tổng đài điện báo. Một tiểu đội thứ ba chiếm căn nhà đối diện, sẵn sàng bắn vào lưng lực lượng phản công của địch. Các xe bọc sắt đảm bảo việc liên lạc giữa những toán đang thi hành công tác tại các khu vực trong thành phố với điện Smolny. Tại những ngã tư quan trọng, các ổ súng máy được che dấu trong các căn nhà ở góc đường; các toán tuần tiểu lưu động canh chừng doanh trại của các Trung Đoàn còn trung thành với Kérenski.

Vào khoảng 6 giờ chiều tại viện Smolny, Antonoff Ovseienko bước vào phòng Trotzky, mặt xanh tái hơn thường lệ nhưng tươi cười nói: "Xong rồi". Bị bất ngờ vì các biến cố, các nhân viên chánh phủ chạy vào ẩn tất cả trong điện Mùa Đông. Điện này còn được vài Đại đội Junker và một Tiểu đoàn Nữ Quân Nhân bảo vệ. Kérenski đã đào tẩu; người ta đồn ông đã chạy ra tiền tuyến để thu nhặt quân trở về Pétrograd. Tất cả dân chúng đổ ra đường, ai cũng khao khát tin tức. Các tiệm sách tiệm cà phê, tiệm ăn và nhá hát đều mở cửa, xe điện chật ních những lính và công nhân võ trang, một đám đông khổng lồ

tuôn ra như một nguồn nước dọc theo khu công viên Newski. Tất cả mọi người đều bàn cãi, tranh luận và chửi rủa Chính phủ và tội Bôn-sê-vích. Những tin đồn thất thiệt nhất truyền từ miệng người này sang người kia: Kérenski đã bị giết, những lãnh tụ Men-sê-vích bị bắn trước điện Tauride, Lénine đã vào ở trong điện Mùa Đông ngay tại phòng của Nga Hoàng. Dọc theo công viên Newski, đường Gorokowskaia, đường Vosnessenski, ba huyết lộ hội lưu nơi bộ chỉ huy Hải quân, một giọng người liên tục đổ vào công viên Alexandre để xem lá cờ đỏ đã được trưng lên trên nóc điện Mùa Đông chưa? Khi thấy đám Junker còn canh gác ở đó, đám đông dừng hết lại. Những ổ súng máy, những khẩu Đại bác làm đám đông ngỡ ngàng, nhìn xa hơn họ thấy hàng cửa sổ rực sáng, vắng ngắt, xe hơi xếp thành hàng trước Bộ Tổng Tham Mưu và họ không hiểu gì cả. Thế Lénine? Lénine ở đâu? Những đảng viên Bôn-sê-vích đâu? Bảo thủ, Tự do, Men-sê-vích, Xã hội Cách mạng, không ai biết rõ tình hình, nhất định không ai chịu tin rằng những đảng viên Bôn-sê-vích đã nắm được chính quyền; không nên tin những tin đồn do nhân viên của điện Smolny tung ra, các bộ sở dọn vào điện Mùa Đông chỉ là một biện pháp cần tất, nếu tin tức đúng thì cái gọi là cuộc đảo chánh chỉ là một chuỗi các cuộc đột kích tương đối kết quả (người ta chưa biết rõ gì hết) vào các sở Kỹ thuật Quốc gia hay Đô thành. Các cơ cấu Lập pháp, chính trị và cai trị vẫn còn trong tay Kérenski. Điện Tauride, Điện Maria, các bộ sở đều không bị tấn công. Tình hình thật là kỳ quái: chưa bao giờ có ai thấy một cuộc khởi nghĩa tuyên bố đã chiếm được chính quyền mà vẫn để chính phủ tự do. Người ta kháo nhau rằng đảng viên Bôn-sê-vích không màng đến chính phủ. Tại sao họ lại không chiếm các bộ sở? Có ai có thể làm chủ quốc gia và cai trị xứ Nga mà lại không nắm lấy những cơ cấu hành chánh? Đúng là các đảng viên Bôn-sê-vích đã chiếm được tất cả cơ cấu tổ chức kỹ thuật, nhưng Kérenski vẫn chưa đổ và chính ông mới là người có quyền lực mặc dù trong lúc này ông đã mất quyền kiểm soát các đường xe lửa, các trung tâm phát điện, các sở công cộng, điện thoại, điện báo, bưu điện, Ngân hàng quốc gia, các kho chứa than, chứa dầu và lúa mì. Nhưng người ta có thể phản đối rằng, trên thực tế các bộ trưởng gom lại trong điện Mùa Đông không còn can dự gì nữa, rằng tất cả các bộ sở không thể hoạt động. Chính phủ bị tách rời khỏi quốc gia và tất cả các phương tiện liên lạc đều rơi vào tay đảng Bôn-sê-vích. Tại các ngoại ô, tất cả các đường phố đều bị ngăn chặn, không ai có thể ra khỏi thành phố; ngay Bộ trưởng tham mưu cũng bị cô lập. Đài vô tuyến điện báo ở trong tay đảng Bôn-sê-

vích: thành Pierre và Paul bị vệ binh đỏ chiếm; một số trung đoàn đóng tại Pétrograd đã theo về với hội đồng quân sự cách mạng. Phải hành động ngay. Tại sao Bộ trưởng tham mưu lại ý ra thế? Người ta đồn họ còn đợi quân của tướng Krasnoff hiện đang tiến về thủ đô. Tất cả các biện pháp cần thiết để bảo vệ chính phủ đều đã được sử dụng. Nếu đảng Bôn-sê-vích chưa quyết định tấn công chính phủ, đó là dấu hiệu họ chưa đủ sức. Chưa có gì ngã ngũ cả.

Nhưng ngày hôm sau, 25 tháng 10, trong khi đệ nhị đại hội Xô viết liên Nga họp trong một căn phòng lớn của viện Smolny, Trotzky ra lệnh cho Antonoff Ovseienko tấn công điện Mùa Đông, nơi các bộ trưởng của Kérenski đang ẩn náu. Liệu đảng Bôn-sê-vích có chiếm được đa số tại đại hội? Để chứng minh cho đại diện các Xô viết của toàn nước Nga rằng cuộc khởi nghĩa đã thành công thì việc bảo rằng đảng Bôn-sê-vích đã chiếm được chính quyền chưa đủ mà phải làm sao để có thể bảo rằng các nhân viên chính phủ đã bị vệ binh đỏ bắt giữ. Trotzky nói với Lénine: "Đó là cách độc nhất để thuyết phục hội đồng Trung ương đảng bộ và ủy ban rằng cuộc đảo chánh không thất bại".

"Đồng chí đã quyết định hơi chậm," Lénine nói. Trotzky trả lời: "Tôi không thể tấn công chính phủ trước khi biết chắc rằng binh sỹ trung thành sẽ không chống cự: phải để họ có thì giờ theo về với chúng ta. Chỉ còn đám Junker là vẫn còn trung thành với chính phủ". Ngụy trang thành một công nhân đội một bộ tóc giả và không có râu Lénine rời chỗ trú ẩn để đến viện Smolny tham dự đại hội Xô viết. Đó là lúc buồn chán nhất đời ông: ông vẫn chưa tin rằng cuộc khởi nghĩa đã thành công. Cũng giống như hội đồng trung ương đảng bộ, Ủy ban và đa số các đại biểu tại đại hội, ông cần được biết rằng chính phủ đã đổ, rằng những Bộ trưởng của Kérenski đã lọt vào tay Vệ binh đỏ. Lénine nghi ngờ Trotzky, nghi cái bản tính kiêu căng và tự tin, cái bộ óc lăm mưu kế táo bạo của ông. Trotzky không thuộc thành phần kỳ cựu, không phải là một đảng viên Bôn-sê-vích mà người ta có thể nhắm mắt tin theo mà chỉ là một đảng viên mới, kết nạp sau biến cố tháng bảy. "Tôi không phải là một trong mười hai Sứ Đồ, Trotzky nói, tôi giống như thánh Phao Lồ, người đầu tiên đã giảng đạo cho những người ngoại đạo.

Lénine không bao giờ có nhiều cảm tình với Trotzky. Mọi người đều e ngại Trotzky. Tài hùng biện của ông rất đáng ngờ. Ông có cái khả năng nguy hiểm là biết kích động và xúi dục quần chúng nổi loạn. Ông là một kẻ chuyên gây ra sự chia rẽ, một kẻ phát sinh ra những tà thuyết, một người nguy hiểm nhưng cần thiết. Lénine đã nhận thấy từ

lâu rằng Trotzky thích ví von với những nhân vật lịch sử. Khi ông diễn thuyết trong các cuộc mít tinh hay trong các đại hội, khi ông tranh biện trong các hội nghị của đảng, ông không ngưng ví von với thời kỳ cách mạng Thanh giáo của Cromwell hay cuộc cách mạng Pháp. Một đảng viên Mác-xít mà hay phán xét và đo lường những nhân vật cùng những sự kiện của cuộc cách mạng Bôn-sê-vích theo những nhân vật và những sự kiện của cuộc cách mạng Pháp thì rất đáng ngại. Lénine không thể quên cảnh khi vừa được thả khỏi nhà tù Kresty- nơi Trotzky đã bị giam sau biến động tháng 7- Trotzky đã đến thẳng Hội đồng Xô viết Pétrograd và trong một bài diễn văn nẩy lửa, ông đã đòi thiết lập chính sách khủng bố của nhóm Jacobin. Những đảng viên men-sê-vích đã hét lên: "Cái máy chém sẽ dẫn tới Napoléon". Trotzky trả lời: "Tôi thà thích Napoléon hơn Kérenski". Lénine sẽ không bao giờ quên câu trả lời này. Sau này Djerjinski nói: "Hắn thà thích Napoléon hơn Lénine".

Trong một căn phòng nối liền với căn phòng mà Đại hội Xô viết liên Nga đang nhóm họp, Lénine ngồi bên cạnh Trotzky trước một cái bàn đầy báo và giấy tờ, một lọn tóc giả sòa trước trán. Trotzky không thể nín cười khi nhìn thấy mớ tóc kỳ khôi này. Ông nghĩ rằng đã đến lúc Lénine có thể bỏ bộ tóc giả. Không còn gì nguy hiểm nữa, cuộc khởi nghĩa là thành công. Lénine bây giờ là chúa tể của nước Nga. Đã đến lúc Lénine có thể để râu mọc trở lại, bỏ bộ tóc giả, xuất hiện trước quần chúng. Khi đi qua Lénine để tiến vào phòng họp, Dan và Skobelev, hai lãnh tụ của khối men-sê-vích nhìn nhau biến sắc. Họ đã nhận ra cái con người đội tóc giả, cái anh kếp hát rẻ tiền tỉnh lẻ kia chính là Lénine, kẻ phá hoại kinh hồn của nước Nga. Dan thầm thì với Skobelev: "Thế là hết". Trotzky nói với Lénine "Tại sao đồng chí còn phải nghi trang? Những kẻ chiến thắng không phải lẫn trốn." Lénine nheo mắt nhìn Trotzky, nhếch miệng cười mỉa mai. Ai là kẻ chiến thắng? Đó mới là vấn đề. Lâu một tiếng đại bác, một tràng liên thanh từ xa vọng lại. Chiến hạm Bình Minh đậu trên sông Néva, vừa nã súng vào Điện Mùa Đông yểm trợ cho cuộc tấn công Vệ binh Đỏ. Và kia tên lính thủy Dybenko, tên Dybenko khổng lồ với cặp mắt xanh biếc, với khuôn mặt đầy râu trắng mịn như tơ mà các thủy thủ đồn Cronstadt và bà Kollontai yêu mê say đắm vì ánh mắt trẻ thơ, vì cặp mắt xanh màu biển cả, đã đến. Dybenko báo tin: "Vệ binh Đỏ của Antonoff Ovseienko đã phá được điện Mùa Đông, các Bộ Trưởng của Kérenski đã bị bắt, chính phủ đã đổ". "Thế là xong". Lénine reo lên. Trotzky trả lời "Đồng chí đã chậm 24 tiếng". Lénine cởi bỏ bộ tóc giả, lấy tay xoa trán. Ông nói "nào đi" và tiến về

phòng họp của Đại Hội. Trotzky lặng lẽ theo sau. Ông có vẻ mệt mỏi, cặp mắt sắc như mờ đi vì ngái ngủ. Lounatcharsky đã viết: "trong suốt thời gian của cuộc khởi nghĩa, Trotzky là một cái chai Leyde". Nhưng lúc này chính phủ đã đổ và Lénine đã vứt bỏ bộ tóc giả, y như người ta cởi bỏ chiếc mặt nạ. Cuộc đảo chánh chính là Trotzky, nhưng nước Nga là Lénine. Vị nguyên thủ, nhà độc tài, kẻ chiến thắng chính là ông, Lénine. Trotzky lặng lẽ đi theo Lénine với nụ cười khó hiểu, nụ cười chỉ dụ đi khi Lénine nằm xuống.

Kỹ thuật đảo chánh

Dịch giả: Thái Độ

Chương II

LỊCH SỬ MỘT CUỘC ĐẢO CHÁNH HỤT hay TROTZKY CHỐNG STALINE

Staline là chính khách Âu châu độc nhất đã biết lợi dụng bài học cuộc Đảo chánh tháng mười 1917. Nếu tất cả các đảng cộng sản Âu châu đều phải học Trotzky về nghệ thuật cướp quyền thì các chính phủ tự do dân chủ phải học nghệ thuật bảo vệ chính quyền chống chiến thuật dấy loạn cộng sản, nghĩa là chống chiến thuật Trotzky, nơi Staline.

Trong vòng 10 năm trở lại đây, cuộc tranh chấp giữa Staline và Trotzky là giai đoạn phong phú nhất mà lịch sử chính trị Âu châu đã để lại. Những dấu hiệu của cuộc tranh chấp này đã xuất hiện từ một thời kỳ rất lâu trước Cách mạng tháng 10-1917. Sau đại hội ở Luân Đôn năm 1903 khi xảy ra sự chia rẽ giữa Lénine và Martoff, giữa những đảng viên Bôn-sê-vích và Men-sê-vích, Trotzky đã công khai tách rời khỏi hệ thống tư tưởng lê nin nít: mặc dù ông không tuyên bố là theo phe Martoff, ông thấy mình gần với lý thuyết Men-sê-vích. Nhưng thật ra, nhu cầu giải thích tư tưởng Lê-nin-nít, sự nguy hiểm của chủ nghĩa Trốt-kít, nghĩa là sự nguy hiểm trong các lối giải thích sai lệch đường lối chính thống, những tà thuyết... tất cả chỉ là những cái cớ và những lời biện minh chính thức cho một sự thù nghịch đã bén rễ từ những nguyên nhân sâu xa trong tâm trạng của những lãnh tụ bôn-sê-vích, trong tình cảm và trong quyền lợi của đám đông thợ

thuyền và nông dân, trong tình hình chính trị, kinh tế và xã hội của nước Nga sau cái chết của Lénine.

Lịch sử sự tranh chấp giữa Staline và Trotsky là lịch sử của âm mưu do Trotsky chủ động nhằm chiếm quyền cùng công việc bảo vệ chính quyền chống lại Trotsky của Staline. Đó là lịch sử của một cuộc đảo chánh hụt. Để chống lại lý thuyết "Cách mạng thường trực" của Trotsky, Staline tung ra những lý thuyết của Lénine và nền chuyên chính vô sản. Ta thấy cả hai phe đều nhân danh Lénine để kinh chống nhau. Nhưng những âm mưu, những cuộc cãi vã và những bài nguy thuyết phải chăng chỉ nhằm che đậy những biến cố quan trọng hơn các cuộc bút chiến về việc giải thích chủ thuyết Lê-nin-nít? Nguyên nhân chính của cuộc tranh chấp là quyền lực. Vấn đề kế vị Lénine được đặt ra từ lâu trước khi ông chết, từ khi những triệu chứng đầu tiên về căn bệnh của ông xuất hiện, không phải chỉ là một vấn đề tư tưởng chủ nghĩa. Những tham vọng cá nhân đã được che đậy sau những vấn đề chủ nghĩa. Ta không nên để những lời biện minh chính thức về các cuộc tranh luận đánh lừa. Mối quan tâm của Trotsky trong cuộc bút chiến là nhằm chứng tỏ rằng mình là kẻ bảo vệ bất vụ lợi cái thừa sản tinh thần và trí thức của Lénine, kẻ canh chừng những nguyên tắc của cách mạng tháng mười, đảng viên cộng sản kiên trì đang chống lại sự hủ hóa thu lại trong nội bộ đảng cùng sự trưởng giả hóa guồng máy công quyền Xô viết. Còn đối với Staline, vấn đề là che dấu không cho các đảng cộng sản khác cũng như các nước Âu Châu tư bản dân chủ và tự do biết những nguyên nhân chính của cuộc tranh chấp đang diễn ra trong nội bộ đảng, giữa những đệ tử kỳ cựu của Lénine, giữa những người tiêu biểu nhất của Liên bang Xô viết Nga. Thật ra Trotsky chiến đấu nhằm chinh phục và Staline nhằm bảo vệ chính quyền.

Staline không có cái tính lừng khừng, không dễ dàng bị lôi cuốn vì một vấn đề thiện hay ác, không có cái lòng vị tha mơ hồ, không có cái tính chất thật thà và tàn nhẫn của người Nga. Staline không phải là người Nga, ông là người xứ Georgia. Mưu lược của ông là biết xử dụng lòng kiên nhẫn, ý chí sắt đá và sự khôn ngoan mà thành. Ông luôn lạc quan và bướng bỉnh. Địch thủ của ông đã nhằm lớn khi cho rằng ông ngu si, thiếu học và thiếu thông minh. Họ làm, nhưng ta cũng không thể nói rằng ông là tay có học, một dân văn minh sành luận lý và tâm lý; nói cho rõ hơn, ông có những đặc tính trái ngược hẳn với nền tảng văn hóa và đạo đức Tây phương. Sự minh mẫn còn

trong trạng thái thiên nhiên không thiên kiến về văn hóa hay đạo đức. Như người ta thường nói dáng đi phản ảnh con người. Trong kỳ Đại hội Xô viết Liên Nga, tổ chức tại nhà hát lớn Mạc Tư Khoa vào tháng 5.1929, tôi đã thấy Staline đi, thấy ông bước lên diễn đàn. Tôi đang ngồi trong hàng ghế dành cho ban nhạc, ngay dưới sân khấu khi Staline hiện ra sau hàng các Ủy viên Nhân dân, các nhân viên của hội đồng trung ương đảng. Ông ăn mặc thật giản dị, một cái áo chèn màu xám cắt theo kiểu nhà binh với một cái quần vải màu xẫm bó sát trong đôi giày cao ống. Vai vuông, nhỏ thó, vạm vỡ, đầu hơi lớn với mái tóc quăn, hàng lông mi rất đen như làm cho đôi mắt thêm dài và lớn, bộ râu đậm màu cánh kiến làm cho khuôn mặt thêm nặng nề. Ông bước đi chậm chạp, nặng nề, gót nện xuống sàn nhà cồm cộp. Với cái đầu cúi tới đằng trước, hai tay vung vẩy, ông có dáng vẻ của một gã nông dân miền núi, thô kệch kiên nhẫn và bướng bỉnh. Trước tràng pháo tay nổi dậy như sấm chào mừng, chẳng thèm quay lại, ông tiếp tục chậm rãi bước tới, đứng đằng sau Rykoff và Kalinine, đầu ngưỡng lên, thản nhiên để đám đông hoan hô rồi ông đứng yên, đôi mắt lạnh lùng nhìn thẳng về phía trước. Chỉ có khoảng vài chục đại biểu Thát Đạt, đại diện cho các cộng hòa xô viết tự trị của dân tộc Bachkir, Bouriate-Mongol, Daghestan và Yakoute là đứng yên trong lô của họ. Mặc những bộ đồ lụa vàng và xanh cổ truyền, với những chiếc mũ kiểu thát đạt viền bạc chụp lên mái tóc dài đen mượt, họ giương những cặp mắt sếch thản nhiên nhìn Staline, kẻ độc tài, bàn tay sắt của cách mạng, kẻ tử thù của Tây Phương, của Âu châu trưởng giả, mập ú và văn minh. Ngay từ lúc cơn cuồng nhiệt của đám đông bắt đầu dịu xuống, Staline chậm chạp quay đầu về phía các dân biểu Tartares: cái nhìn của những người Mông cổ và cái nhìn của nhà độc tài giao nhau. Một tiếng hét vang dội lên từ phía thính đường: cứu nguy nước Nga vô sản của Á châu đỏ, của các dân tộc đồng cỏ, của các sa mạc, các sông lớn châu Á. Staline lại quay khuôn mặt thản nhiên của mình về phía cử tọa. Ông bất động và người cúi xuống, đôi mắt tẻ nhạt nhìn thẳng về phía trước.

Sức mạnh của Staline, chính là sự điềm tĩnh và lòng kiên nhẫn. Ông coi chường các cử chỉ của Trotsky, nghiên cứu các cử động theo dõi các bước chân nhanh nhưng bất định và nóng nảy của Trotsky bằng

bước đi nặng nề và chậm chạp kiểu nông dân của mình. Staline kín đáo khép kín, lạnh lùng, bướng bỉnh, còn Trotsky thì kiêu ngạo, dữ dội, ích kỷ, không kiên nhẫn, bị tham vọng và trí tưởng tượng của mình chế ngự. Bản chất của Trotsky là nóng nảy cuồng nhiệt, liều lĩnh, gây hấn. Staline phê bình về Trotsky: "Một tên Do thái khôn nạn". Còn Trotsky nói về Staline như sau: "Một tên Thiên chúa giáo bất hạnh".

Trong cuộc nổi dậy tháng 10, khi không báo trước cho cả Ủy ban Trung ương lẫn Ủy hội, Trotsky ném đạo Hồng vệ của mình vào công cuộc chinh phục Nhà nước, thì Staline tránh xa. Staline là kẻ duy nhất phân biệt được những diện yếu cùng những lầm lẫn của Trotsky, và cũng là người duy nhất tiên đoán được những hậu quả xa xôi của những lầm lẫn đó. Với cái chết của Lénine, khi Trotsky đột ngột đặt vấn đề kế vị Staline đã chiếm được guồng máy đảng và đã nắm được các vị trí điều khiển. Khi Trotsky kết tội Staline là đã nỗ lực giải quyết vấn đề kế vị một cách có lợi cho mình ngay từ trước khi Lénine chết thật lâu, quả thật đúng là Trotsky đã đưa ra một kết án không ai có thể chối cãi được.

Dầu sao, cũng chính Lénine trong khi đau ốm, đã cho Staline một địa vị ưu đãi trong đảng. Và Staline đã lợi thế khi đáp lại các lời kết án trên của địch thủ rằng bản phận của ông là hiện diện đúng lúc chống lại các hiểm nguy do cái chết không thể tránh được của Lénine sẽ tạo ra. Trotsky kết án: "Đồng chí đã lợi dụng căn bệnh của Người", Staline trả lời: "Tôi làm thế để ngăn cản đồng chí lợi dụng cái chết của Người".

Trotsky đã hết sức khéo léo khi thuật lại cuộc chiến đấu chống Staline của mình. Trong các trang ông viết lại, không chỗ nào cho thấy rõ bản chất thật của sự tranh chấp này. Sự lo lắng bận tâm lớn nhất, thường trực ở Trotsky là chứng tỏ với giới vô sản quốc tế và vô sản Nga, nhất là vô sản quốc tế, rằng ông không phải là con người như người ta đã kết án, không phải là một Catalina bôn sê vích sẵn sàng phiêu lưu đủ chuyện như người ta đã gán ghép. Cái mà mọi người gọi là cơn điên rồ ấy, theo ông, chỉ là một nỗ lực diễn giải theo kiểu Lénine, chủ thuyết Lénine. Lý thuyết "cách mạng thường trực" không là một hiểm nguy cho sự thống nhất chủ thuyết của đảng hay an ninh quốc gia. Ông không hề muốn là một Luther hay một Bonaparte.

Sự bện tâm như một sử gia của ông hoàn toàn là có tính cách tranh luận mà thôi. Hầu như là đã có một thỏa hiệp ngầm, cả Staline lẫn Trotsky đều cố gắng mang lại một tính cách tranh chấp tư tưởng cho một cuộc tranh chấp thực ra là tranh chấp quyền hành. Và lại chính thức mà nói, chưa hề có lời kết án Trotsky muốn làm Bonaparte. Một lời kết án như vậy dễ làm cho vô sản quốc tế thấy rằng cuộc cách mạng Nga đã lâm vào dốc thối hóa trường giả mà chủ nghĩa Bonaparte là một trong những dấu hiệu hiển nhiên nhất. Staline đã viết trong bài tựa của cuốn sách mang tên Về Tháng Mười như sau: "Lý thuyết cách mạng thường trực chỉ là một biến thái của chủ nghĩa men-sơ-vic." Đó là lời kết án chính thức: Trotsky có tội là đã rơi vào trong sự điên khùng men-sơ-vic. Nhưng nếu có thể dễ dàng đánh lừa vô sản quốc tế về bản chất đích thực của cuộc tranh chấp Staline Trotsky, thì lại không thể che dấu nổi tình hình thực sự đối với nhân dân Nga. Tất cả mọi người đều hiểu rằng Staline không chiến đấu chống lại một thứ lý thuyết men-sơ-vic lạc đường trong mê hồn trận của các diễn giải lý thuyết Lénine, mà chống lại một Bonaparte đồ, kẻ duy nhất có thể biến cái chết của Lénine thành một cuộc đảo chánh cùng đặt vấn đề kế vị Lénine trên bình diện nổi dậy.

Từ lúc khởi đầu năm 1924 đến khi chấm dứt năm 1926, cuộc tranh chấp duy trì tính cách một cuộc tranh luận giữa các kẻ ủng hộ lý thuyết "cách mạng thường trực" và những kẻ bảo thủ chính thống lý thuyết của Lénine, những kẻ mà Trotsky gọi là những tên giữ xác ướp của Lénine. Trotsky, với tư cách Ủy viên Chiến tranh, có quân đội cùng các tổ chức nghiệp đoàn do Tomski đứng đầu- ông này thù nghịch với chương trình của Staline, kẻ bắt các nghiệp đoàn lệ thuộc vào đảng: Tomski bảo vệ quyền tự trị hoạt động của nghiệp đoàn trong mọi tương quan đối với nhà nước. Lénine đã bện tâm đến sự khả dĩ có một sự liên minh giữa Hồng quân và các nghiệp đoàn ngay từ 1920. Sau khi Lénine chết, thỏa hiệp giữa Trotsky và Tomski đưa tới các hậu quả: ta thấy hình thành một mặt trận duy nhất quân nhân và thợ thuyền, chống lại sự thối hóa tiểu tư sản và nông dân, chống lại cái mà Trotsky gọi là "Thermidor của Staline." Đối diện với mặt trận duy nhất ấy, Staline nắm giữ Guépéou (mặt vụ) và bộ máy bàn giấy của cả đảng lẫn chính quyền, thấy xuất hiện nổi nguy có một vụ 18 Brumaire mới. Danh tiếng vĩ đại bao phủ tên Trotsky, vinh quang do các chiến thắng của Trotsky đối với Youdenitch, Kolchak, Denikine, Wrangel, cùng lòng kiêu ngạo thâm hiểm và táo bạo đã làm

ông trở thành một thứ Bonaparte đã được sự ủng hộ của quân đội, thợ thuyền cùng tinh thần cách mạng của các thanh niên cộng sản chống lại những kẻ bảo thủ chủ nghĩa Lénine cùng giới tầng lớp cao cấp của đảng. Troika (bộ ba, tam đầu chế) nổi danh Staline, Zinovieff và Kameneff xử dụng những mưu kế tinh tế nhất mà sự giả trá, âm mưu và cạm bẫy có thể mang lại để làm mất uy tín Trotsky trước quần chúng, gây sự bất hòa trong các đồng minh của Trotsky, reo rắc nghi ngờ và bất mãn trong hàng ngũ những kẻ ủng hộ, cùng tạo sự thất sủng và nghi ngờ đối với mọi lời nói, cử chỉ và ý định của Trotsky.

Từ lúc khởi đầu năm 1924 đến khi chấm dứt năm 1926, cuộc tranh chấp duy trì tính cách một cuộc tranh luận giữa các kẻ ủng hộ lý thuyết "cách mạng thường trực" và những kẻ bảo thủ chính thống lý thuyết của Lénine, những kẻ mà Trotsky gọi là những tên giữ xác ướp của Lénine. Trotsky, với tư cách Ủy viên Chiến tranh, có quân đội cùng các tổ chức nghiệp đoàn do Tomski đứng đầu- ông này thù nghịch với chương trình của Staline, kẻ bắt các nghiệp đoàn lệ thuộc vào đảng: Tomski bảo vệ quyền tự trị hoạt động của nghiệp đoàn trong mọi tương quan đối với nhà nước. Lénine đã bận tâm đến sự khả dĩ có một sự liên minh giữa Hồng quân và các nghiệp đoàn ngay từ 1920. Sau khi Lénine chết, thỏa hiệp giữa Trotsky và Tomski đưa tới các hậu quả: ta thấy hình thành một mặt trận duy nhất quân nhân và thợ thuyền, chống lại sự thoái hóa tiểu tư sản và nông dân, chống lại cái mà Trotsky gọi là "Thermidor của Staline." Đối diện với mặt trận duy nhất ấy, Staline nắm giữ Guépéou (mặt vụ) và bộ máy bàn giấy của cả đảng lẫn chính quyền, thấy xuất hiện nỗi nguy có một vụ 18 Brumaire mới. Danh tiếng vĩ đại bao phủ tên Trotsky, vinh quang do các chiến thắng của Trotsky đối với Youdenitch, Kolchak, Denikine, Wrangel, cùng lòng kiêu ngạo thâm hiểm và táo bạo đã làm ông trở thành một thứ Bonaparte đã được sự ủng hộ của quân đội, thợ thuyền cùng tinh thần cách mạng của các thanh niên cộng sản chống lại những kẻ bảo thủ chủ nghĩa Lénine cùng giới tầng lớp cao cấp của đảng. Troika (bộ ba, tam đầu chế) nổi danh Staline, Zinovieff và Kameneff xử dụng những mưu kế tinh tế nhất mà sự giả trá, âm mưu và cạm bẫy có thể mang lại để làm mất uy tín Trotsky trước quần chúng, gây sự bất hòa trong các đồng minh của Trotsky, reo rắc nghi ngờ và bất mãn trong hàng ngũ những kẻ ủng hộ, cùng tạo sự thất sủng và nghi ngờ đối với mọi lời nói, cử chỉ và ý định của Trotsky. Xếp sòng mặt vụ Guépéou, kẻ cuồng tín Dzerjinski, đã bao vây Trotsky bằng một hệ thống tình báo viên cùng cán bộ gây rối

khiêu khích. Bộ máy bí mật và ghê khiếp của Guépéou được sử dụng để cắt từng sợi gân của địch thủ. Dzerjinski làm việc trong bóng tối trong khi Trotzky hoạt động giữa ban ngày. Quả thực vậy, trong khi troïka phá hoại dần uy tín, làm nhơ danh tiếng của Trotzky, cố gắng trình bày ông này như một kẻ đầy tham vọng nhưng thất bại, một kẻ lợi dụng cách mạng, phản bội vong hồn Lénine, thì Trotzky lao vào tấn công Staline, Zinovieff và Kameneff cùng Ủy ban trung ương đảng, những kẻ bảo vệ chủ nghĩa Lénine, bộ máy bàn giấy quan liêu của đảng: ông tố cáo sự hiểm nguy có một vụ thermidor tiểu tư sản và nông dân, ông kêu gọi sự ủng hộ của giới đảng viên cộng sản trẻ chống lại bạo chế của giới tăng lữ cao cấp của cách mạng. Troïka phản công bằng một chiến dịch bôi xấu vu vạ rất tàn bạo. Tất cả báo chí tuân theo khẩu lệnh của Staline. Dần dần, hàng ngũ chung quanh Trotzky thưa dần. Những kẻ yếu do dự, rút ra tránh xa một chỗ, dấu đầu dưới cánh. Những kẻ bướng bỉnh, dữ dội và can đảm nhất chiến đấu oai dũng đầu ngẩng cao, nhưng mạnh ai người ấy làm, mất liên lạc với nhau. Họ nhắm mắt lao mình vào chống bộ ba, bị mắc kẹt trong hệ thống của các âm mưu, cạm bẫy, phản bội, họ bắt đầu nghi ngờ lẫn nhau. Binh sỹ và thợ thuyền coi Trotzky như là kẻ sáng tạo ra Hồng quân, kẻ chiến thắng Kolchak và Wrangel, kẻ bảo vệ tự do nghiệp đoàn cùng sự chuyên chế vô sản chống lại sự phản động của N.E.P. cùng nông dân, họ vẫn trung thành với con người của cuộc nổi dậy tháng mười cùng những tư tưởng của ông. Nhưng sự chung thủy của họ là thụ động, bất động trong chờ đợi, và trở thành một trọng lượng vô ích trong chiến thuật gây hấn và dữ dội của Trotzky.

Trong những giai đoạn đầu tiên của cuộc chiến, Trotzky có ảo tưởng là mình có thể tạo ra một sự phân hóa trong đảng. Với sự ủng hộ của quân đội cùng các nghiệp đoàn, ông tính lật đổ troïka, ngăn ngừa một vụ Thermidor của Staline bằng một vụ 18 Brumaire của "Cách mạng thường trực", chiếm lấy Đảng và Nhà nước để thực hiện chương trình Cách mạng toàn diện của mình. Nhưng những bài diễn văn, những bài châm biếm, tranh luận về những cách diễn giải tư tưởng Lénine không đủ để tạo ra một sự phân hóa trong đảng. Cần phải hành động: Trotzky chỉ còn phải chọn đúng lúc nữa thôi. Các hoàn cảnh thuận lợi cho dự tính này. Các bất đồng ý kiến bắt đầu nảy sinh giữa Staline, Zinovieff và Kameneff. Vậy tại sao Trotzky đã không ra tay?

Đáng lẽ hành động, đáng lẽ từ bỏ mọi tranh luận để sang địa hạt hành động nổi dậy, Trotzky lại để mất thì giờ của mình trong việc nghiên cứu tình hình chính trị và xã hội ở Anh, dạy cho các cộng sản Anh các quy tắc cần phải theo để cướp chính quyền, tìm kiếm những điểm tương đồng giữa quân đội thanh giáo của Cromwell và hồng quân, làm những cuộc so sánh giữa Lénine, Cromwell, Robespierre, Napoléon và Mussolini. Trotzky viết: "Lénine không thể đem so với Bonaparte hay Mussolini được, mà phải so với Cromwell và Robespierre. Lénine là Cromwell vô sản của thế kỷ XX. Định nghĩa này là lời khen ngợi cao nhất mà ta có thể mang lại cho Cromwell tiểu tư sản của thế kỷ XVI". Đáng lẽ phải áp dụng, không một chút chậm trễ, chiến thuật tháng Mười của mình để chống Staline, Trotzky lại đi lo khuyến cáo, dạy bảo các thủy thủ đoàn của hạm đội Anh quốc, các thủy thủ, thợ đốt máy, thợ cơ khí, điện khí, về những gì họ phải làm để trợ giúp cho thợ thuyền chiếm Chính quyền. Ông phân tích tâm lý quân sỹ cùng thủy binh Anh quốc để suy đoán xử sự của họ khi họ được lệnh bắn vào thợ thuyền, ông phân tích cơ cấu vận hành của một cuộc nổi loạn để trình bày từng động tác những cử chỉ hành động của người lính từ chối không bắn, của kẻ do dự, của kẻ sẵn lòng bắn bạn đồng đội nào không chịu khai hỏa. Đây là ba động tác chính yếu của cơ cấu vận hành: kẻ nào trong ba người sẽ quyết định cuộc nổi loạn? Khi ấy, ông chỉ nghĩ tới Anh quốc, chú trọng nhiều tới MacDonald hơn là Staline: "Cromwell đã không thành lập một đạo quân, mà thành lập một đảng: quân đội của ông ta là một đảng võ trang, sức mạnh của ông ta là ở điểm này". Trên các chiến trường, mọi người đã gọi các quân sỹ của Cromwell là các cạnh sắt (cotes de fer). Trotzky nhận xét: "Các cạnh sắt bao giờ cũng hữu ích cho một cuộc Cách mạng. Về vấn đề này, các thợ thuyền Anh quốc còn phải học nhiều ở Cromwell lắm". Như vậy, tại sao Trotzky còn chưa quyết định hành động? Tại sao ông không ném các cạnh sắt của mình, các quân sỹ của Hồng quân, chống lại phe Staline?

Ông chần chừ, các địch thủ lợi dụng ngay: họ cất chức Ủy viên Chiến tranh cùng quyền kiểm soát Hồng quân của ông. Một thời gian sau, Tomski bị đẩy ra khỏi chức vụ chỉ huy các nghiệp đoàn. Kẻ cuồng tín vĩ đại, con người Catalina đáng sợ đã bị tước khí giới: hai khí cụ mà con người Bonaparte bôn-sê-vic trông cậy để thực hiện kế hoạch 18 Brumaire, quân đội và các nghiệp đoàn, đều quay trở lại chống ông. Cơ quan Guépéou làm tan rã dần dần danh tiếng ông, và quần chúng những kẻ ủng hộ ông, thất vọng vì những xử sự mờ hồ cùng

những yếu đuối không thể cắt nghĩa của ông, đã phân tán tan rã một cách thộn trọng. Trotzky đau ốm, rời bỏ Moscou. Tháng năm 1926 ông nằm trong một bệnh viện ở Berlin: tin có tổng đình công ở Anh và cuộc đảo chánh của Pilsudzki làm ông lên cơn sốt. Ông phải trở về Nga, ông không được từ bỏ cuộc chiến đấu. "Còn nước, còn tát". Kẻ sáng tạo ra Guépéou, con người tàn nhẫn và cuồng tín Dzerjinski, chết vì một cơn bệnh apoplexie vào tháng 7.1926, trong một buổi hội của Ủy ban Trung ương, khi đọc một bài diễn văn dõ dục chống Trotzky. Sự liên minh giữa Kameneff và Zinovieff chống lại Staline đột nhiên cho thấy rõ sự bất đồng đã chín muồi từ lâu rồi giữa bộ ba của troïka. Bây giờ là cuộc chiến xảy ra giữa ba kẻ cùng là những kẻ giữ xác ướp của Lénine. Staline cho gọi người phụ tá Menjinski, kẻ kế vị Dzerjinski, lên nắm giữ cơ quan Guépéou: Kameneff và Zinovieff đứng về phía Trotzky. Lúc hành động đã đến. Làn thủy triều phiến nghịch đã dâng lên chung quanh điện Kremlin.

Từ lúc khởi đầu trận chiến chống Staline, Trotzky nhận xét, về Anh quốc, rằng các cuộc cách mạng không bắt buộc phải xảy ra: "Nếu ta có thể ấn định một lộ trình hợp lý, có thể tránh được các cuộc cách mạng". Vậy mà chính Trotzky đã ấn định một lộ trình hợp lý cho các nỗ lực cách mạng, đã mang lại các nguyên tắc và quy luật cho chiến thuật nổi dậy hiện đại. Lợi dụng bài học này, vào năm 1927, chính Staline đã chứng tỏ cho các chính quyền Âu châu rằng có thể bảo vệ được Nhà Nước trưởng giả chống lại nổi nguy hiểm của một cuộc nổi dậy cộng sản.

Thụy Sĩ và Hoà Lan, nghĩa là hai Quốc gia cảnh sát hóa nhất và tổ chức vững nhất Âu châu, nơi mà trật tự không phải chỉ là sản phẩm của bộ máy chính trị và bàn giấy của Nhà Nước, mà là một đặc điểm tự nhiên của nhân dân, đối với sự áp dụng chiến thuật nổi dậy cộng sản, cũng không mang lại những khó khăn lớn hơn những khó khăn do Nga của Kérenski mang lại. Nhận định nào lại có thể cho phép ta đưa ra một khẳng định nghịch lý như vậy? Nhận định sau: vấn đề đảo chính hiện đại là một vấn đề

thuộc loại kỹ thuật. Cuộc nổi dậy là một cái máy, Trotzky nói vậy: cần phải có các kỹ thuật gia để cho máy chạy, và cũng chỉ có những người này mới làm cho máy ngừng lại được thôi. Việc làm cho máy chuyển vận không tùy thuộc các điều kiện chính trị, xã hội và kinh tế của một nước. Cuộc nổi dậy không thực hiện bằng quảng đại quần chúng, mà bằng một nhóm người sẵn sàng làm tất cả mọi sự, được huấn luyện về chiến thuật nổi dậy, được đào luyện để đánh nhanh, đánh mạnh vào các trung tâm sinh tử của tổ chức kỹ thuật của Nhà nước. Đạo xung phong này phải bao gồm những ế-kíp thợ thuyền chuyên môn, cơ khí viên, thợ điện, chuyên viên viễn thông tất cả đặt dưới lệnh các kỹ sư, các kỹ thuật gia am hiểu hoạt động kỹ thuật của Chính quyền.

Năm 1923, trong một phiên họp của Komintern, Radek đã đề nghị tổ chức ở tất cả các nước Âu châu một đoàn thể đặc biệt để chinh phục Chính quyền. Quan điểm của Radek là 4000 người huấn luyện kỹ và hành động giỏi sẽ có thể chiếm chính quyền trong bất cứ một quốc gia Âu châu nào, ở Pháp cũng như ở Anh, ở Đức cũng như ở Thụy sỹ hay Tây ban nha. Radek không tin một chút nào ở khả năng cách mạng của đảng viên cộng sản các quốc gia khác. Những lời chỉ trích của ông về người và phương pháp của Đệ tam Quốc tế cũng chẳng kiêng nể ngay cả tới những người đã chết như Rosa Luxemburg và Liebknecht. Năm 1920, trong cuộc tấn công Ba Lan của Trotzky, trong khi hồng quân tiến gần sông Vistule và ở điện Kremlin mọi người chờ đợi từng giờ tin loan báo Varsovie thất thủ, Radek là kẻ duy nhất chống lại sự lạc quan của tất cả mọi người. Chiến thắng của Trotzky tùy thuộc một phần lớn sự trợ giúp của các đảng viên cộng sản Ba Lan. Lénine tin rằng, với một niềm tin mù quáng, cuộc nổi dậy của vô sản sẽ bùng lên ở Varsovie ngay khi hồng quân tiến đến sông Vistule: "Ta không được tin cậy ở cộng sản Ba Lan, Radek quả quyết như thế, vì họ chỉ là cộng sản chứ không phải là cách mạng". Một thời gian sau Lénine tuyên bố với Clara Zetkin: "Radek đã tiên liệu cái gì sẽ xảy ra. Hắn đã báo trước cho chúng tôi. Lúc ấy tôi quả thực đã tức với hắn, tôi đã la hắn là đồ chủ bại. Nhưng chính hắn đã có lý. Hắn biết rõ hơn chúng tôi về tình hình bên ngoài nước Nga, nhất là trong các nước Tây phương".

Nhưng đề nghị lập đoàn thể đặc biệt để chiếm chính quyền trên của Radek đã bị cả Lénine cùng tất cả nhân viên của Komintern phản đối. Lénine quả quyết: "Nếu chúng ta muốn giúp cộng sản các quốc gia khác chiếm chính quyền, chúng ta phải nỗ lực tạo ra ở Âu châu những điều kiện tương tự như các điều kiện nước Nga vào năm

1917". Trung thành với quan niệm chiến lược của mình, Lénine đã quên mất bài học do các biến cố Ba lan trên đã mang lại. Chỉ duy có Trotzky là ủng hộ đề án của Radek. Ông còn đi tới chỗ ủng hộ sự cần thiết phải thành lập tại Moscou một trường huấn luyện kỹ thuật cho các người cộng sản có nhiệm vụ tổ chức và chỉ huy một đoàn đặc biệt để cướp chính quyền trong mỗi quốc gia. Ý kiến này sau được Hitler mang ra áp dụng, cho tổ chức ở Munich một trường loại này để huấn luyện các toán xung kích cho Quốc Xã. Trotzky khẳng định: "Với một đoàn đặc biệt chừng 1000 người, tuyển mộ trong giới thợ thuyền Berlin và do các Cộng sản Nga chỉ huy, tôi cam đoan là sẽ chiếm được Berlin trong 24 giờ. Ông không tin ở trào lưu, ở sự tham dự của quần chúng vô sản vào hành động nổi dậy. "Sự tham dự của quần chúng vô sản có thể hữu ích, nhưng là vào giai đoạn hai, để đẩy lui một cuộc phản công của các kẻ phản cách mạng". Ông cũng thêm rằng cộng sản Đức bao giờ cũng (thế nào cũng?) bị Shupos và Reicheswehr đánh bại, ngày nào họ chưa chịu quyết định áp dụng chiến thuật tháng 10, 1917. Trotzky và Radek còn soạn thảo cả một kế hoạch đảo chánh ở Berlin. Vào tháng 5.1926, khi tới thủ đô Đức để giải phẫu họng, Trotzky bị kết tội là tới Berlin để tổ chức một cuộc nổi dậy cộng sản. Nhưng vào 1926, Trotzky đã không còn chú trọng đến cách mạng ở các quốc gia Âu châu nữa. Tin loan báo có tổng đình công ở Anh và cuộc đảo chánh của Pilsudzki ở Ba lan đã làm ông lên cơn sốt và vội vã trở về Moscou. Đó là cơn sốt của những ngày vĩ đại tháng 10, cơn sốt đã biến Trotzky, như Lounatcharski (nói?) thành một bình Leyde. Xanh xao và lên cơn sốt, Trotzky trở lại Moscou để tổ chức toán xung kích nhằm lật đổ Staline và chiếm chính quyền.

Nhưng Staline đã biết lợi dụng bài học tháng 10.1917. Với sự trợ giúp của Menjinski, tân giám đốc cơ quan mật vụ Guépéou, Staline đã tổ chức một đoàn đặc biệt để bảo vệ Chính quyền. Cơ quan chỉ đạo của đoàn đặc biệt này được đặt tại điện Loubianke, trụ sở của Guépéou. Menjinski đích thân coi sóc việc tuyển mộ đoàn viên đoàn đặc biệt này, chọn lựa trong giới thợ các ngành kỹ thuật của chính quyền, thợ hỏa xa, cơ khí viên, thợ điện, chuyên viên hữu tuyến và vô tuyến điện thoại. Vũ khí trang bị cá nhân của họ chỉ gồm có lựu đạn và súng lục để họ khỏi bị vướng víu trong khi di chuyển và hành động. Đoàn đặc biệt này gồm 100 toán mỗi toán 10 người, có hai mươi xe tự động bọc sắt yểm trợ. Mỗi một liên toán có một phân đội liên thanh hạng nhẹ. Những kẻ đi xe gắn máy giữ việc liên lạc giữa các toán và Loubianka. Menjinski, kẻ chỉ huy trực tiếp tổ chức này,

đã chia Moscou ra làm sáu khu: một hệ thống điện thoại bí mật liên lạc giữa khu này và khu khác qua Loubianka. Ngoại trừ Menjinski, chỉ còn có các thợ thuyền đã thiết lập đường giây này mới biết được là có (sự hiện hữu?) cùng các lộ trình của hệ thống liên lạc này mà thôi. Như vậy, tất cả các trung tâm tối hệ trọng cho tổ chức kỹ thuật của Moscou đều được nối liền bằng điện thoại với Loubianka. Nhiều tổ được bố trí ở các điểm chiến lược của mỗi khu trong các nhà: đây là những cá nhân quan sát, kiểm soát và kháng chiến (cụ ?), chúng là các mắt của sợi giây truyền hợp thành hệ thống thần kinh của tổ chức.

Đơn vị chiến đấu của đoàn đặc biệt này là toán. Mỗi toán phải tập luyện chuẩn bị hành động vào một địa thế được chỉ định trước, độc lập đối với các toán khác. Mỗi người phải biết thật chính xác nhiệm vụ của toán mình, cùng nhiệm vụ của chín toán khác cùng khu. Tổ chức này, theo lời của Menjinski là "bí mật và vô hình". Các đoàn viên không mặc đồng phục, không có một dấu hiệu bề ngoài nào để mọi người có thể nhận ra được họ : sự gia nhập của bọn họ vào tổ chức cũng giữ bí mật nữa. Ngoài một huấn luyện kỹ thuật và quân sự, họ còn thụ nhận một huấn luyện chính trị nữa: kích thích lòng căm thù đối với các kẻ địch, đã biết rõ hay còn bí mật, của cách mạng, căm thù những người Do thái, những kẻ ủng hộ Trotzky. Những người Do thái không được chấp nhận vào trong tổ chức. Đây quả thực là cả một trường chống Do thái, trong đó các đoàn viên đoàn đặc biệt học hỏi nghệ thuật bảo vệ chính quyền chống lại chiến thuật nổi dậy của Trotzky. Mọi người đã bàn cãi nhiều, ở Nga cũng như ở Âu châu, về bản chất và nguồn gốc bài Do thái của Staline. Những người này cho rằng đó là một nhượng bộ phải có một cách giai đoạn đối với các thành kiến của nông dân. Những người khác lại coi đó chỉ như một thời kỳ của cuộc chiến chống lại Trotzky của Staline, chỉ vì ông này cũng như Zinovieff và Kamenev đều là người Do thái. Những kẻ kết án Staline là vi phạm luật pháp (bài Do thái bị coi như là một tội phản cách mạng và bị trừng trị nghiêm khắc bởi luật pháp) đã không để ý tới sự kiện là sự bài Do thái của Staline cần phải được xét đoán căn cứ vào các nhu cầu bảo vệ Nhà nước, và ta phải coi sự bài Do thái ấy như một trong những yếu tố chiến thuật Staline đã sử dụng để chống lại dự tính nổi dậy của Trotzky mà thôi. Lòng căm thù của Staline đối với ba người Do thái Trotzky, Zinovieff và Kameneff không đủ để biện minh cho một sự trở lại chính sách bài Do thái của chính quyền kiểu thời Stolypine mười năm sau Cách mạng Tháng Mười 1917. Hiển nhiên ta không nên tìm những nguyên

nhân của cuộc đấu tranh của Staline chống Do thái trong sự cuồng tín tôn giáo hay các thành kiến truyền thống: nguyên nhân chính là do nhu cầu chống lại những phần tử nguy hiểm nhất trong thành phần ủng hộ Trotzky. Menjinski cũng ghi nhận rằng trong thành phần ủng hộ Trotzky, hầu hết đều là Do thái. Trong hồng quân, các nghiệp đoàn, các xưởng máy, các người Do thái đều ủng hộ Trotzky. Ở Sô viết Moscou, nơi Kameneff, hệ thống thần kinh của phe đối lập với Staline đều hợp bởi những người Do thái. Muốn tách khỏi Trotzky, Kameneff và Zinovieff quân đội, các nghiệp đoàn cùng quần chúng thợ thuyền Moscou và Leningrad, chỉ cần khơi dậy lòng căm thù bản năng của dân tộc Nga đối với người Do thái là đủ. Trong cuộc chiến chống lại "cách mạng thường trực", Staline đã dựa trên lòng ích kỷ tiểu tư sản của các "kullaki" và sự ngu dốt của quần chúng nông dân chưa hề từ bỏ lòng căm thù di truyền của họ đối với Do thái. Staline dự tính dùng lòng bài Do thái để thành lập một mặt trận duy nhất gồm quân sỹ, thợ thuyền và nông dân để chống lại nỗi nguy do phe Trotzky mang lại. Menjinski đã lợi thế hơn trong cuộc chiến đấu chống phe đảng Trotzky, trong việc săn đuổi những nhân viên tổ chức bí mật Trotzky đang tổ chức để chiếm chính quyền. Trong mỗi người Do thái, Menjinski đều nghi ngờ và truy hành một kẻ bạo chúa điên khùng. Cuộc chống Trotzky như vậy đã trở thành có tính cách bài Do thái của chính quyền. Những người Do thái bị loại bỏ một cách có phương pháp khỏi Quân đội, các nghiệp đoàn, bộ máy hành chính của đảng và Nhà nước, ban quản trị của các tổ hợp kỹ nghệ và thương mại. Dần dần đảng của Trotzky đã từng nắm giữ các cơ quan của bộ máy chính trị, kinh tế và hành chính bị tan rã. Trong những người Do thái bị Guépéou làm cho mất việc, mất chức, đầy ải, phân tán, hay bị đẩy ra ngoài lề xã hội xô viết, có nhiều kẻ không dính dáng gì đến Trotzky cả. Menjinski nói: "Chúng phải trả nợ đậy cho các kẻ khác, các kẻ khác phải trả nợ đậy cho tất cả." Đối đầu với chiến thuật của Staline, Trotzky chịu trận: ông bất lực không thể chống lại nỗi căm thù bản năng của dân tộc Nga. Tất cả những thành kiến của nước Nga cổ đang quay lại chống kẻ Catalina "can đảm và hèn nhất như một người Tartare".

Trotsky có thể làm gì được chống lại sự sống lại bất ngờ của các bản năng cùng các thành kiến của dân tộc Nga? Những người theo ông tầm thường nhất, trung thành nhất, những thợ thuyền đã từng theo ông trong tháng 10-1917, những binh sỹ ông đã dẫn tới chiến thắng những quân Cosaque của Kolchak và Wrangel, đều lảng xa ông. Trước mắt của quần chúng, Trotsky chỉ còn là một tên Do thái.

Zinovieff và Kameneff bắt đầu ớn lòng can đảm dũ dội của Trotzky, ý chí, kiêu ngạo, căm thù cùng sự coi thường chiến đấu của Trotzky. Kameneff, yếu hơn, bất định và hèn hơn Zinovieff, không có phản bội Trotzky: Kameneff chỉ bỏ rơi thôi. Trước ngày nổi dậy chống Staline, Kameneff hành động đối với Trotzky y hệt như đối với Lénine trước ngày cách mạng tháng 10-1917. Về sau này ông nói như sau để biện minh: "Tôi không tin cậy ở hành động nổi loạn". Về sau Trotzky nói thêm về ông này: "Hắn cũng không tin cả sự phản bội nữa" - Trotzky không bao giờ tha thứ cho Kameneff về tội không đủ can đảm để phản bội mình công khai. Còn Zinovieff không bỏ rơi Trotzky, mà phản bội vào phút chót, sau khi hành động mạnh chống Staline đã thất bại: "Zinovieff không phải là một tên hèn, hắn chỉ bỏ chạy trước nguy hiểm thôi". Không muốn giữ ở lại gần mình lúc lâm nguy, Trotzky trao cho Zinovieff nhiệm vụ tổ chức ở Léninegrad những toán thợ thuyền có nhiệm vụ chiếm thành phố này khi có loan báo nổi dậy thành công ở Moscou. Nhưng Zinovieff không còn là thần tượng của quần chúng thợ thuyền Léninegrad nữa. Vào tháng 10.1927, trong khi Ủy ban Trung ương đảng hội họp ở thủ đô cũ, cuộc biểu tình tổ chức chào mừng Ủy ban đột nhiên lại biến thành một cuộc biểu tình ủng hộ Trotzky. Nếu Zinovieff còn có ảnh hưởng trong giới thợ thuyền Léninegrad, chuyện này chắc đã có thể là khởi đầu cho một cuộc nổi loạn. Về sau này Zinovieff nhận công về cuộc biểu tình phiến loạn đó. Thực ra, cả Zinovieff lẫn Menjinski đều đã không ngờ là có. Chính Trotzky cũng ngạc nhiên nữa: nhưng Trotzky đã có khôn ngoan là không thử khai thác vụ biểu tình này. Quần chúng thợ thuyền Léninegrad không còn được như là mười năm về trước nữa. Những hồng vệ của tháng 10-1917 đã biến thành gì rồi? Đoàn thợ thuyền và binh sỹ thối sáo khi diễu hành qua điện Tauride, dưới khán đài của các nhân viên Ủy ban Trung ương, bao quanh khán đài của Trotzky để hoan hô vị anh hùng của cuộc nổi dậy tháng 10, kẻ sáng lập ra hồng quân, người bảo vệ tự do nghiệp đoàn, đã cho Staline thấy rõ nhược điểm của tổ chức mật của Trotzky. Ngày hôm ấy, chỉ cần một nhóm người quả cảm là đủ chiếm được thành phố. Nhưng không phải là Antonoff-Ovseienko chỉ huy các toán thợ thuyền, các toán xung kích nữa: các hồng vệ của Zinovieff sợ bị cấp chỉ huy của mình phản bội. Menjinski nghĩ rằng nếu nhóm của Trotzky ở Moscou cũng mạnh như ở Léninegrad, Trotzky chắc đã thắng. Nhưng đất đã lở dưới chân Trotzky, ông từ lâu đã phải dự khán trong bất lực những vụ bắt bớ tù đầy của các đồng chí ủng hộ mình, từ quá lâu, mỗi ngày ông đã thấy mình bị bỏ rơi bởi những kẻ

bao giờ cũng chứng tỏ có can đảm và cương nghị. Ông lao mình vào trận tử chiến, tìm lại trong máu mình lòng kiêu ngạo bất khuất của kẻ Do thái bị truy hành, tìm lại cái ý chí tàn nhẫn và thù hận đã mang lại cho giọng ông âm thanh như sấm truyền của thất vọng và nổi loạn. Cái con người xanh xao mắt cận thị mở to vì cơn sốt và thiếu ngủ, đứng giữa các cuộc mít tinh, trong sân các cơ xưởng và trại lính, trước các đám đông thợ thuyền và binh sỹ nghi ngại ấy, chẳng còn là Trotsky của 1922, 1923, 1924, thanh lịch, mỉa mai và tươi cười. Bây giờ là Trotsky của 1917, 1918, 1919, 1920 và 1921, của cuộc nổi dậy tháng 10 và của cuộc nội chiến, Catalina bôn-sơ-vích, Trotsky của Smolny và của các bãi chiến trường, con người phản kháng vĩ đại. Các quần chúng thợ thuyền Moscou đã nhìn thấy ở con người xanh xao và dữ dội này Trotsky của những mùa đỏ của Lénine. Chưa chi luồng gió khơi loạn đã thổi lên trong các cơ xưởng và trại lính. Nhưng Trotsky vẫn trung thành với chiến thuật của mình, ông không muốn lao vào chinh phục chính quyền bằng quần chúng, mà bằng các toán xung kích tổ chức trong bí mật. Ông không nhằm chiếm chính quyền bằng một cuộc nổi dậy, bằng một cuộc nổi loạn của quần chúng thợ thuyền, mà bằng một cuộc đảo chính tổ chức khoa học. Trong một vài tuần nữa mọi người sẽ cử hành lễ kỷ niệm năm thứ mười Cách mạng Tháng Mười. Các phân bộ của Đệ tam Quốc tế ở tất cả các nước Âu châu sẽ cử đại diện đến Moscou. Trotsky muốn cử hành kỷ niệm năm thứ mười chiến thắng Kérenski của mình bằng một sự chiến thắng Staline. Các phái đoàn thợ thuyền của tất cả các nước Âu châu sẽ dự khán một cuộc trở lại cách mạng vô sản chống Thermidor của các dân tiểu tư sản của điện Kremlin. Staline vừa nói vừa cười: "Trotsky chơi lận". Staline theo dõi rất sát mọi cử động của địch thủ.

Chỉ trong một ngàn thợ thuyền và binh sỹ cựu đồng chí của Trotsky còn trung thành với quan niệm cách mạng bôn-sơ-vích, đã sẵn sàng cho ngày hành sự: từ lâu rồi, những toán kỹ thuật gia và thợ chuyên môn đã tập luyện những "hoạt động vô hình". Những người của đoàn đặc biệt, cho Menjinski tổ chức để bảo vệ nhà nước, đã cho thấy chung quanh họ sự chuyển vận của bộ máy nổi dậy của Trotsky: hàng ngàn dấu hiệu nhỏ báo cho họ biết nỗi nguy đã gần kề. Bằng tất cả mọi cách, Menjinski cố gắng ngăn cản những chuyển động của địch, nhưng những cuộc phá hoại về hỏa xa, tại các trung tâm điện lực, điện thoại và điện tín gia tăng thêm mỗi ngày. Những người của Trotsky len lỏi vào mỗi chỗ, thỉnh thoảng gây ra những vụ tê liệt một phần của các cơ quan tế nhị nhất. Đó là những thử lửa sơ khởi của

cuộc nổi dậy. Các kỹ thuật gia của đoàn đặc biệt của Menjinski, động viên thường trực, coi chừng sự hoạt động của hệ thống thần kinh của chính quyền, thử lại sự nhạy cảm của các bộ máy, đo lường mức độ đề kháng và phản ứng. Menjinski muốn bắt ngay Trotzky cùng những kẻ nguy hiểm nhất trong phe địch, nhưng Staline không cho. Ngay trước ngày cử hành kỷ niệm thứ mười cách mạng tháng Mười một vụ bắt Trotzky sẽ gây ra một cảm tưởng bất lợi đối với quần chúng và đối với các phái đoàn thợ thuyền của tất cả các quốc gia Âu châu tới dự lễ. Cơ hội Trotzky chọn lựa để cướp chính quyền không thể nào thuận lợi hơn thế được. Vì là nhà chiến thuật giỏi, Trotzky đã che chở cho mình kỹ. Vì không muốn có vẻ là một nhà bạo chúa, Staline sẽ chẳng bao giờ dám bắt Trotzky. Và khi nào dám, lúc ấy sẽ là quá trễ, Trotzky nghĩ như vậy: những ngọn pháo bông mười năm cách mạng vừa tắt, Staline sẽ chẳng còn nắm chính quyền nữa.

Hành động nổi dậy theo trù liệu phải bắt đầu bằng việc chiếm cứ các cơ quan kỹ thuật của bộ máy Nhà nước và bằng việc bắt các Ủy viên Nhân dân, các nhân viên của Ủy ban Trung ương cùng Ủy ban Giám sát đảng. Nhưng Menjinski đã đỡ đòn sẵn: các hồng vệ chỉ tìm thấy những căn nhà trống không. Tất cả các thủ lĩnh của phe Staline đã ẩn trốn vào điện Kremlin, nơi Staline chờ đợi, lạnh lùng và kiên nhẫn, kết cục của trận giao tranh giữa các nhóm xung kích của phe nổi dậy và đoàn đặc biệt của Menjinski. Hôm đó là 7 tháng 9. 1927. Moscou đầy cờ đỏ, các đoàn đại biểu của các cộng hoà liên bang của Liên Xô từ khắp nước và từ tận cùng châu Á, đã diễn hành trước khách sảnh của Hôtel Savoy và Hôtel Métropole, nơi cư ngụ của các phái đoàn thợ thuyền của các quốc gia Âu châu. Tại Hồng trường, trước các bức tường thành của Kremlin, hàng ngàn cờ đỏ bao quanh đài mộ phần của Lénine. Về phía cuối Hồng trường, phía nhà thờ Wassili Blajenni, là hàng ngũ kỵ binh của Budyonni, bộ binh của Toukatehewski, các cựu chiến binh của 1918, 1919, 1920, 1921, những quân sỹ mà Trotzky đã dẫn tới chiến thắng trên tất cả các mặt trận của nội chiến. Trong khi Ủy viên Nhân dân Bộ Chiến tranh duyệt binh, Trotzky, kẻ sáng lập ra Hồng quân, đang định chiếm chính quyền bằng một nghìn người.

Menjinski đã áp dụng các biện pháp của mình. Chiến thuật phòng vệ của ông là không bảo vệ bên ngoài các cơ sở bị đe dọa bằng những lực lượng bao quanh, mà bảo vệ bên trong bằng một nhóm người. Đương đầu với cuộc tấn công vô hình của Trotzky, Menjinski mang ra một cuộc phòng vệ vô hình. Menjinski không rơi vào lỗi lầm là phân tán lực lượng để bảo vệ Kremlin, các Bộ, các trụ sở của các tổ

hợp kỹ nghệ và thương mại, các nghiệp đoàn và các cơ quan hành chính. Trong khi các đội cảnh sát của Guépéou lo cho an ninh của tổ chức chính trị và hành chính của Chính quyền, Menjinski tập trung lực lượng của đoàn đặc biệt vào việc bảo vệ tổ chức kỹ thuật.

Trotsky không tính tới chiến lược của Menjinski: ông nhận ra quá trễ là các địch thủ đã biết lợi dụng bài học tháng 10.1917. Khi mọi người báo cho ông biết các vụ tấn công đột kích vào các trung tâm điện thoại điện tín, hỏa xa, đã thất bại, và các biến cố đã diễn ra một cách bất ngờ, không thể cắt nghĩa được, Trotsky nhận thấy ngay là cuộc nổi dậy đã va vào một tổ chức phòng vệ, không thể gọi là một tổ chức cảnh sát, nhưng ông không làm sao nắm vững được tình hình thực sự. Sau cùng, khi ông biết cuộc tấn công vào trung tâm điện lực đã thất bại, ông đột ngột lật ngược kế hoạch và muốn chiếm tổ chức chính trị và hành chính của Nhà nước. Không thể tin cậy ở các toán xung kích đã bị đánh bại và phân tán bởi tác động bất ngờ và dữ dội của địch thủ, ông từ bỏ chiến thuật của mình và tập trung tất cả nỗ lực vào cố gắng sau cùng là làm một cuộc nổi dậy tổng quát.

Lời kêu gọi ông ném ra ngày hôm ấy cho quần chúng vô sản Moscou, chỉ chừng vài ngàn thợ thuyền và sinh viên là nghe thấy. Trong khi tại Hồng trường, trước mộ phần của Lénine, một đám đông vĩ đại tụ tập quanh Staline, các lãnh tụ của chính quyền và của đảng, các đại biểu ngoại quốc của đệ tam quốc tế, thì các người ủng hộ Trotsky tràn vào giảng đường của Đại học, đẩy lui cuộc tấn công của một đội cảnh sát rồi dẫn đầu một đoàn sinh viên và thợ thuyền tiến về phía Hồng trường. Mọi người đã chỉ trích rất nhiều về xử sự này của Trotsky. Vụ lên tiếng kêu gọi nhân dân, vụ xuống đường, loại nổi loạn không võ trang ấy, đều chỉ là một cuộc phiêu lưu điên rồ. Sau khi vụ nổi dậy thất bại, Trotsky không còn để mình hướng dẫn bởi cái trí thông minh lạnh lùng đã bao lần, trong những giờ phút quyết định của đời mình, chế ngự bằng tính toán niềm háng hái của trí tưởng tượng, chế ngự bằng lòng thâm hiểm trắng trợn các cơn dữ dội của nhiệt tình: say lên vì tuyệt vọng, Trotsky không còn kiểm soát được tình hình và buông mặc mình cho bản chất đam mê đã đưa ông đến chỗ làm một nỗ lực phi lý là muốn lật đổ Staline bằng một cuộc nổi loạn. Có lẽ ông đã cảm thấy mình thua, quần chúng không còn tin cậy ở ông nữa, bạn bè thân thiết còn quá ít người trung thành. Ông cảm thấy chỉ còn thể tin cậy ở chính mình, nhưng "chưa có gì kể là mất nếu chính ta chưa mất". Mọi người còn đi tới chỗ gán cho ông cái ý định chiếm mộ phần Lénine ở chân các bức tường thành Kremlin để kêu gọi nhân dân tập hợp quanh thứ vật thần kính này

của cách mạng, biến xác nhà độc tài đỏ thành một thứ khí giới công phá để hạ chế độ chuyên chế của Staline. Đó thật quả là một huyền thuyết không có gì là cao cả. Có thể ý kiến cướp lấy xác ướp của Lénine đã thoáng có trong trí tưởng tượng bị kích thích cao độ của Trotzky trong khi chung quanh ông vang lên tiếng reo hò của đám đông, và trong tiếng Quốc tế ca, đạo quân thợ thuyền và sinh viên nhỏ bé của ông tiến về phía Hồng trường, đầy binh sỹ và dân chúng, lưỡi lê tua tủa và cờ xí rợp trời.

Ngay sau khi đụng độ lần đầu, đoàn người ủng hộ Trotzky đã lui bước rồi phân tán. Trotzky nhìn quanh mình. Đâu rồi những đồng chí trung thành, các thủ lĩnh, các tướng lĩnh của cái đạo quân nhỏ bé có nhiệm vụ đi chinh phục Chính quyền? Trời sinh ra những người Do thái không phải để thích hợp với việc tranh đấu võ trang, xáp lá cà, hành động nổi dậy. Chỉ có một người Do thái duy nhất giữ đúng vị trí của mình không lùi bước trong cuộc chiến này, đó là Trotzky, kẻ nổi loạn vĩ đại, con người Catalina của cách mạng bôn-sê-vích. Trotzky thuật lại: "Một người lính bắn vào xe hơi của tôi để cảnh cáo. Một kẻ nào đó đã hướng dẫn tay hấn. Những ai có mắt để nhìn, sẽ thấy trong ngày 7 tháng 9 ấy, một vụ Thermidor trong các đường phố của Moscou". Trong những ngày lưu đầy buồn bã sau này, Trotzky nghĩ rằng Âu châu vô sản sẽ biết rút bài học kinh nghiệm từ những biến cố trên. Nhưng ông quên rằng chính Âu châu tư sản mới là kẻ lợi dụng được kinh nghiệm đó.

Kỹ thuật đảo chánh

Bản dịch Thái Độ

Chương III

1920: KINH NGHIỆM BA LAN

TRẬT TỰ THIẾT LẬP Ở VARSOVIE

Sau mấy tháng ở Hội đồng chiến tranh Tối cao Versailles, đến tháng 10 năm 1919, tôi được cử làm tùy viên ngoại giao Lãnh Sự quán Ý ở Varsovie, vì lẽ đó, tôi lại có nhiều dịp gặp gỡ Pilsudzki. Nhờ thế tôi

hiểu ông sống bằng tưởng tượng và đam mê hơn là bằng suy luận, vốn kiêu căng hơn là tham vọng và, trong bản chất, ông là người giàu nghị lực hơn trí thông minh. Chính ông không ngần ngại thú nhận rằng ông có vẻ khùng khùng và cứng đầu, như mọi người dân Balan ở Lithuanie.

Không phải lịch sử đời ông đã có thể làm cho ông điều hợp được lòng ngưỡng mộ của Plutarque hay Machiavel. Tôi thấy nhân cách cách mạng của ông cũng ít đáng chú ý, không như của những tay đại bả thủ Wilson, Clemenceau, Lloyd George hay Foch mà tôi đã từng tiếp xúc và quan sát ở Hội nghị Hòa Bình (Conférence de la Paix). Dù là tay cách mạng, tôi nhận thấy trong tư thế đó Pilsudski còn kém, và non kém hơn rất nhiều cả Stambuliski, ông đã cho tôi cảm tưởng ông hoàn toàn thiếu ý thức đạo đức nhưng lại quá hăng, quá bạo tàn, dám nói về hòa bình và công lý ở giữa những đám quần chúng Âu châu năm 1919.

Khi lần đầu diện kiến Pilsudski tại lâu đài mùa hạ của ông ở Varsovie, tác phong của ông đã làm tôi kinh ngạc. Người ta nhận thấy ngay ở ông mẫu người Catilina trượng giả, mãi lo nghĩ và thi hành những dự định táo bạo nhất trong những giới hạn mà nền đạo lý văn minh và lịch sử của thời đại của dân tộc ông có thể cho phép, và lại đi tuân phục một thứ pháp lý ông vẫn chủ tâm chà đạp, nhưng vẫn không ra khỏi vòng pháp luật. Quả vậy, ở trong vai trò lãnh đạo trước và sau cuộc đảo chánh 1926, Pilsudski không bao giờ đi đâu xa câu châm ngôn của Marie-Thérèse đã theo trong sách của bà ở Balan: “Hành động như người Phổ, nhưng cứ giữ bề ngoài lương thiện”.

Không nên ngạc nhiên Pilsudski đã lấy câu châm ngôn của Marie-Thérèse làm của mình và đã luôn lo giữ những bộ mặt hợp pháp. Sự bần tâm thường xuyên này, cũng là bần tâm của một số nhà Cách mạng khác, đủ để tố giác ông thiếu khả năng (người ta đã thấy rõ điều này năm 1926) để quan niệm và thực hiện một cuộc đảo chánh theo những luật tắc của một ngành nghệ thuật không nhất thiết chỉ là thuần túy chính trị. Ngành nghệ thuật nào cũng có kỹ thuật của nó. Nhưng không phải mọi nhà đại cách mạng đều am hiểu kỹ thuật đảo chánh. Chỉ kể một số nhà đại cách mạng như Catilina, Cromwell, Robespierre và Napoléon, hay cả Lénine nữa, tất cả đã chứng tỏ họ biết hết về việc đảo chánh, trừ kỹ thuật thì không. Giữa Napoléon ngày 18 Brumaire ([1]) và tướng Boulanger, chỉ có Lucien Bonaparte. Cuối mùa thu năm 1919, trước mắt của toàn dân Balan, Pilsudzik là người duy nhất khả dĩ nắm giữ vận mệnh của nền cộng hòa. Bấy giờ

ông là Quốc trưởng, nhưng quyền hành được ủy nhiệm cho ông chỉ là tạm thời, trong khi đợi chờ bản Hiến pháp do Quốc hội thảo ra vào tháng giêng soạn thảo. Thực ra, sự vận động của các đảng phái chính trị và của những tham vọng cá nhân đã giới hạn triệt để quyền hạn của Quốc trưởng. Trước Quốc hội Lập hiến, Pilsudski cũng ở trong tình trạng như của Cromwell trước Nghị viện vào ngày 3-9-1654.

Bất chấp dư luận chung vẫn kỳ vọng ông, ông đã không dám giải tán Quốc hội và nắm lấy mọi quyền nhiệm. Cái loại độc tài đó, vừa cục súc vừa trưởng giả, phiến loạn nhưng lại hết sức lo tới vấn đề hợp pháp cùng tỏ ra thiên vị trước mắt quần chúng cái cung cách của một vị tướng xã hội, cách mạng thì tới nửa lưng còn phản loạn thì cứ lưng tới đầu, kẻ đã không quyết định dứt khoát giữa nội chiến và cuộc chiến chống Nga-sô-viết, kẻ đã tuần này qua tuần khác đe dọa có một cuộc đảo chánh và biểu tỏ cái nguyện vọng lớn lao nhất là được thừa nhận bằng một bản Hiến pháp khai sinh, loại người đó luôn luôn kích động dư luận, làm cho quần chúng lo lắng hoang hốt. Không những chỉ đảng viên xã hội mà cả những người thuộc phe hữu cũng ngạc nhiên tự hỏi ông ta chờ đợi cái gì nữa từ hơn một năm mà không dám dùng chìa khóa vấn đề mình đã giữ được để, hoặc ra khỏi được hỗn trận đồ chính trị và tài chánh trong đó quốc gia đang lạc lối, hoặc để tìm cách bóp chết nền Cộng hòa, và ông thích mất thì giờ để so tài mưu kế, thủ thuật với vị chủ tịch hội đồng Paderewski, trong lúc nhàn hạ ở Lâu đài mùa hạ của các vị vua chúa Ba lan. Trong khi đó tại Hoàng cung giữa lòng Varsovie, Paderewski trong Lâu đài mùa đông vua chúa, đáp lại tiếng kèn đồng của những thương kị binh Pilsudski bằng những điệu đàn Clavecin.

Trước con mắt của quần chúng, uy thế của Quốc trưởng ngày càng suy giảm bởi những cuộc tranh luận ở nghị trường và bởi mưu đồ của các đảng phái. Thái độ thụ động khó hiểu của Pilsudski, trước những tình trạng nguy hiểm bên trong cũng như bên ngoài, đã thử thách nặng nề lòng tin cậy của những đảng viên xã hội đối với ông bạn già nhiều âm mưu và đã từng bị lưu đầy này. Sau mưu toan thất bại của Hoàng tử Sapieha, anh hùng của cuộc đảo chánh hụt tháng giêng 1919 chống Pilsudski, giai cấp quý tộc đã bỏ hẳn ý định chinh phục quyền bính bằng bạo lực; nhưng không bao lâu, trở lại với những ảo ảnh tham vọng của họ, giai cấp quý tộc tin chắc rằng Pilsudski không đủ sức bảo vệ tự do của quần chúng chống lại mưu toan nào đó của phe hữu, và ông ta từ đây không còn là một nguy cơ nào cho tự do nữa.

Pilsudski không thù hận hoàng tử Sapieha, một người Lithuanie như ông, nhưng lại có cốt cách ông hoàng bà chúa, xử sự khuyên dụ và nhã nhặn, và đưa sự lịch sự này đến chỗ lạc quan giả tạo, cái lịch sự kiểu Ăng lê, ung dung tự tại và hững hờ, mà người ngoại quốc lớn lên ở Anh quốc đều học lấy làm một bản tính thứ hai. Hoàng tử Sapieha không phải là người khơi động lên lòng nghi ngờ cũng như lòng ghen ghét của Pilsudski; mưu toan làm cách mạng của hoàng tử đã hiển nhiên chỉ là mưu toan của kẻ tài tử hay của một thầy lang và không đáng làm cho ông lo ngại. Vì cần trọng cũng như vì phiền loạn và muốn đẩy lòng khinh bỉ của mình đối với giai cấp quý tộc Ba lan đến mức độ vô tâm, Pilsudski phục thù bằng cách bắt Sapieha làm đại sứ ở Luân Đôn; ông hoàng này vốn học ở Cambridge bây giờ trở lại Anh quốc để tiếp tục sách đèn.

Nhưng không phải chỉ trong số những kẻ phản động vốn lo lắng về mối nguy của Ba lan do hỗn loạn nghị trường mang lại, mà người ta hình thành và hoàn tất kế hoạch chiếm đoạt quyền hành bằng bạo lực. Sau khi đã can đảm chiến đấu ở mặt trận Pháp, chiến tranh chấm dứt, tướng Joseph Haller trở về Balan, thủ lĩnh của đạo chí nguyện quân gồm những người chỉ trung thành với ông ta mà thôi. Vẫn đứng trong bóng tối là địch thủ của Pilsudski, Haller lo chuẩn bị lên nắm quyền thay thế trưởng phái đoàn quân sự Anh, tướng Carton de Wiart, người mà dân Balan bảo rằng giống Nelson bởi lẽ ông đã bị chiến trường lượm mất một mắt và một cánh tay, tuyên bố rằng Pilsudski rất nên nghi ngờ Haller, người đi khắp khếnh như Talleyrand.

Tuy nhiên, nội tình càng ngày càng tệ hại. Sau cuộc lật đổ Paderwski, cuộc đấu tranh giữa các đảng phái trở nên sôi động hơn, và Skulski, vị thủ tướng mới không tỏ ra là người khả dĩ đương đầu nổi với xáo trộn hành chính cũng như chính trị, với những yêu sách bè phái, với những biến cố toan tính trong vòng bí mật. Khoảng cuối tháng ba, trong một cuộc họp hội đồng chiến tranh ở Varsovie, tướng Haller đã cương quyết chống đối những kế hoạch quân sự của Pilsudski.

Khi cuộc chinh phục Kiev đã được quyết định cho thi hành, Haller rút lui về tỉnh nhà và giữ thái độ dè dặt mà những lí do chiến lược không đủ để biện minh.

Ngày 26 tháng 4 năm 1920, quân đội Balan tiến qua biên thù Ukraine và ngày 8 tháng 5 vào đến Kiev. Những chiến thắng dễ dàng của Pilsudski khơi động một nguồn hứng khởi lớn lao trong khắp nước Balan. Ngày 18 tháng 5, dân chúng Varsovie tiếp đón người

hùng chinh phục trở về, kể mà những người cuồng tín ngây thơ nhất đã so sánh với kẻ chiến thắng ở Marengo. Song, vào những ngày đầu tháng, đạo quân Bôn-sê-vích do Trotzky thống lĩnh, mở cuộc tấn công, và vào ngày 10, kỵ binh của Budyonni tiến vào Kiev. Trước cái tin bất ngờ này, nỗi khiếp sợ và sự rối loạn làm các đảng phái nổi cơn thịnh nộ, những kẻ tham vọng càng đòi hỏi, yêu sách. Thủ tướng Skulski trao truyền cho Grabski và bộ trưởng ngoại giao Patek được thay thế bởi hoàng tử Sapieha, đại sứ ở Anh, ông hoàng trở về này đã hòa dịu nhiều với các bài học về chủ nghĩa tự do của Anh. Toàn dân nhứt loạt đứng lên võ trang chống cự làn sóng xâm lăng đỏ. Chính tướng Haller, đối thủ của Pilsudski, cũng kéo toán chí nguyện quân đến cứu nguy kẻ thù của mình bị lăng phục. Tuy nhiên, các phe nhóm đã nổi loạn; và bị choáng váng vì tiếng la ó của họ, người ta hầu như không nghe thấy tiếng vó ngựa rầm rập của kỵ binh Budyonni.

Đầu tháng tám, đạo quân của Trotzky đã hiện ra ở ngưỡng cửa Varsovie giữa một đám đông đầy lo lắng, trầm ngâm, xúm xít nghe ngóng tin tức trên đường phố, người ta thấy những bọn đào binh, những kẻ tị nạn, những người dân quê chạy trốn; người ta nghe tiếng gầm thét của chiến trận đến gần và lớn dần. Grabski, tân thủ tướng, bị hạ bệ, và người kế tiếp là Witos vốn bị những kẻ khuynh hữu khinh ghét, cố gắng đưa ra một cuộc chiến với các đảng phái và tổ chức nhân dân kháng chiến, nhưng vô ích. Trong những khu ngoại ô thợ thuyền, trong khu vực Nalewki, khu vực Do thái ở Varsovie, 300.000 người Do thái đang lắng nghe âm vang của chiến trường, và sự nổi loạn đã bắt đầu, nảy mầm. Trong hành lang Quốc hội, trong tiền sảnh của các Bộ, trong các văn phòng ngân hàng và báo chí, trong những quán cà phê, trong trại lính đâu đâu cũng nghe đồn những tin hết sức lạ lùng. Người ta nói có thể có sự can thiệp của những đơn vị quân lực Đức, do lời thỉnh cầu với Bá linh của Witos, đến để ngăn cản cuộc tấn công của Bôn-sê-vích. Về sau người ta mới hiểu ra, qua một cuộc chất vấn ở nghị trường, rằng quả có một cuộc thương nghị với nước Đức, nhưng là do Witos đã thỏa hiệp với Pilsudski. Người ta đối chiếu giữa các cuộc thương nghị đó với sự viếng thăm của tướng Weygand, mà người ta coi vừa như là một sự từ khước Witos và vừa là một sự kém sút của Pilsudski. Những người thuộc phe hữu, vẫn luôn luôn cấu kết với chính sách của Pháp, kết tội Witos là lật lọng và bất lực, và đòi hỏi phải có một chính phủ mạnh. Chính ngay Witos, không thể nào dẹp yên được những đám phản loạn, qui trách tai họa cho hết cánh tả lại đến cánh

hữu, vô tình làm rối loạn càng trầm trọng thêm.

Địch quân đã ngập nghé ở đầu thành phố; nạn đói kém và phiến loạn đã tràn ngập Varsovie. Từng đoàn biểu tình diễu hành qua các nẻo đường ngoại ô và, trên những vỉa hè Krakowskie, trước những công trường, ngân hàng và tư thất của hạng quý tộc, những toán lính đào ngũ lượn qua lượn lại với những cặp mắt hoảng hốt trên khuôn mặt gầy xanh hốc hác.

Ngày 6 tháng 8, Đức ngài Ratti Khâm mạng tòa thánh, bây giờ là Giáo hoàng Pie II, với tư cách niên trưởng ngoại giao đoàn, cùng đi với các ngoại trưởng Anh, Ý và Lỗ đến gặp hội kiến với thủ tướng Witos, để yêu cầu ông chỉ định ngay thành phố mà Chính phủ sẽ di chuyển tới trong trường hợp có sự triệt thoái khỏi kinh đô. Cuộc vận động này vốn đã được quyết định từ hôm trước, sau một cuộc tranh biện dai dẳng của ngoại giao đoàn trong Dinh Khâm mạng. Đa số các đại diện ngoại quốc theo gương ngoại trưởng Anh, Sir Horace Rumbold và ngoại trưởng Đức, bá tước Oberndorff thấy đều tán thành một cuộc di chuyển cấp tốc phái đoàn ngoại giao đến một thành phố an ninh hơn, Posen hoặc Czenstochowa. Sir Horace Rumbold còn đòi hỏi chính phủ Balan phải chọn lựa thành phố Posen làm kinh đô tạm thời.

Duy chỉ có Đức Khâm mạng, Đức ngài Ratti và ngoại trưởng Ý, ông Tommasini là người chủ trương cần phải ở lại Varsovie cho đến cùng. Thái độ của hai vị này đã gây ra trong cuộc hội thảo những lời phê bình sôi nổi, và chính phủ Balan đã coi thái độ đó là có hậu ý, bởi lẽ họ ngờ rằng nếu Đức Khâm mạng của Giáo hoàng và ngoại trưởng Ý chủ trương ở lại Varsovie, chính là trong hy vọng thầm kín, muốn rằng cuối cùng họ bị ngăn cản không đi được bắt buộc phải ở lại kinh đô trong sự chiếm đóng của quân cộng sản. Người ta nói rằng làm như thế, Đức Khâm mạng mới có cách thiết lập ngoại giao giữa Vatican và chính thể Xô viết để bàn luận những vấn đề tôn giáo liên hệ tới Giáo hội. Lý do vì Giáo hội luôn luôn chú trọng đến những biến cố ở Nga, chớ có cơ hội để mở rộng ảnh hưởng của họ ở vùng Đông Âu; ý muốn này không những chỉ chứng tỏ bằng sự bổ nhiệm Cha Genochi là Phái viên quan sát Tòa thánh ở Ukraine, mà còn bằng sự hậu thuẫn công khai của Đức Khâm mạng Ratti đối với Tổng giáo chủ Léopolis là Đức ngài André Szeptycki. Quả vậy, Giáo hội Thống nhất Galicie đông phương luôn luôn được Tòa thánh coi như là một trung gian tự nhiên cho sự truyền đạo Gia tô ở Nga. Còn đối với Ngoại trưởng Ý Tommasini, người ta ngờ rằng ông tuân theo những chỉ thị của Tổng trưởng Ngoại giao, bá tước Sforza, người bị

chi phối bởi những quan điểm chính trị quốc nội: những yêu sách của các đảng viên xã hội Ý, muốn bắt liên hệ với Xô viết. Nếu quân cộng sản chiếm cứ thủ đô Balan, sự hiện diện của ngoại trưởng Tommasini cho bá tước Sforza cơ hội thuận thời để đặt liên hệ ngoại giao với chính phủ Moscou.

Sự vận động của Đức ngài Ratti niên trưởng ngoại giao đoàn đã bị thủ tướng Witos tiếp nhận lạnh lùng. Tuy nhiên, ông đã quyết định là trong trường hợp nguy kịch, chính phủ Balan sẽ thiên di đến Posen và sẽ cung cấp mọi phương tiện dời chỗ cho ngoại giao đoàn. Ngày 8 tháng tám, nghĩa là hai ngày sau đó, một phần lớn những viên chức ngoại giao rời Varsovie.

Đạo quân tiền phong cộng sản đã đến đầu thành phố. Trong những khu thợ thuyền ngoại ô, những phát súng đầu tiên bắt đầu nổ. Đã đến thời điểm đảo chánh.

Varsovie suốt trong những ngày đó như một thành phố buông thả mặc tình cho sự khuấy phá. Một hơi nóng nặng nề làm tắt nghẽn giọng nói và tiếng động; một sự yên lặng sâu kín trùm lên đám đông quần tụ trong các đường phố. Lâu lâu, lại có từng dãy xe điện dài dằng dặc chở người bị thương, chậm chạp rẽ đám đông. Những kẻ bị thương thò đầu ra cửa sổ và đưa nắm tay lên trời chửi thề. Một điệu xì xào bán tán lan truyền từ đầu đến cuối phố. Giữa một toán kỵ binh áp tải, qua hàng ngựa, người ta thấy tù binh cộng sản đi thành hàng, đầu cúi xuống, khập khiễng, áo quần rách bươm, trên ngực còn nguyên ngôi sao đỏ. Khi đoàn tù đi qua, đám đông lặng lẽ rẽ lối và rời tự động khép lại. Những hỗn loạn bùng bùng ra đây đó, bị làn sóng đám đông bóp nghẹt tức khắc. Bên trên biển đầu người đó, những thập tự đen kịt cao nghệu do quân nhân gầy ốm nhưng hăng say, đưa vượt lên và kéo thành đám diển hành; dân chúng chậm rãi bước theo, như sóng lữ; một dòng người tràn ngập đường phố kéo theo những thập tự giá, có khi ứ đọng lại, rồi kéo lui, rồi phân ra thành nhiều cánh hỗn loạn. Ở đầu cầu bắc qua sông Vistule, một đám đông lặng lẽ lắng nghe một tiếng nổ vang dội từ xa. Những đám khói dày đặc, vàng óng do ánh nắng và bụi, phủ kín chân trời rung chuyển âm âm như sự chấn động của một loại động cơ phá thành lũy.

Nhà ga trung ương đêm cũng như ngày đầy ắp những toán đào binh bỏ ngũ đói khát, những kẻ lánh nạn đủ mọi chủng loại, đủ mọi thành phần. Chỉ có những người Do thái trong những ngày đó là tỏ ra thỏa thích trong sự hỗn loạn: khu vực Nalewki là nơi quản thúc dân Do thái bùng lên nổi hân hoan. Lòng căm phẫn người Ba lan ngược đãi

con cháu của xứ Israel, sự thỏa mãn được dự khán cái bất hạnh lớn lao của Ba lan theo Thiên chúa giáo mà không có lòng bao dung, đã thể hiện nơi đó bằng những hành động đầy can đảm và mãnh liệt dị thường của dân Do thái sống ở Nalewki, vốn là những người kín đáo và khéo phục tùng do tự bản chất thận trọng và bởi truyền thống. Người Do thái trở thành những kẻ phiến loạn và đó là điềm xấu cho dân Balan.

Tin tức từ những vùng bị chiếm đóng do những người lánh nạn mang về đã nuôi dưỡng tinh thần phiến loạn: trong mọi thành phố, mọi làng mạc bị xâm chiếm, chẳng phải là cộng quân đã vội vàng thiết lập Ủy ban Xô viết gồm những người Do thái trong vùng đó sao? Dân Do thái, đang từ thân phận những kẻ bị hành hạ bạc đãi, trở thành những người đi hành hạ bạc đãi. Tự do, phục thù, quyền hành, là những trái cây quá ngon ngọt để cho hạng dân đen khốn cùng Nalewki không ước vọng cho được. Hồng quân, bây giờ chỉ cách Varsovie vài ba dặm, đã tìm được một người bạn đồng minh tự nhiên trong khối lượng khổng lồ dân chúng Do thái sống trong thành phố, mà con số và sự hoạt động tăng tiến từng ngày. Vào những ngày đầu tháng tám, con số này ít ra cũng đến năm trăm nghìn ở Varsovie. Bây giờ tôi cũng có mặt ở đó và thường hỏi không biết cái gì có thể ngăn giữ đám dân phiến loạn khổng lồ, đang hâm đốt bằng cuồng bạo căm tức, đang khát khao tự do; và cái gì mới có thể ngăn cản không cho họ toan tính nổi dậy.

Quốc gia đang hồi tan rã, chính phủ trong cơn hấp hối, một phần lớn lãnh thổ bị chiếm đóng, thủ đô làm mồi cho hỗn độn và đã bị bao vây: Chỉ cần một ngàn người cương quyết, hoàn bị đủ để chiếm thành phố mà không phải giao tranh. Nhưng kinh nghiệm trong những ngày đó làm tôi tin chắc rằng, nếu Catilina là người Do thái thì những đồng chí cách mạng, nghĩa là những tay thực hiện đảo chánh, chỉ có thể huy động được từ các con cháu Israel. Tháng mười 1917 ở Pétrograd, Thủ lĩnh cuộc bạo động Bôn-sê-vích là người Do thái Trotzki chứ không phải người Nga Lénine; nhưng những kẻ thực hiện cách mạng, những kẻ bạo động cách mạng thì gồm thủy thủ, thợ thuyền, binh sĩ đa số lại là người Nga. Trong cuộc đấu tranh chống Staline năm 1927, Trotzki đã phải rút bài học đắt giá trong cuộc đảo chánh khi trao việc thực hiện cho những phần tử đa số là người Do thái.

Hầu như ngày nào ngoại giao đoàn cũng hội họp ở dinh Khâm mạng để thảo luận tình hình. Tôi thường tháp tùng bộ trưởng bộ ngoại giao Ý Tommasini, người đã không vừa lòng về thái độ của các đồng sự hết thấy đều tán đồng chủ trương của Sir Horace Rumbold và của bá tước Oberndorff. Duy chỉ có ngoại trưởng Pháp, ông Panafieu, ước chừng tình thế đã đến hồi nguy ngập, mới nói toạc ra rằng sự thiên di phái đoàn ngoại giao đến Posen có hậu quả như một cuộc chạy trốn và gây ra một sự căm phẫn trong quần chúng. Ông cũng đồng quan điểm với Đức ngài Khâm sứ Ratti và với bộ trưởng Ý, là phải lưu lại Varsovie cho đến cùng, và lời khuyên dụ của Sir Horace Rumbold và của bá tước Oberndorff, những người chủ trương bỏ rơi thành phố ngay tức khắc, chỉ nên theo trong trường hợp nội tình tan rã làm phương hại đến lượng quân đội bảo vệ thành phố.

Thật ra chủ trương của ông Panafieu gần với chủ trương của các vị bộ trưởng Anh và Đức hơn là của Đức Khâm mạng tòa Thánh và của bộ trưởng Ý. Quả vậy, nếu ông Tommasini và Đức ngài Khâm mạng Ratti - mà dự định ở lại Varsovie dù có sự chiếm đóng của Cộng sản là điều hiển nhiên - biểu lộ một thái độ lạc quan chân thật về tình hình quân sự cũng như về khủng hoảng quốc nội, và các vị đó nhấn mạnh rằng nếu có hoãn ngày đi Posen cho đến phút chót, ngoại giao đoàn cũng không nguy hiểm gì, thì ông Panafieu chỉ coi có tình hình quân sự là đáng lạc quan mà thôi. Ông không thể tỏ ra thiếu tin tưởng ở tướng Weygand. Vấn đề phòng thủ thành phố kể từ giờ được giao phó cho một tướng lãnh Pháp. Ông bộ trưởng Pháp ra về ủng hộ tích cực chủ trương của Sir Horace Rumbold và của bá tước Oberndorff, không phải vì lý do quân sự mà vì xét tới những nguy hiểm nội tình cho thấy có thể sẽ xảy tới. Bộ trưởng Anh và Đức sợ nhất là mất Varsovie vào tay Hồng quân Nga. Chính thức mà nói, ông Panafieu không có thể e ngại gì khác hơn là một cuộc nổi loạn của dân Do thái hay của Cộng sản. Ông nói: "Điều tôi e sợ là một nhát dao đâm vào sau lưng Pilsudski và Weygand".

Qua lời xác nhận của Đức Cha Pelleginetti, bí thư tại dinh Khâm mạng thì tòa Thánh không tin là có thể có một cuộc đảo chính.

Tướng Carton de Wiart, trưởng phái bộ quân sự Anh vừa nói vừa mỉm cười "Đức khâm mạng không nhận thức được rằng bọn cùng đinh khốn nạn ở những khu Do thái và ngoại ô thành phố Varsovie dám mưu đồ cướp chính quyền. Nhưng nước Ba lan không phải là Giáo hội, nơi mà chỉ có những vị Giáo hoàng và những Hồng quân mới làm đảo chính."

Dầu cho ngài có cảm tưởng rằng chính quyền, hàng tướng tá và giai

cấp lãnh đạo, nghĩa là những kẻ có trách nhiệm trước tình thế, không làm hết tất cả những gì có thể làm để tránh những nguy hiểm khác trầm trọng hơn, Đức ngài Ratti vẫn tin rằng mọi âm mưu khởi loạn sẽ thất bại. Tuy nhiên những lý lẽ Panafieu viện dẫn quá vững chắc, đến độ Đức khâm mạng cũng lo lắng.

Thế nên tôi không ngạc nhiên gì khi một buổi sáng, Đức Cha Pellegrinetti đến gặp bộ trưởng Tommasini để buộc ông này phải làm sao cho chính quyền sắp đặt mọi phương sách cần thiết để đối phó với một âm mưu nổi loạn bất thần. Tommasini liền cho mời viên Tổng lãnh sự Ý là ông Paulo Brenna, trình bày những nỗi lo ngại của Đức Khâm mạng và trước mặt đức cha Pellengrinetti, yêu cầu ông ta tức khắc báo cáo rõ những biện pháp phòng bị của chính quyền để ngăn chặn mọi rối loạn và đàn áp mọi biến động. Tin tức mà tướng Romei, trưởng phái bộ quân sự Ý vừa xác nhận là Hồng quân gia tăng tấn công hữu hiệu không ngừng, làm cho ông không còn mấy may nghi ngờ gì nữa về số phận Varsovie.

Đêm 12 tháng 8, quân của Trotzki đã đến cách thành phố chừng 20 chục dặm. Ông Tommasini lại lên tiếng: "nếu binh đội Ba lan còn cầm cự được vài hôm nữa thì tướng Weygand có thể xoay sở thành công được. Nhưng chúng ta không nên có nhiều ảo vọng làm chi". Ông khuyến dụ viên Tổng lãnh sự nên đi đến những khu ngoại ô thợ thuyền và khu Nalewki là những nơi đáng lo ngại để thị sát coi thử những phương sách chính quyền chủ trương có đủ để bảo bọc cho Weygand và Pilsudski, và có bảo đảm cho chính quyền tránh khỏi một biến cố bất ngờ không. Vị Bộ trưởng kết luận: "Tốt nhất ông không nên đi một mình", và khuyên ông Brenna nên để đại úy Rollin tùy viên Sứ quán Pháp theo cùng.

Đại úy Rollin, sĩ quan kỵ binh cùng với thiếu tá Charles de Gaulle, một trong những cộng sự viên đứng đắn nhất và giàu kiến thức nhất của Panafieu và của tướng Henrys, trưởng phái bộ quân sự Pháp. Ông này thường lui tới sứ quán Ý và đàm đạo thân mật với bộ trưởng Tommasini. Sau đó tôi lại gặp ông ở La mã vào những năm 1921 và 1922, trong thời cách mạng phát xít; hồi đó ông ở Dinh Farnèse, tùy viên tòa Đại sứ Pháp và tỏ ra rất ca ngợi chiến thuật Cách mạng của Mussolini. Từ khi quân đội Nga bao vây Varsovie, hầu như ngày nào tôi cũng cùng ông đến những tiền đồn quân đội Balan để theo sát những biến chuyển quan trọng ở chiến trường. Nhưng ngoài những kỵ binh Cosaque tàn bạo, xứng hợp với những màu cờ vẻ vang nhất, còn những binh sĩ Nga tỏ ra không nguy hiểm lắm. Họ tiến chậm trong khói lửa với vẻ thảm hại; trông đáng dấp họ

không khác nào những kẻ đói khát, tả tơi và lý do duy nhất thúc đẩy họ tiến là sợ hãi và đói. Kinh nghiệm chiến tranh lâu năm ở mặt trận Pháp và mặt trận Ý làm tôi không hiểu nổi tại sao quân đội Balan lại có thể phải rút lui trước những binh sĩ như vậy.

*

Tôi bèn theo viên lãnh sự Ý, ông Brenna và đại úy Rollin. Đại úy Rollin cho rằng chính phủ Balan không am hiểu cả những phương thức sơ đẳng trong nghệ thuật phòng vệ một quốc gia hiện đại. Nhận định đó có thể áp dụng vào trường hợp Pilsudski, dù trong một nghĩa khác. Binh sĩ Balan vốn nổi tiếng là dũng cảm. Nhưng làm sao có thể sử dụng lòng dũng cảm đó của binh sĩ khi những cấp chỉ huy không biết rằng nghệ thuật tự vệ là phải am tường những điểm yếu của mình? Những biện pháp dự phòng chính phủ dùng để đối phó với một âm mưu nổi loạn bất thần là chứng cứ rõ ràng nhất tỏ ra chính quyền không biết đến những nhược điểm của một quốc gia hiện đại. Kể từ Sylla, kỹ thuật đảo chính đã có những tiến bộ khả quan. Những phương sách Kérenski dùng để cản Lénine cướp chính quyền hẳn là hoàn toàn khác hẳn những phương sách Cicéron dùng để bảo vệ nền Cộng hòa chống lại cuộc tạo phản của Catilina. Điều gì trước kia là một vấn đề Cảnh sát thì ngày nay trở thành vấn đề kỹ thuật. Người ta đã thấy rõ sự khác biệt giữa tiêu chuẩn Cảnh sát và tiêu chuẩn kỹ thuật ấy trong cuộc đảo chính của Kapp ở Bá linh tháng ba năm 1920.

Chính quyền Balan đã hành động giống hệt Kérenski: kinh nghiệm rút từ Cicéron. Tuy nhiên nghệ thuật chinh phục và bảo vệ một quốc gia qua các thế kỷ đã đổi thay dần dần theo đà thay đổi của tính chất quốc gia. Nếu một vài biện pháp cảnh sát đủ để đánh bại kế hoạch tạo phản của Catilina thì đối với Lénine, những phương pháp đó không thể dùng được. Làm lẫn của Kérenski là đã muốn bảo vệ những nhược điểm của một thành phố tân tiến gồm có Ngân hàng, Nhà ga, trung tâm điện thoại và điện tín bằng những phương cách mà Cicéron dùng để bảo vệ La mã hồi đó có các điểm then chốt nhất là Forum và Subure.

Vào tháng 3 năm 1920, Von Kapp đã quên rằng ở Bá linh, ngoài Trụ sở Quốc hội Reichstag và trụ sở các bộ ở khu Wihemstrasse còn có những trung tâm điện lực, các nhà ga xe lửa, các trung tâm vô tuyến điện và các cơ xưởng. Cộng sản đã lợi dụng làm lẫn của Kapp để làm tê liệt mọi sinh hoạt của thành phố Bá linh, bắt buộc cái chính

phủ đã nắm quyền bính bằng sức mạnh với những phương pháp an ninh quân đội ấy phải đầu hàng. Đêm hai tháng chạp, Louis Napoléon bắt đầu cuộc đảo chính bằng cách chiếm đóng những nhà in và các gác chuông nhà thờ. Nhưng ở Balan không ai để ý đến những kinh nghiệm riêng, lại càng không để ý đến những kinh nghiệm của người khác. Lịch sử Balan đầy rẫy những sự kiện mà người Balan tự coi như những kẻ phát minh. Họ không tin rằng một biến cố nào của quốc gia họ cũng xảy ra trong những quốc gia khác; chính trong quốc gia họ mà một biến cố xảy ra đầu tiên; người ta không bao giờ thấy biến cố đó ở một nơi nào khác.

Những biện pháp dự phòng của chính phủ Witos chỉ là biện pháp cảnh sát quen thuộc. Cầu xe lửa và cầu Praha bắc ngang sông Vistule chỉ được canh giữ mỗi đầu có bốn binh sĩ. Trung tâm điện lực thì bỏ ngõ; ở đó chúng tôi không thấy dấu hiệu gì là có canh phòng cả.

Ông giám đốc cho chúng tôi hay rằng vài giờ trước, vị tư lệnh quân đội phòng thủ thành phố có gọi điện thoại bảo rằng ông được coi như là nhân vật chịu trách nhiệm về mọi hành động phá hoại máy móc và gián đoạn hơi điện. Bên kia khu vực Nalewki, thành nội, hoàn toàn ở ranh giới của Varsovie, đầy ắp kỵ binh Uhlan và ngựa; chúng tôi có thể vào ra tự do mà không có lính gác hỏi giấy thông hành. Hãy nhớ rằng trong thành nội cũng có một kho vũ khí và một kho khác chứa thuốc súng. Tại ga xe lửa, thôi thì cả một cảnh hỗn tạp thật khó mà tả xiết: những toán lính đào ngũ đua nhau đồ xô tới, một đám người huyên náo chạy ngược chạy xuôi trên sân ga và trên đường rầy, những nhóm lính say rượu nằm ngủ ly bì sóng sượt trên đất:

"*Sommo vinoque sepulti*", đại úy Rollin nguyên là người biết tiếng Latinh vừa quan sát vừa nói thê. Chỉ cần mười người trang bị lựu đạn cũng đủ rồi.

Tại bộ tham mưu quân lực, tọa lạc trên công trường chính của thành phố Varsovie dưới bóng nhà thờ Nga nay đã bị tàn phá chỉ do bốn lính tuần cảnh đứng gác như thường lệ. Các sĩ quan và những liên lạc viên tấp nập lui tới, bụi phủ thấu đầu, chen chúc nhau ra vào cửa ở tiền sảnh của tòa công thự. Lợi dụng sự lộn xộn, chúng tôi lên lầu, vượt qua một dãy hành lang, đi ngang một gian phòng treo đầy bản đồ địa hình địa vật, một sĩ quan ngồi sau bàn giấy đặt trong góc ngẩng đầu chào chúng tôi với vẻ hơi khó chịu. Sau khi vượt qua một hành lang khác và vào được trong một phòng đợi, mà ở đó một số sĩ quan áo đầy bụi đang đứng chờ bên cạnh một cánh cửa hé mở, chúng tôi lại trở xuống tiền sảnh. Và khi trở lại ngang qua trước hai

người lính gác để ra công trường, đại úy Rollin nhìn tôi mỉm cười. Nhà bưu điện có một toán quân canh giữ do một trung úy chỉ huy. Sĩ quan này nói với chúng tôi là ông có phận sự án ngữ đám đông không cho vào bưu điện, trong trường hợp có gì ồn ào xảy ra. Tôi tỏ ý rằng một tiểu đội lính bố trí có kỷ luật chắc chắn sẽ đẩy lùi được một đám người nổi loạn ở lối vào không mấy khó khăn, nhưng không thể ngăn cản nổi hành động chớp nhoáng của chừng mười cảm tử. Viên trung úy cười và chỉ những người vào ra yên lặng, vừa trả lời tôi rằng có lẽ mười người đó đã len lỏi vào bên trong rồi, hoặc giả họ đang lén vào ngay trước mắt chúng tôi cũng nên. Cuối cùng vị sĩ quan kết thúc: "Tôi ở đây để đàn áp bạo động chứ không phải để ngăn cản một cuộc hành động đặc công chớp nhoáng nào cả." Từng nhóm binh lính đứng trước các Bộ tò mò nhìn dân chúng và công nhân đi lại. Tòa Quốc hội được Hiến binh và kỵ binh Balan bảo bọc; các nghị sĩ ra vào trò chuyện thì thầm. Vào đến phòng chính, chúng tôi đụng đầu ngay với ông chủ tịch Quốc hội Trompczinski, người mập phì và có vẻ bận rộn, ông chào chúng tôi có vẻ thờ ơ. Một nhóm nghị sĩ của thành phố Posnanie chăm chú và lạnh lùng vây quanh ông. Trompczinski thuộc phe hữu và là người ở Posnan, công khai chống đối chính sách của Pilsudzki và trong những ngày đó người ta đã nói đến nhiều về những thủ đoạn bí mật ông dùng để lật đổ chính phủ Witos. Ngay chiều hôm đó, ở câu lạc bộ Sân bắn, ông chủ tịch Quốc hội nói với Cavendish Bentink, bí thư đại sứ quán Anh: "Pilsudzki không biết bảo vệ nước Balan, còn Witos thì không biết bảo vệ nền cộng hòa". Đối với Trompczinski, Cộng hòa chính là Quốc hội. Cũng như tất cả những kẻ phì nộn khác, Trompczinski không cảm thấy được che chở đầy đủ. Suốt cả ngày chúng tôi đi khắp mọi ngõ ngách trong thành phố, cũng đi đến tận những vùng ngoại ô xa xôi nhất. Khoảng mười giờ tối, khi chúng tôi đi ngang trước khách sạn Savoy, bỗng nghe có ai gọi tên đại úy Rollin. Đứng ở ngưỡng cửa khách sạn, tướng Bulach Balachowitch ra hiệu gọi chúng tôi vào. Là đồng chí của Pilsudzki, nhưng *đồng chí* với nghĩa người ta dùng ở Nga và ở Balan, tướng Bulach Balachowitch thống lãnh những đạo kỵ binh đen lừng danh kháng cự với kỵ binh đỏ của Buydyonni để bảo vệ Balan. Là thủ lĩnh mang bộ mặt thảo khấu, từng quen thuộc những thủ thuật đánh du kích, gan dạ, cương quyết, Bulach Balachowitch là một lá bài quan trọng trong cuộc chơi của Pilsudzki. Pilsudzki đã dùng Bulach Balachowitch và tù trưởng Petlioura để nuôi dưỡng sự nổi loạn chống bọn Bôn sê vích và Denikine ở Bạch Nga và ở Ukraine.

Ông đã thiết lập tổng hành dinh ở khách sạn Savoy, nơi mà thỉnh thoảng người ta thấy ông xuất hiện chốc lát để giám sát tình hình chính trị. Không có một khủng hoảng chính trị nào không có hậu quả cho ông: hoặc có lợi, hoặc có hại. Đáng lẽ phải theo dõi những làn sóng kỵ binh của Budyonni thì ông lại luôn luôn theo dõi những biến cố nội bộ. Dân Balan nghi ngờ ông ta và ngay Pilsudzki cũng sử dụng ông ta hết sức thận trọng, coi ông như một đồng minh nguy hiểm.

Balachowitch liền bắt đầu trình bày quan điểm của ông về tình hình, không còn che đậy gì nữa là theo ông, chỉ có một cuộc đảo chính của những phần tử khuynh hữu mới có thể cứu Varsovie khỏi nanh vuốt của kẻ thù và cứu nước Balan khỏi suy sụp. Ông tóm tắt: "Witos không đủ khả năng đương đầu với những biến cố xảy ra, cũng như không đủ sức che chở cho hậu cứ của những đạo quân của quân lực Pilsudzki. Nếu không có ai đứng ra nắm chính quyền để chấm dứt xáo trộn, tổ chức phong trào nhân dân kháng chiến và bảo vệ chế độ Cộng hòa đang bị nhiều nguy cơ đe dọa, thì trong một vài ngày nữa, chúng ta sẽ (dự?) khán một cuộc đảo chính của Cộng sản." Đại úy Rollin cho rằng vấn đề chặn đứng mưu toan của Cộng sản đặt ra bây giờ quá chậm, còn các đảng phái khuynh hữu thì không có nhân vật nào khả dĩ đảm đương nổi trọng trách như vậy.

Trong hoàn cảnh của Balan, các trách nhiệm về một cuộc đảo chính để cứu vãn nền Cộng hòa đối với Balachowitch không nghiêm trọng như đối với Rollin. Về những khó khăn trong việc thực hiện thì kẻ u mê nào cũng có thể chiếm chính quyền được. Ông nói thêm: "Thế nhưng, Haller còn ở ngoài mặt trận, Sapieha không có bằng hữu tốt, còn Trompczinski thì nhát gan". Đến đây tôi lưu ý mọi người rằng những đảng phái khuynh tả cũng thiếu những nhân vật đủ khả năng đương đầu với tình thế: vậy ai ngăn cản mưu toan đảo chính của Cộng sản đây? Balachowitch tán đồng ý kiến đó, nói rằng: "Ông nói chí lý; ở địa vị của họ tôi không chờ đợi lâu như thế đâu. Giả dụ tôi không là dân Nga, không là người ngoại quốc ở trong xứ sở này, xứ sở đang chấp nhận tôi và vì nó mà tôi chiến đấu, thì bây giờ là lúc tôi làm đảo chính." Rollin mỉm cười nói: "Nếu ông là người Balan đi nữa thì chắc ông cũng chưa làm gì ở Balan, khi nào chưa quá trễ thì bao giờ cũng là quá sớm."

Balachowitch quả thật là một người có thể lật đổ Witos chỉ trong vài giờ. Chỉ cần một nghìn kỵ binh là đủ để ông bắt thàn chiếm những trung tâm đầu não của thành phố và duy trì được trật tự trong một thời gian nào đó. Nhưng sau đó thì sao? Balachowitch và thủ hạ của

ông thấy đều là người Nga, và hơn thế, lại là người Cosaque. Cuộc đảo chính ấy vẫn có thể thành tựu, không gặp những khó khăn nghiêm trọng: nhưng khó khăn sẽ đến sau mới là không vượt qua nổi. Một khi nắm được chính quyền, Balachowitch chắc sẽ tức khắc nhường lại cho những nhân vật khuynh hữu, thế nhưng không một người Balan yêu nước nào lại nhận quyền bính do một người Cosaque trao cho. Tình hình đã đến mức đó thì chỉ có những tay Cộng sản thủ lợi mà thôi. Balachowitch kết luận: "Cuối cùng, đó là một bài học hay cho những đảng phái khuynh hữu."

Chiều hôm đó, tại câu lạc bộ Săn bắn, chúng tôi thấy qui tụ bên cạnh Sapieha và Trompczinski một số nhân vật đại biểu cho sự chống đối của giai cấp quý tộc và những tay địa chủ đối với chính sách của Pilsudzki và Witos. Những nhân vật ngoại giao ngoại quốc thực ra chỉ có bá tước Oberndorff, bộ trưởng Đức, tướng Anh Carton de Wiart và bí thư Lãnh sự quán Pháp. Mọi người đều ít nói, chỉ trừ Hoàng tử Sapieha và bá tước Oberndorff. Sapieha làm như thể không nghe thấy những lời bàn tán chung quanh, lâu lâu nghiêng đầu qua phía tướng Carton de Wiart đang thảo luận về tình hình quân sự với bá tước Potocki, để nói vài câu. Binh đội Bôn-sê-vich ngày đó đã tiến bước thấy rõ trong khu vực làng Radzymin cách Varsovie chừng hai chục cây số.

Bá tước Potocki lên tiếng: "Chúng ta sẽ chiến đấu đến cùng".

"Có phải ông muốn nói chiến đấu đến ngày mai", tướng Wiart cười đáp lại.

Bá tước Potocki từ Ba lê mới trở lại có vài hôm, thế mà ông đã tính chuyện về lại Ba lê thật sớm, ngay khi vận may đến cho Balan.

Carton de Wiart phê bình: "Tất cả các ông đều như nhân vật nổi danh Dombrowski, người thống lĩnh những đoàn quân Ba lan ở Ý trong thời Napoléon. Dombrowski có nói: *Tôi luôn sẵn sàng chết cho tổ quốc, nhưng không muốn sống trên đất tổ*".

Thiệt là bá hơn bá ý. Từ xa người ta nghe vọng tiếng đại bác. Buổi sáng trước khi từ giã chúng tôi, ông bộ trưởng Tommasini bảo chúng tôi buổi chiều đợi ông tại câu lạc bộ Săn bắn. Đến thật chiều, khi chúng tôi định bỏ đi thì đúng lúc ông tới. Những nhận định của chúng tôi về sự thiển cận của chính phủ Witos có vẻ nghiêm trọng, nhưng không là điều mới lạ đối với ông. Chính Witos trước đó vài giờ đã thú nhận với ông rằng ông ta không làm chủ được tình hình. Tuy thế, ông Tommasini vẫn tin rằng trong số những đối thủ của Pilsudzki và Witos, không ai có thể làm đảo chính được. Chỉ có những người Cộng sản là khả dĩ đáng lo ngại. Nhưng họ lại sợ vì bất cẩn mà

phương hại đến tình hình, nên không liều lĩnh lao mình vào một cuộc phiêu lưu, nếu không nguy hiểm cũng chẳng ích gì. Rõ ràng là các vị này cho rằng đã thắng cuộc và yên lặng chờ Trotzky đến. Quay lại phía tôi, ông Bộ trưởng nói thêm: "Ngay Đức Ngài Ratti cũng đã dứt khoát không từ bỏ thái độ cho đến hiện giờ chúng tôi vẫn giữ, qua một thỏa hiệp chung. Đức Khâm mạng Tòa thánh và tôi sẽ lưu lại Varsovie cho đến kết cuộc, dẫn đến đâu thì đến".

Giọng đầy mỉa mai, giây lát sau, đại úy Rollin bình phẩm: "Thật đáng tiếc, thật đáng tiếc nếu không có gì xảy ra cả!"

Buổi chiều hôm sau, khi hay tin quân đội Bôn-sê-vich đã chiếm làng Radzymin và tấn công tuyến đầu của Varsovie, ngoại giao đoàn hồi hải rời thủ đô, đến Posen ẩn náu. Ở Varsovie chỉ còn Đức khâm mạng tòa thánh, bộ trưởng Ý cùng các vị xử lý thường vụ của đại sứ Hoa kỳ và Đan mạch.

Suốt đêm, thành phố ngập chìm trong cơn khủng khiếp. Hôm sau, ngày 15 tháng 8, ngày lễ thánh Sainte - Marie, toàn thể dân chúng diễu hành sau lưng Đức mẹ đồng trinh và lớn tiếng cầu nguyện Đức bà cứu vớt nước Balan khỏi cuộc xâm lăng. Trong khi tất cả dường như đã mất, trong khi đám rước vĩ đại đọc kinh cầu nguyện trông chờ một đội tuần tiễu của Hồng quân gồm những người Cosaque đổ ra từ các ngã đường, thì tin tức về chiến thắng đầu tiên của đại tướng Weygand lan truyền như một tiếng sét. Quân đội của Trotzky đang lùi trên mọi chiến tuyến.

Trotsky đã thiếu một đồng minh tối cần thiết: Catilina.

Chú thích:

[1] Tức là ngày 9-11-1799

Kỹ thuật đảo chánh

Bản dịch Thái Độ

Chương IV

KAPP, HAY LÀ CUỘC CÁCH MẠNG THÁNG BA CHỐNG MARX

"Chúng ta, vốn đặt tin tưởng ở một cuộc cách mạng tại Balan, và cuộc cách mạng này đã không xảy đến", đó là lời tuyên bố của Lénine với Clara Zetkin vào mùa thu 1920. Đối với những người như Sir Rumbold cho rằng rối loạn là điều cần thiết nhất trong mọi tình thế

thuận lợi để đảo chính, thì lý do nào biện minh những phần tử bạo động cách mạng Ba lan? Sự hiện diện của quân đội Trotzky trên ngưỡng cửa Varsovie và sự suy yếu cùng cực của chính phủ Witos cùng tinh thần dấy loạn của dân chúng không là những tình thế thuận lợi cho một âm mưu cách mạng hay sao? Balachovitch đã nói: "Bất cứ một tên ngu ngốc nào cũng có thể chiếm đoạt quyền hành". Vậy mà vào năm 1920 không chỉ ở Ba lan mà toàn châu Âu đầy rẫy những kẻ ngu ngốc như vậy. Như vậy tại sao lại không hề xảy ra một âm mưu đảo chính tại Varsovie, kể cả từ phía người Cộng sản? Kẻ duy nhất không mang ảo vọng về khả năng thực hiện cách mạng ở Ba lan, đó là Radek. Chính Lénine đã thú nhận tình trạng này với Clara Zetkin. Radek đã hiểu sự bất lực của những phần tử cách mạng bạo động của người Ba lan và quan niệm rằng cuộc Cách mạng ở đây phải được tạo ra một cách giả tạo, từ bên ngoài. Radek cũng không vọng tưởng ở các phần tử bạo động cách mạng ở các quốc gia khác. Diễn tiến các biến cố đã xảy ra tại Ba lan vào mùa hè 1920 không những phơi bày tình trạng bất lực của các phần tử cách mạng bạo động tại Ba lan mà còn phơi bày sự bất lực của các phần tử ấy ở toàn thể châu Âu nữa.

Bất cứ kẻ vô tư nào nhận định tình hình châu Âu vào những năm 1919 và 1920 không thể không tự hỏi bởi phép lạ nào mà Âu châu đã có thể thoát khỏi một cuộc khủng hoảng cách mạng trầm trọng đến thế. Trong hầu hết các nước, giới trưởng giả tự do đã tỏ ra bất lực trong việc bảo vệ Quốc gia. Phương pháp bảo vệ của họ bao gồm và chỉ bao gồm việc áp dụng thuần túy và đơn giản mạng lưới cảnh sát công an, phương pháp mà vào bất cứ lúc nào, và cho đến ngày nay, người ta đều ưa dùng dù là các chính phủ độc tài hay chính phủ tự do. Nhưng sự bất lực của giới trưởng giả trong việc bảo vệ quốc gia đã được bù trừ bởi sự bất lực của các đảng Cách mạng trong việc sử dụng một chiến thuật tấn công tân kỳ chống phương pháp phòng vệ cổ hủ của các chính phủ và chống lại các biện pháp cảnh sát bằng một kỹ thuật cách mạng.

Người ta cũng ngạc nhiên thấy rằng vào năm 1919 và năm 1920, trong thời kỳ khủng hoảng cách mạng trầm trọng nhất ở châu Âu, những phần tử cách mạng bạo động của phe hữu cũng như phe tả đều không biết lợi dụng kinh nghiệm của cuộc cách mạng Bôn sê vích.

Họ thiếu hiểu biết về phương pháp, chiến thuật và kỹ thuật mới về đảo chính mà Trotzki đã từng cho bài học kiểu mẫu đầu tiên. Quan niệm chiếm đoạt quyền hành của họ, là một quan niệm lỗi thời chắc

chấn dấn dắt họ đến địa thế do chính đối phương đã lựa chọn, làm hao mòn các hệ thống và khí cụ mà bất cứ chính phủ yếu hay thiện cận nào cũng có thể chống lại thành công bằng những hệ thống và khí cụ cổ điển thường dùng để bảo vệ quốc gia.

Tình hình cách mạng của châu Âu đã chín muồi, nhưng các đảng cách mạng tỏ ra không biết lợi dụng tình thế thuận lợi cũng như những kinh nghiệm của Trotsky. Đối với họ thành công của cuộc khởi loạn Bôn sê vích tháng mười năm 1917, thành công chỉ vì những điều kiện đặc biệt của nước Nga và do những lỗi lầm của Kérenski. Họ không thấy rằng Kérenski có uy quyền hầu khắp các quốc gia châu Âu; họ không hiểu rằng trong quan niệm và trong sự thực hiện cuộc đảo chính. Trotsky không may (mấy?) để ý đến những điều kiện đặc biệt đó. Sự mới mẻ do Trotsky sáng tạo trong chiến thuật khởi loạn, chính là không thềm đếm xỉa đến tình trạng chung trong nước. Chỉ có những sai lầm của Kérenski là ảnh hưởng tới quan niệm và sự thực hiện cuộc đảo chính Bôn sê vích. Cho dù tình hình nước Nga có khác thế, chiến thuật của Trotsky vẫn không thay đổi. Những sai lầm của Kérenski hồi đó vẫn là đặc điểm của giới tư sản tự do ở châu Âu ngày nay. Sự yếu kém của các chính phủ thật tồi tệ: Vấn đề tồn tại của họ chỉ còn là một vấn đề cảnh sát công an. Tuy nhiên các chính phủ tự do đã có cái may mắn là những phần tử cách mạng bạo động cũng coi cách mạng như một vấn đề cảnh sát công an.

Cuộc đảo chính của Kapp là một bài học cho những ai quan niệm chiến thuật cách mạng như một vấn đề chính trị chứ không phải là kỹ thuật.

Trong đêm 12 rạng ngày 13 - 3 - 1920, vài sư đoàn từ Baltique, tập trung gần Bá linh dưới mệnh lệnh của đại tướng Von Luttwitz, gửi một tối hậu thư cho chính phủ Bauer, hăm dọa chiếm thủ đô nếu chính phủ không trao lại quyền hành cho Kapp. Mặc dù Kapp tự phụ tự cho mình là làm một cuộc đảo chính bằng đường lối nghị viện và mình là Siéyès của Von Luttwitz, nhưng ngay lúc khởi đầu, mưu toan cách mạng của ông vẫn giữ khuôn mặt cổ điển của một cuộc đảo chính quân sự rõ rệt ngay trong quan niệm cũng như trong hành động.

Trước mệnh lệnh trên của Von Luttwitz, chính phủ Bauer đã từ chối và xử dụng những biện pháp cảnh sát cần thiết để bảo vệ quốc gia và giữ trật tự công cộng. Trong trường hợp như vậy, thường thường

chính phủ đối kháng với quan niệm quân sự bằng một quan niệm cảnh sát; cả hai đều giống nhau và chính vì đó đã làm mất đi tính chất cách mạng của cuộc khởi loạn quân sự. Cảnh sát bảo vệ quốc gia như thể bảo vệ một thành phố, quân đội tấn công quốc gia như thể đó là một pháo đài.

Biện pháp cảnh sát của Bauer là dựng chướng ngại vật trên các công trường, các đường phố chính và chiếm đóng các công thự. Von Luttwitz tiến hành cuộc đảo chính bằng cách đưa các toán quân của mình thay thế các phân đội cảnh sát án ngữ các ngã ba đèo lộ, các lối dẫn đến các công trường, trước trụ sở quốc hội Reichstag và trước các bộ ở khu vực Wilhelmstrasse. Vài giờ sau khi vào được thành phố, Von Luttwitz đã làm chủ tình hình. Cuộc chiếm đóng thành phố đã hoàn tất không đổ một giọt máu, đều đặn như một vụ đổi phiên gác. Nhưng nếu Von Luttwitz là một nhà quân sự thì Kapp, nguyên cựu tổng giám đốc Nông nghiệp, lại là một công chức cao cấp, một thư lại. Trong lúc Von Luttwitz tin đã chiếm chính quyền bằng hành động duy nhất là thay thế cảnh sát bằng binh đội riêng của mình trong các công sở an ninh công cộng thì Kapp, vị thủ tướng mới quan niệm rằng sự chiếm đóng các Bộ đủ để bảo đảm sự chuyển vận bình thường của guồng máy Quốc gia và tấn phong tính cách hợp pháp cho chính phủ cách mạng.

Vốn là kẻ tầm thường nhưng có nhiều lương tri, hiểu rất rõ các tướng lãnh và công chức cao cấp của chế độ Reich nên ngay buổi đầu, Bauer đã biết rằng chống đối lực lượng quân sự đảo chính của Von Luttwitz là vô ích và nguy hiểm. Sự chiếm đóng Bá linh bởi những đoàn quân Baltique là điều không thể tránh được. Cảnh sát không thể chiến đấu nổi với binh lính thiện chiến: cảnh sát chỉ là một vũ khí có khả năng chống lại những âm mưu và những vụ nổi dậy vô tổ chức, nhưng chống với các tay lão luyện, nó chẳng có nghĩa gì. Khi những chiếc mũ sắt xuất hiện, phân đội cảnh sát án ngữ lối vào khu Wilhelmstrasse đã đầu hàng quân nổi loạn. Ngay chính Noske, một người đầy nghị lực, kẻ tán thành chủ trương chống cự đến cùng, khi được tin về sự rã ngũ đầu tiên, cũng đã quyết định tán thành thái độ của Bauer và các bộ trưởng khác. Nhược điểm của chính phủ cách mạng, theo Bauer suy luận, chính là bộ máy nhà nước. Bất cứ ai đình chỉ bộ máy hay chỉ ngăn các chuyển vận, cũng đã là đập thầu tim chính phủ Kapp. Muốn làm ngưng trệ Quốc gia, phải làm tê liệt mọi sinh hoạt công cộng.

Thái độ của Bauer là thái độ của một người tiểu tư sản được giáo huấn ở trường phái Marx. Chỉ một kẻ trưởng giả ở giai cấp trung lưu,

một kẻ tiếm nhiệm những tư tưởng xã hội có thói quen xét đoán con người và những sự kiện xa lạ nhất căn cứ vào tâm lý, vào giáo dục và quyền lợi với bản chất khách quan và hoài nghi của một công bộc quốc gia, mới có thể mang một dự tính táo bạo làm đảo lộn sâu xa và mãnh liệt sự sinh hoạt công cộng, để ngăn trở Kapp củng cố quyền hành bằng việc sử dụng trật tự đã có.

Chính phủ Bauer, trước khi rời Bá linh để ẩn náu ở Dresde, đã kêu gọi giới vô sản, hô hào thợ thuyền tuyên bố (đình công?). Quyết định của Bauer đã tạo cho Kapp một tình thế hiểm nguy. Cuộc phản công của các lực lượng vẫn trung thành với chính phủ hợp pháp Bauer đối với Kapp còn ít nguy hiểm hơn là một cuộc tổng đình công, bởi vì quân đội Von Luttwitz sẽ dễ dàng thanh toán các lực lượng đó. Nhưng làm thế nào ép buộc đám thợ thuyền khổng lồ đó đi làm việc trở lại?

Chắc chắn không phải bằng vũ lực rồi. Vào buổi trưa ngày 13.3, Kapp còn tin tưởng còn làm chủ được tình hình, thì ngay buổi chiều hôm đó đã trở nên tù nhân của một kẻ thù không ngờ tới. Trong vài giờ, sinh hoạt Bá linh đã tê liệt. Cuộc đình công lan tràn khắp nước Phổ. Thủ đô ngập chìm trong bóng tối; các con đường trung tâm thành phố vắng ngắt; sự yên tĩnh tuyệt đối bao trùm khu ngoại ô thợ thuyền.

Tê liệt đã bóp chết các công sở: cả những y tá cũng rời bỏ bệnh viện. Giao thương giữa nước Phổ và phần nước Đức còn lại cũng đình trệ; chỉ sau buổi trưa vài giờ, Bá linh đã thấy đói. Về phần giới vô sản, không một cử chỉ bạo động, không một hành động phiến loạn nào. Thợ thuyền rời khỏi nhà máy rất lặng lẽ. Sự rối loạn đã xảy ra cùng khắp.

Trong đêm 13 rạng 14 tháng 3, Bá linh như chìm đắm trong giấc ngủ say. Tuy nhiên ở khách sạn Adlon, trụ sở những phái bộ Liên minh, mọi người thấp thỏm chờ đợi những biến chuyển quan trọng cho đến sáng. Thủ đô lúc bình minh không có bánh mì, không nước, không báo chí, nhưng vẫn yên tĩnh. Trong các khu dân cư, chợ búa vắng ngắt; sự đình chỉ vận chuyển hoả xa đã cắt đứt lương thực cung cấp cho thành phố. Và cuộc đình công như vết dầu loang tràn trong mọi công, tư sở. Các điện thoại viên, điện tín viên không có mặt ở nơi làm việc; các ngân hàng, tiệm buôn và quán giải khát vẫn đóng cửa. Ngay một số công chức trong các bộ cũng không thừa nhận chính phủ cách mạng. Bauer đã tiên đoán được sự lây lan này. Bất lực trong phản ứng chống lại sự đối kháng thụ động của thợ thuyền, Kapp cầu cứu các kỹ thuật gia và công chức tin cậy để ráng sức cho

chạy các bộ phận tế nhị nhất của guồng máy công vụ; nhưng đã quá muộn. Sự tê liệt đã lan tràn đến ngay cả guồng máy Nhà nước. Quần chúng thợ thuyền các khu ngoại ô không còn giữ thái độ yên tĩnh của những ngày đầu: những dấu hiệu thiếu kiên nhẫn, lo âu và nổi loạn phát lộ đó đây. Những tin tức dồn dập từ các tiểu bang miền nam đã đặt Kapp trong sự chọn lựa, hoặc đầu hàng nước Đức đang bao vây Bá linh, hoặc thường lại Bá linh đang cầm tù chính phủ bất hợp pháp. Phải trao quyền hành lại cho Bauer hay giao cho Ủy ban lao động đã đang là chủ nhân các khu ngoại ô? Cuộc đảo chính chỉ đem lại cho Kapp quốc hội Reichstag và các bộ. Tình hình mỗi lúc mỗi tồi tệ hơn: chính phủ cách mạng không còn lấy một yếu tố, một cơ hội nào để đánh một lá bài chính trị. Liên lạc tiếp xúc với các đảng tả phái và ngay đối với các đảng hữu phái dường như là điều không thể được nữa. Một hành động bạo lực chắc hẳn sẽ đưa tới những hậu quả không thể tưởng được... Vài mưu toan của quân đội Von Luttwitz để ép buộc thợ thuyền làm việc trở lại chỉ làm cho máu chảy vô ích. Những bài học đầu tiên tìm thấy trên đường phố: lỗi lầm tai hại nhất của một chính phủ cách mạng là đã quên chiếm cứ các trung tâm điện lực và các nhà ga xe lửa.

Giới thượng lưu đó đã để lại một vết hoen rỉ không xóa mờ được trên bộ máy nhà nước. Sự bắt bớ vài viên chức cao cấp thuộc Bộ Ngoại giao vào buổi chiều thứ ba đã cho thấy sự vô kỷ luật đã làm tan rã chế độ thư lại với mức độ như thế nào. Ngày 15-3, ở Stuttgart, nơi Quốc hội được triệu tập, Bauer bày tỏ cùng Tổng thống Ebert khi thông báo tin tức về những sự kiện đẫm máu ở Bá linh: "Lỗi lầm của Kapp, chính là đã làm rối loạn sự mất trật tự"

Kẻ làm chủ tình hình là Bauer, kẻ tầm thường Bauer, một kẻ mẩu mực, là kẻ duy nhất hiểu rằng muốn chiến đấu chống lại âm mưu cách mạng của Kapp thì vũ khí quyết định, đó là sự rối loạn. Một kẻ bảo thủ thâm nhuần nguyên tắc quyền bính, một kẻ có tự do tôn trọng pháp luật, một kẻ dân chủ trung thành với quan niệm đại nghị trong đường lối đấu tranh chính trị, hẳn là không bao giờ dám gây ra sự can thiệp bất hợp pháp của quần chúng vô sản và ủy thác việc bảo vệ nhà nước cho một cuộc tổng đình công.

Trong tác phẩm *Le Prince*, MACHIAVEL đã cực lực hô hào dân chúng giúp sức để ngăn một cuộc tấn công bất ngờ, một âm mưu của hoàng cung. Tuy nhiên, *Le Prince* của Machiavel chắc chắn còn bảo thủ hơn một *Tory* trong thời kỳ nữ hoàng Victoria, dù rằng quốc gia đã không dự phần vào, bằng những thành kiến luân lý hay bằng nền giáo dục chính trị. Nhưng ông đã được giáo huấn do những bài

học kinh nghiệm đầy trong lịch sử, của những chế độ độc tài: tại Âu châu, Hy Lạp, và các lãnh chúa nước Ý thời Phục hưng. Trái lại, trong tinh thần truyền thống của các chính phủ, bảo thủ hay tự do, của châu Âu hiện đại, ý niệm về nhà nước không chấp nhận trông cậy ở bất cứ một hành động bất hợp pháp nào của quân chúng vô sản, dù cho hiểm nguy có là thế nào. Sau này ở Đức, người ta tự hỏi thái độ của Stresemann sẽ là thế nào nếu ở trong tình trạng của Bauer.

Chắc chắn rằng Stresemann sẽ xem hành động Bauer hô hào giai cấp vô sản ở Bá linh là một phương sách rất bất xứng.

Ở đây, phải hiểu rằng giáo dục mác xít hiển nhiên đã khiến cho Bauer không hề ngần ngại trong sự lựa chọn phương tiện để chống lại một mưu toan cách mạng. Ý tưởng sử dụng cuộc tổng đình công như một khí giới hợp pháp của các chính phủ dân chủ để bảo vệ quốc gia chống lại một cuộc tấn công bất ngờ của phe quân sự hoặc phe cộng sản, không thể nào xa lạ đối với một kẻ được giáo dục bằng lý thuyết Marx. Bauer đã là kẻ đầu tiên áp dụng một trong những nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa mác xít trong việc bảo vệ một quốc gia tư sản. Bài học kinh nghiệm này đã có tầm quan trọng lớn lao trong lịch sử cách mạng thời đại chúng ta.

Ngày 17-3 khi Kapp tuyên bố trao trả quyền hành vì lý do "nước Đức đang trong tình thế cực kỳ trầm trọng, mọi đảng phái, mọi công dân nhất thiết phải đoàn kết tạo thành một mặt đối phó với nguy cơ cách mạng của Cộng sản", niềm tin của dân chúng Đức đối với Bauer trong suốt 5 ngày có chính phủ bất hợp pháp đã nhường chỗ cho nỗi lo lắng và sợ hãi. Đảng Xã hội không còn kiểm soát được cuộc tổng đình công, và những kẻ làm chủ thực sự tình thế lại là những người Cộng sản. Vài khu ngoại ô Bá linh đã tuyên cáo theo chế độ Cộng hoà đỏ. Các Ủy ban Lao động thành lập hầu hết khắp nước Đức. Tại vùng Saxe và Ruhr, cuộc tổng đình công chỉ là màn khởi đầu của cuộc khởi loạn. Quân lực Đức đã đối đầu với một quân đội Cộng sản thực sự, trang bị trung liên và đại bác. Bauer sẽ làm gì? Cuộc tổng đình công đã lật đổ Kapp, cuộc nội chiến sẽ cuốn trôi Bauer?

Trước nhu cầu lấy sức mạnh đàn áp cuộc nổi loạn của thợ thuyền, nền giáo dục mác xít trở thành nhược điểm của Bauer: "Nổi loạn là một nghệ thuật", Karri Marx đã khẳng định như thế. Nhưng đó là nghệ thuật chiếm đoạt quyền hành, không phải là để bảo vệ quyền hành. Mục tiêu của chiến lược cách mạng của Marx là chinh phục quốc gia; lấy đấu tranh giai cấp làm phương tiện. Để giữ vững quyền hành, Lénine đã phải đảo lộn một vài nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa mác xít. Đây là điều Zinovieff đã nhận thấy khi ông viết "Ngày

nay con người Marx thật sự không thể thiếu Lénine". Trong tay Bauer, cuộc tổng đình công là một khí giới bảo vệ chế độ, (bảo vệ nền Cộng hoà?) Reich phải là Quân lực Đức. Quân đội của Von Luttwitz bắt lữ trước cuộc tổng đình công nhưng chắc thắng cuộc nổi loạn của Cộng sản một cách dễ dàng: nhưng Kapp đã từ bỏ quyền hành ngay vào lúc giới vô sản đem lại cho ông cơ hội đương đầu với cuộc đấu tranh ngay trong chính lĩnh vực riêng của mình. Một lỗi lầm như thế, từ một kẻ phản động như Kapp thực không thể hiểu và không thể biện minh được. Nhưng về phía một kẻ mác xít như Bauer thì sự làm lỗi không hiểu rằng vào lúc đó, Quân lực Đức là vũ khí hiệu nghiệm duy nhất để chống lại sự nổi dậy của giới vô sản, lại là điều có thể biện minh được về mọi phương diện. Sau những nỗ lực hòa giải vô ích với các lãnh tụ của phe Cộng sản nổi loạn, Bauer trao trả quyền hành lại cho Muller. Kết cuộc buồn bã cho một kẻ khá thật thà và tầm thường.

Âu châu tự do và cách mạng bạo động còn phải học hỏi nhiều ở Lénine và Bauer.

Kỹ thuật đảo chánh

Bản dịch Thái Độ

Chương V

BONAPARTE, HAY LÀ CUỘC ĐÀO CHÁNH TÂN KỲ ĐẦU TIÊN

Điều gì sẽ xảy ra vào ngày 18 Brumaire, nếu Bonaparte đương đầu với một người như Bauer? Sự so sánh giữa Bonaparte và vị thủ tướng thực thà của chế độ mở ra nhiều viễn cảnh. Bauer, chắc chắn không hề là một kẻ anh hùng của Plutarque: đó là một người Đức thuộc giai cấp trung lưu mà giáo dục mác-xít đã bóp chết mọi khuynh hướng tình cảm. Sự tầm thường của ông thì vô tận. Số phận thật trớ trêu, một người đức hạnh bình thường như thế đã gặp phải Kapp, một vị anh hùng bình dân và khốn khổ! Bauer mới là đối thủ xứng tay của Bonaparte, một kẻ cần phải có để đương đầu vào ngày 18 Brumaire với anh hùng chiến thắng trận Arcole. Có như vậy, Bonaparte mới gặp một địch thủ xứng đáng với mình.

Tuy nhiên, người ta bảo rằng Bauer là một con người hiện đại, một

người Đức của Versailles và Weimar, một người Âu của thời hiện đại; còn Bonaparte, một người Âu thế kỷ thứ 18, một người Pháp được 20 tuổi vào năm 1789: làm thế nào quan niệm được hành động của Bauer ngày 18 Brumaire để ngăn chặn cuộc đảo chánh? Bonaparte không phải là Kapp và tình thế Ba lê vào năm 1789 hoàn toàn khác với Bá linh 1920. Bauer không thể sử dụng chiến thuật tổng đình công để chống lại Bonaparte. Xét tổ chức xã hội và kỹ thuật của thời đại, vẫn còn thiếu những điều kiện cần yếu để một cuộc đình công có thể ngăn chặn cuộc đảo chánh. Vấn đề cần phải tìm hiểu là chiến thuật nào Bauer sẽ áp dụng vào ngày 18 Brumaire và những tương quan có thể có giữa Bonaparte và vị thủ tướng của chế độ Reich dù sao cũng đáng chú ý hơn người ta tưởng.

Bonaparte không chỉ là một người Pháp thế kỷ 18, trước hết đó là một người hiện đại, hiện đại còn hơn cả Kapp. Tương quan giữa tâm trí của Bonaparte và Bauer chính là tương quan giữa quan niệm về luật pháp của một Primo de Rivera hay là một Pilsudski, nghĩa là của bất cứ một vị tướng hiện đại nào định chiếm chính quyền, và quan niệm về luật pháp của bất cứ vị bộ trưởng tiểu tư sản nào của thời đại chúng ta sẵn sàng dùng mọi cách để bảo vệ Nhà nước. Muốn cho một tương quan như vậy không có tính cách độc đoán, phải coi sự đối lập giữa quan niệm cổ điển và quan niệm hiện đại về nghệ thuật chiếm đoạt quyền hành đã biểu lộ lần đầu tiên ở Bonaparte và ngày 18 Brumaire là cuộc đảo chánh đầu tiên đã đặt ra các vấn đề chiến thuật cách mạng mới. Những sai lầm, bướng bỉnh, do dự của Bonaparte là của một người thuộc thế kỷ thứ 18, bị bó buộc giải quyết những vấn đề mới mẻ về (và?) tế nhị biểu hiện dưới hình thức như vậy lần đầu tiên và trong một hoàn cảnh khác thường, nghĩa là những vấn đề liên quan đến tính cách phức tạp của quốc gia tân thời. Làm lẫn trầm trọng nhất của ông, làm lỗi đã thiết lập kế hoạch ngày 18 Brumaire trên sự trọng pháp và trên cơ chế của thủ tục nghị viện, đã cho thấy ở Bonaparte một tri giác rất tinh tế về một vài vấn đề hiện đại của Nhà nước, một nỗi lo âu rất sáng suốt đối với hiểm nguy của sự phức tạp và tính cách mong manh của những tương quan giữa nhà nước và người công dân, tất cả đã tạo cho Bonaparte thành một con người hết sức tân tiến, một người Âu của thời đại chúng ta. Mặc dầu các sai lầm trong quan niệm và thực hiện, ngày 18 Brumaire vẫn còn là khuôn mẫu của cuộc đảo chánh nghị viện. Tính cách hiện đại của nó đã rõ rệt bao gồm trong điều này: tại Âu châu tân thời, cuộc đảo chánh nghị viện nào cũng có những sai lầm

tương tự. Điều này dẫn chúng ta trở lại với Bauer, Primo de Rivera và Pilsudski.

Trong vùng đồng bằng Lombardie, Bonaparte sửa soạn chiếm đoạt quyền hành bằng cách học hỏi các bài học kinh nghiệm cổ điển của Sylla, Catilina, và César. Những bài học sáng chói nhưng vô ích. Mưu mô của Catilina, đối với Bonaparte, không đáng chú ý đặc biệt. Thực ra, Catilina chỉ là một kẻ anh hùng bất đắc chí, một chính trị gia nổi loạn, quá thận trọng và thiếu táo bạo! Nhưng Cicéron, vị quận trưởng Cảnh sát thì thật kỳ diệu biết bao! Và khôn ngoan biết mấy, ông đã khiến cho Catilina và đồng bọn bị sa lưới! Với thái độ độc địa ông đã chống lại những kẻ âm mưu bằng chiến dịch mà ngày nay người ta gọi là chiến dịch báo chí. Ông đã khéo biết lợi dụng biết là chừng nào, cả những sai lầm của địch thủ, tất cả những cản trở của thủ tục tố tụng, những cạm bẫy, hèn nhát, tham vọng, bản năng thấp hèn của hạng quý phái và hạng dân đen! Lúc đó, Bonaparte sẵn lòng khinh thị các phương pháp cảnh sát. Dưới mắt ông, Catilina khôn khổ chỉ là một kẻ nổi loạn đầy cầu thả, một kẻ bướng bỉnh không ý chí, đầy quyết định tốt và ý định xấu, một nhà cách mạng luôn luôn do dự về giờ khắc, địa điểm và phương tiện, không có khả năng xuống đường vào lúc thích hợp, một đảng viên Công xã phân vân giữa chương ngại vật xây ngoài đường phố và âm mưu, phí thì giờ quý báu để nghe *quousque tandem* của Cicéron và để tổ chức cuộc vận động tranh cử chống lại *khối quốc gia*, một hạng Hamlet bị vu khống, nạn nhân những mưu mô của một luật sư nổi danh và những cạm bẫy cảnh sát. Nhưng con người Cicéron này, thật là kẻ vô dụng và cần thiết biết mấy! Người ta có thể nói về kẻ này bằng lời lẽ mà Voltaire đã nói về những tu sĩ Dòng Tên: "Muốn cho những tu sĩ Dòng Tên thành hữu ích phải cấm họ thành cần thiết". Mặc dù Bonaparte coi thường các phương pháp cảnh sát; mặc dù ý tưởng về một hành động bất thần do cảnh sát công an tổ chức đối với ông cũng ghê tởm như một cuộc cách mạng tàn bạo bằng quân sự, sự khôn ngoan của Cicéron vẫn làm ông ta suy nghĩ.

Có lẽ một con người tương tự như thế có thể cũng ích lợi cho ông vào một ngày nào đó, ai mà biết được? Vị thần May Mắn có hai khuôn mặt như Janus: khuôn mặt Cicéron và khuôn mặt của Catilina. Bonaparte, cũng như những kẻ sửa soạn chiếm đoạt quyền hành bằng bạo lực, lo sợ mình xuất hiện như loại Catilina dưới mắt người Pháp, một kẻ chấp nhận tất cả để thành đạt các dự tính nổi loạn, tâm

hồn tối tăm với âm mưu đen tối, một kẻ táo bạo đầy tham vọng và quá khích, một tội phạm sẵn sàng phá phách, tàn sát và tiêu hủy, quyết định thắng với mọi giá dù có gục ngã với kẻ thù, dưới những điều tàn của tổ quốc mình. Ông biết rằng khuôn mặt của Catilina không như câu chuyện hoang đường và vu khống dựng nên, ông biết rằng những lời buộc tội của Cicéron không có căn cứ, rằng những *bè lũ bạo động Catilinaires* vốn chỉ là một chuyện thêu dệt, rằng trên quan điểm pháp lý, án tòa gán cho Catilina là một tội ác, rằng trên thực tế, tội nhân này, kẻ có các âm mưu đen tối ấy chỉ là một chính trị gia tầm thường, một người không khéo xoay xở, một kẻ bướng bỉnh không quyết đoán mà Cảnh sát có thể loại trừ không mấy nhọc mệt với vài gián điệp và vài con mồi. Bonaparte biết rõ rằng lỗi lầm lớn nhất của Catilina là đã để mắt thế đứng, đã để cho mọi người biết rằng ông ta chuẩn bị tối mật một cuộc đảo chánh và đã không thực hiện đến nơi đến chốn. Ít nhất ông đã có can đảm thử làm! Người ta không thể nói rằng ông ta thiếu cơ hội: tình trạng nội bộ đã đến độ chính phủ chắc bắt lực trong việc bẻ gãy một mưu toan cách mạng. Không hoàn toàn là lỗi của Cicéron nếu một vài bài diễn văn và một vài biện pháp Cảnh sát đủ để cứu vãn nền Cộng hòa khỏi một nguy cơ trầm trọng như thế. Thực ra, Catilina cũng đã chấm dứt đời mình một cách tốt đẹp nhất: ông đã chết trên chiến trận với tư cách một nhà quý tộc lừng danh và là một chiến sĩ can trường. Nhưng Bonaparte cũng không làm khi nghĩ rằng muốn chạy trốn đúng lúc vào vùng núi để tìm một cái chết xứng đáng của một người La Mã thì Catilina cũng không cần phải rầm rộ, phải làm tổn thương danh tiếng và phải kéo theo bao đau khổ đến như thế. Theo ý ông thì Catilina có thể kết thúc khá hơn.

Sự nghiệp của Sylla và Jules César đã cung cấp cho Bonaparte nhiều chất liệu nhất để suy tưởng về số phận riêng của mình: các sự nghiệp này gắn gũi với thiên tài của ông và gắn với tinh thần thời đại của ông hơn cả tư tưởng sẽ hướng dẫn ông trong sự chuẩn bị và thi hành cuộc đảo chánh 18 Brumaire đã chưa chín muồi trong ông. Với ông, nghệ thuật chính phục quyền hành hình như chỉ là một nghệ thuật quân sự: chiến lược và chiến thuật của chiến tranh áp dụng vào cuộc đấu tranh chính trị, nghệ thuật điều động quân đội trên lãnh vực tương tranh dân sự.

Trong kế hoạch chiến lược để chinh phục La Mã, không phải thiên tài chính trị của Sylla và Jules César đã biểu lộ mà chính là thiên tài

quân sự của họ. Những khó khăn họ phải vượt qua để chiếm La Mã là các khó khăn hoàn toàn quân sự. Họ phải chiến đấu chống quân đội chứ không phải chống nghị viện. Thật sai lầm nếu xem cuộc đổ bộ ở Brindes và cuộc vượt sông Rubicon như là các hành động khởi đầu cuộc đảo chánh: đó là những hành động có tính cách chiến lược, không hề có tính cách chính trị. Dù họ là Sylla hoặc César, Hannibal hoặc Bélisaire, mục tiêu của quân đội của họ là chinh phục một đô thị: đó là một mục tiêu chiến lược. Hành động của họ là hành động của những tướng lĩnh mà đối với họ nghệ thuật chiến tranh không có gì bí mật. Đối với Sylla cũng như César, rõ ràng rằng thiên tài quân sự của họ vượt trên thiên tài chính trị. Người ta có thể nhận thấy rằng, trong các chiến dịch của họ, dù bắt đầu bằng cuộc đổ bộ ở Brindes hay vụ vượt sông Rubicon, không phải tuân theo một quan niệm chiến lược: có một hàm ý chính trị trong mỗi cuộc điều động binh đoàn của họ. Nhưng nghệ thuật chiến tranh là một nghệ thuật đầy hiểu ngầm và ý định xa xôi. Mọi vị tướng như Turenne, Charles XII hay Foch đều là khí cụ của chính trị quốc gia. Chiến tranh luôn luôn có những cứu cánh chính trị: chiến tranh chỉ là một phương diện của chính trị quốc gia. Lịch sử không có những trường hợp một vị tướng đã phục vụ nghệ thuật vị nghệ thuật, chiến tranh vị chiến tranh. Không có những kẻ tài tử giữa các vị tướng lĩnh anh hùng hoặc tầm thường, ngay cả trong những lính đánh giặc thuê. Lời nói của Giovanni Acuto, kẻ đánh giặc thuê người Anh phục vụ cho nền Cộng hòa ở Florence: "đánh giặc để sống chứ không để chết", không phải là lời nói hóm hỉnh của một tay tài tử, cũng không phải là châm ngôn của một tên lính đánh giặc thuê. Đó là biện minh cao nhất cho chiến tranh và cho luân lý chiến tranh. Đó có thể là châm ngôn của César, Frédéric, Nelson, Bonaparte.

Hiển nhiên rằng khi đưa quân chinh phục La mã, Sylla và César đã có một mục đích chính trị. Nhưng phải trả lại cho César cái gì của César và trả lại cho Sylla cái gì của Sylla. Họ không đảo chánh. Một cuộc âm mưu ở Hoàng cung giống với một cuộc đảo chánh nhiều hơn là những trận chiến danh tiếng mà hai vị tướng đã dùng để tiến chiếm nền cộng hòa. Sylla đã mất một năm để dùng quân đội mở đường từ Brindes đến La mã, nghĩa là để kết thúc âm mưu cách mạng khởi đầu từ Brindes. Như thế quá lâu cho một cuộc đảo chánh. Nhưng người ta biết rằng nghệ thuật chiến tranh có những qui lệ và những ngoại lệ. Sylla phải tuân theo và chỉ tuân theo có vậy thôi. Đối với những qui lệ và ngoại lệ chính trị, Sylla và César chỉ bắt đầu nghe theo chúng sau khi đến La mã và áp dụng ngoại lệ nhiều hơn qui lệ

như bản chất và thói tục của các vị tướng khi họ muốn tạo nên những luật lệ mới và một trật tự mới cho các đô thị đã chinh phục. Trong những cánh đồng xứ Lombardie, vào năm 1797 này, năm rất giàu lợi thế cho vị tướng nào không ngần ngại, táo bạo hơn là tham vọng, Bonaparte phải bắt đầu suy nghĩ rằng bài học của Sylla và César đối với ông có thể là tàn hại. Thực ra, giữa sự sai lầm của Hoche đã cầu thả nhận đặt thuộc quyền Chấp chính viện để âm mưu làm đảo chánh cộng với bài học của Sylla và César, thì đối với ông chính là lỗi lầm của Hoche có vẻ ít nguy hiểm hơn. Trong tuyên ngôn ngày 14-7 với đạo quân Ý, Bonaparte đã cáo tri cho hội Clichy rằng quân đội đang sẵn sàng vượt qua núi Alpes và tiến về Ba lê để bảo vệ Hiến pháp, bảo vệ tự do, chính phủ và các nhân vật của nền cộng hòa. Trong lời lẽ của ông, ta cảm thấy mối ưu tư đừng để mình bị ảnh hưởng bởi thái độ không kiên nhẫn của Hoche hơn là lòng đam mê thắm kín được ngang hàng với César. Giữ tình thân hữu với Chấp chính viện mà không quá công khai về cùng phe, đó là vấn đề của năm 1797. Hai năm sau trước ngày 18 Brumaire, vấn đề là sẽ giữ tình thân hữu với Chấp chính viện và không quá công khai đứng vào hàng ngũ những địch thủ của viện này.

Từ năm 1797, tư tưởng bắt đầu phát hiện trong trí ông rằng phương tiện đảo chánh phải là quân đội, nhưng quân đội này phải có vẻ tuân theo luật lệ và hành động phải giữ cái vẻ hợp pháp. Chính mối ưu tư về tính cách hợp pháp này đã xuất hiện ở Bonaparte một quan niệm đảo chánh khác biệt các kinh nghiệm cổ điển, sáng chói và nguy hiểm.

Trong số nhiều nhân vật ngày 18 Brumaire, kẻ có địa vị mơ hồ là Bonaparte. Từ khi ở Ai Cập trở về, ông chỉ tỏ vẻ bồn chồn, làm đối tượng cho sự ca tụng, căm hờn, lố bịch và nghi ngờ: ông chỉ tự làm hại mình một cách vô ích. Cái vụng về của ông bắt đầu làm cho Siéyès và Talleyrand lo lắng. Bonaparte muốn gì? Phải để cho kẻ khác hành động! Siéyès và Lucien Bonaparte lo liệu mọi điều, cung cấp mọi thứ, công việc được điều chỉnh đến tận những chi tiết tỉ mỉ nhất. Siéyès, thắc mắc và câu nệ, nghĩ rằng một cuộc đảo chánh không thực hiện trong một ngày: mỗi nguy hiểm phải tránh, chính là sự thiếu kiên nhẫn của Bonaparte (và tính thích khoa tu từ học của ông ta, Talleyrand nói thêm vào). Đây (không?) còn phải là vấn đề của César hay Cromwell mà là của Bonaparte. Nếu người ta muốn cứu vãn những vẻ bề ngoài hợp pháp; nếu muốn cuộc đảo chánh không có vẻ một cuộc đảo chánh của trại lính, hoặc một âm mưu của cảnh sát công an mà là một cuộc đảo chánh nghị viện với sự đồng

lỗi của hai viện Nguyên lão và Thứ dân, thực hiện theo một thủ tục tổ tụng tinh xảo và quanh co thì điều cần thiết là, Bonaparte không cố chấp giữ trong một vài thái độ. Một vị tướng bách thắng sửa soạn chiếm đoạt quyền hành không nên mong được hoan hô và không nên mất thì giờ trong các mưu mô. Siéyès đã lo liệu đủ và tổ chức chu đáo: ông học cả cách cưỡi ngựa, để diễu hành nếu chiến thắng hay để trốn chạy. Trong lúc chờ đợi, Lucien Bonaparte đã đắc cử Chủ tịch viện Thứ dân, dự định bổ nhiệm 4 kiểm soát viên chắc chắn về cùng phe với mình vào văn phòng Viện. Khi có đảo chánh nghị viện, thì cả đến các nhân viên phục vụ tại phòng hội đồng cũng rất quan trọng. Những kiểm soát viên của văn phòng Nguyên lão nghị viện đều ở trong tay Siéyès. Để biện minh cho sự triệu tập các Viện tại Saint-Cloud, ở ngoài Ba lê, cần phải kiếm một cớ: một mưu loạn, một âm mưu của phe quá khích, một mối đe dọa chung. Chủ tịch Siéyès sử dụng guồng máy cảnh sát và lý do đã được tạo ra: cảnh sát đàn áp âm mưu khủng khiếp của phe quá khích đang công khai đặt nền Cộng hòa vào mối nguy hiểm sống còn. Các viện sẽ lặng lẽ họp nhau ở Saint-Cloud. Mọi sự đều phù hợp theo đúng chương trình vạch sẵn.

Bonaparte ép mình theo các kẻ khác: các thái độ dè dặt hơn, ngoại giao ít ngây thơ hơn, lạc quan cẩn trọng hơn. Dần dần ông tin rằng mình trở thành *deus ex machina* của toàn thể âm mưu, và tin tưởng này đủ mang lại cho ông sự chắc chắn tuyệt đối rằng mọi điều sẽ xảy ra theo ý muốn. Tuy nhiên chính là những kẻ khác đã hướng dẫn ông trong các âm mưu: chính Siéyès dắt tay ông vào mê lộ. Bonaparte khi ấy vẫn là một quân nhân không hơn không kém, thiên tài chính trị của ông chỉ xuất hiện sau ngày 18 Brumaire. Các vị tướng, đầu là Sylla, César hay Bonaparte trong thời kỳ chuẩn bị và thực hiện cuộc đảo chánh, cũng chỉ thuần túy là những kẻ quân sự: họ càng cố gắng giữ tính cách hợp pháp, biểu lộ trung thành với “res publica” chừng nào thì hành vi của họ lại càng phi pháp, lòng miệt thị “res publica” càng biểu lộ rõ rệt. Mỗi lần xuống ngựa để dự vào lãnh vực chính trị, họ quên gỡ cái đinh thúc ngựa. Lucien Bonaparte quan sát người anh mình, chú ý đến cử chỉ, cố đọc những ý tưởng bí mật nhất của anh với một nụ cười như cảm thấy trước mùi vị oán hờn, tự cảm thấy rằng từ nay mình vững tin vào anh hơn chính mình. Mọi sự đã sẵn sàng. Ai có thể làm đổi hướng dòng biến chuyển, sức mạnh nào đương đầu được với đảo chánh.

Kế hoạch của Bonaparte xây dựng trên một sai lầm căn bản: tôn trọng tính cách hợp pháp. Ngay từ lúc đầu, Siéyès đã tỏ ra chống đối

sự giữ gìn hành động trong giới hạn luật pháp: phải chừa lề cho những trường hợp bất ngờ, trong đó bạo động cách mạng giữ phần ưu thắng. Con đường gò bó luôn luôn nguy hiểm. Một cuộc đảo chánh hợp pháp dường như là một điều phi lý đối với lý thuyết gia về luật pháp này. Nhưng Bonaparte không thể lay chuyển được: ông sẵn lòng hy sinh cả thận trọng để tôn trọng pháp luật. Trong đêm 17 rạng 18 Brumaire, khi Siéyès báo cho ông hay rằng các khu ngoại ô đang rục rịch, và tốt hơn nên đề phòng trước bằng cách bắt giữ chừng 20 nghị sĩ, Bonaparte từ chối phạm một hành vi phi pháp. Ông muốn một cuộc khởi loạn nghị viện thôi: ông mong chiếm đoạt quyền hành dân sự mà không phi pháp và không bạo động. Fouché đề nghị xin được cộng sự, ông trả lời ông không cần tới Cảnh sát. *Sancta simplicitas!* Uy tín và vinh quang của tên tuổi ông đủ rồi.

Nhưng, tình trạng hợp pháp bằng mọi giá ấy, vị tướng hùng hổ này, người chiến sĩ say mê khoa tu từ học này không biết tiến thoái thích nghi. Buổi sáng ngày 18 Brumaire, vừa tới đứng trước Nguyên lão nghị viện, ông đã quên vai trò của mình, vai trò của một vị tướng bách thắng đến đem lưỡi gươm mình phục vụ cho những kẻ đại diện quốc gia. Ông quên rằng dưới mắt của viện Nguyên lão, ông không nên xuất hiện như một César mới, mà nên như một kẻ bảo vệ hiến pháp chống lại âm mưu của phe quá khích. Ông ta không nên làm gì khác hơn là một vị tướng được nguyên lão viện giao phó nhiệm vụ bảo đảm sự di chuyển yên lành Cơ quan Lập pháp đến Saint-Cloud. Ông phải cẩn thận ra vẻ giữ một vai trò thứ yếu trong vở hài kịch nghị viện mà nhân vật chính là Cơ quan Lập pháp.

Những lời ông tuyên bố, ở giữa một đám sĩ quan hộ tống trang phục đồ thêu vàng và bạc, trước cử tọa gồm những kẻ tiểu tư sản đeo mắt kính đầy run sợ, hình như là những lời bị xúi dục bởi một vị thần ghen ghét với thời vận của ông. Tất cả những căn bản tu từ học mà ông học không kỹ từ những sự nghiệp của Alexandre và César đã trào lên trên môi và làm ông líu lưỡi: “Chúng ta mong muốn nền Cộng hoà, thiết lập trên tự do thật sự, trên sự đại diện quốc gia: chúng ta sẽ đạt được, tôi thề như vậy!” – Các sĩ quan chung quanh đồng thanh lặp lại lời thề. Các nguyên lão nghị viện tham dự đều câm lạng và sững sờ. Từ nơi nghị viện đã bị thuận hoá này, một người nào đó, một kẻ thấp hèn nào đó sắp sửa có thể đứng lên chống lại Bonaparte nhân danh tự do, Cộng hoà, Hiến pháp, những công thức tu từ học, những danh từ to lớn đã trở nên rỗng tuếch nhưng mà còn nguy hiểm. Siéyès đã tiên đoán mối hiểm nguy này và suốt đêm, những kiểm soát viên của văn phòng đã làm tiêu tán những yết thị

triệu tập những nghị sĩ đáng ngờ. Nhưng Bonaparte phải đặc biệt phòng ngừa đối với những kẻ thấp hèn vô nghĩa mà ngay Siéyès cũng không ngờ vực. Một nghị sĩ tên là Garat đã đứng dậy phát biểu: "Không một quân nhân nào ở đây được xen vào vấn đề hiến pháp". Bonaparte xanh mặt, quay lại sửng sốt. Nhưng vị chủ tịch can thiệp đúng lúc, ngắt lời Garat và hội trường đứng dậy hô to: "Cộng hoà muôn năm".

Trong lúc duyệt qua đoàn quân xếp hàng trong công viên Tuilleries, Bonaparte tự để rơi mặt nạ. Sau những lời nói lấy lòng gởi cho Botte bằng giọng sang sảng khi rời phòng hội Viện Nguyên lão, bài diễn văn của ông dành cho quân sĩ rền vang như một lời thách đố và dọa dẫm. Giờ đây ông ta tự tin lắm rồi. Nhưng Fouché cố nhấn mạnh về sự cần thiết phải bắt giữ những nghị sĩ hay gây loạn nhất. Bonaparte từ chối, cho lệnh đó làm vậy là một lầm lẫn vô ích, bây giờ mọi sự đều thuận buồm xuôi gió rồi. Chỉ còn một vài thủ tục nữa là xong cuộc đảo chánh. Sự lạc quan của ông cho thấy ông không hiểu rõ vị trí của ông trong trò chơi đầy nguy hiểm này. Hôm sau, ngày 19 Brumaire, ở Saint-Cloud, khi chính Siéyès nhận thấy những sai lầm đã phạm và bắt đầu lo sợ, Bonaparte vẫn tiếp tục tỏ ra một (sự?) lạc quan, một tin tưởng vào uy danh của mình, một khinh thường bọn "trạng sư" của cơ quan Lập pháp đến nỗi mà Talleyrand không biết phải cho ông là ngây thơ hay vô ý thức.

Khi quan niệm kế hoạch của mình, thiết lập trên những hình thức hợp pháp và trên kỹ thuật tổ tụng nghị viện, Siéyès không để ý đến những việc nhỏ. Bởi lý do nào mà các viện đã không được triệu tập ở Saint-Cloud vào ngày 18 thay vì ngày 19 ở Brumaire? Thật là một sự lầm lẫn khi để cho kẻ thù 24 giờ để nghiên cứu tình thế và tổ chức kháng cự. Ngày 19 ở Saint-Cloud, vì lý do nào Nguyên lão viện và Thứ dân viện đã không họp ngay vào buổi trưa mà lại là vào hai giờ lúc xế trưa? Trong hai giờ này, các nghị sĩ đã có thể trao đổi những cảm tưởng, những ý nghĩ, những dự tính để thoả thuận về những hành động chung để chống lại mọi âm mưu lường đảo hay bạo lực. Viện Thứ dân tuyên bố sẵn sàng đối với tất cả: sự xuất hiện của quân lính bao vây mọi phía khiến họ nổi giận. Họ bồn chồn giận dữ trong các lối đi và trong sân, họ to tiếng chất vấn nhau: tại sao chúng ta không họp ở Ba lê? Ai đã bịa ra chuyện có âm mưu này? Người nào? Nói thật đi! Siéyès đã quên dựng ra những bằng chứng về âm mưu của phe quá khích: ông ta nhìn quanh, nhận thấy nhiều kẻ mìm cười, nhiều kẻ xanh mặt và bắt đầu hiểu rằng tình thế đã không mấy sáng sủa, mọi chuyện có thể tùy ở một lời nói, một cử chỉ. Giá như

ông nghe theo lời Fouché! Nhưng bây giờ đã quá muộn, phải phó mặc cho rủi may, không có cách gì khác nữa. Xét về chiến thuật cách mạng, thì đó quả là một chiến thuật độc đáo.

Đúng 2 giờ, hội nghị Nguyên lão khai mạc. Kế hoạch của Siéyès bị hỏng ngay khi bắt đầu. Những kẻ tiểu tư sản vốn trầm lặng ấy dường như đang giận dữ ghê gớm, may mắn thay không có kẻ nào biết mở lời nổi giữa cảnh náo loạn ồn ào như vậy. Nhưng ở Orangerie, nơi viện Thứ-dân hội họp, một cơn thoá mạ, buộc tội và đe dọa đã đón chào chủ tịch Lucien Bonaparte. Mất tất cả rồi, Siéyès nghĩ thế, ông ta xanh mặt và tiến gần cửa khi nghe thấy tiếng huyền náo bất ngờ đó. Để đề phòng khi trốn chạy, một chiếc xe chực sẵn ở bên lề công viên. Xe tiện lợi và đảm bảo hơn ngựa. Khi chuẩn bị đảo chánh, một kẻ biết tiên liệu như ông không thể bỏ sót chi tiết này. Ít ra Siéyès cũng không phải là kẻ duy nhất cảm thấy khó chịu; trong các phòng khách ở tầng trên, Bonaparte và tùy tùng nôn nao đợi giờ đầu phiếu. Nếu Nguyên lão viện không tán thành sắc lệnh giải tán các viện, nếu họ chỉ định ba tổng tài lâm thời và quyết định tu chính Hiến pháp, thì Bonaparte sẽ làm gì? Trong trường hợp này, kế hoạch cách mạng do Siéyès thiết lập đến tận những chi tiết tỉ mỉ nhất ấy sẽ tiên liệu được gì? Siéyès chỉ tiên liệu sự bôn tẩu bằng xe.

Cho tới lúc đó, hành động của Bonaparte, vốn bận tâm trên hết là cứu vãn về hợp pháp để vẫn ở trong khuôn khổ thủ tục nghị viện, nếu dùng từ mới, ta có thể nói là hành động của một nhà tự do. Xét theo quan điểm này, Bonaparte là một vị trưởng giáo. Sau ông ta, tất cả các nhà quân sự thử chiếm đoạt quyền hành dân sự đã đều trung thành với nguyên tắc của chủ nghĩa tự do cho đến phút chót, có nghĩa là cho đến lúc phải sử dụng bạo lực. Phải luôn luôn, và đặc biệt là ngày nay, coi chừng chủ nghĩa tự do của các nhà quân sự. Ngay khi nhận thấy rằng sự chống đối của Nguyên-lão-viện và Thứ-dân-viện hiển nhiên là làm hỏng kế hoạch của Siéyès, Bonaparte quyết định ra mặt đàn áp sự chống đối của nghị viện. Đây vẫn là một hình thức của chủ nghĩa tự do (một thứ chủ nghĩa tự do quân sự, hiển nhiên là vậy), một phương cách bạo động tự do. Vừa thấy Bonaparte, sự huyền náo dịu bớt trong phòng Viện Nguyên lão. Nhưng nơi con người César này, con người Cromwell này, khoa tu từ học còn bội phản một lần nữa. Bài diễn văn của ông, ban đầu được sự im lặng kính trọng, dần dần nổi lên tiếng thì thảo phản đối. “Nếu tôi là một kẻ bội ước thì tất cả các ngài hãy là Brutus”, khi nghe những lời này, một vài tiếng cười lớn vang dội từ cuối phòng. Diễn giả bối rối, ngừng lại, ấp úng, rồi tiếp tục với một giọng chối tai: “Các

ngài hãy nhớ rằng tôi bước đi có vị Thần chiến tranh và vị Thần may mắn đi theo”. Các nghị sĩ nhồm dậy, vây quanh diễn đàn. Tất cả đều cười. “Đại tướng, ngài không biết những điều ngài nói nữa”, kẻ trung thành Bourienne thì thào vào tai Bonaparte và nắm chặt tay ông. Bonaparte đi theo, ông rời phòng hội.

Lúc sau, khi bước qua ngưỡng cửa Orangerie, có 4 vệ binh hộ tống và vài sĩ quan, Thứ dân Viện đã tiếp đón bằng sự âm ỉ cuồng động tung ra, nặng lời lăng mạ và xúc phạm: “Đồ phi pháp! Đồ đảo độc tài!” Bốn vệ binh xiết chặt quanh ông để che cho ông khỏi bị đám đá, các sĩ quan cố đưa ông ra khỏi cảnh huyên náo; cuối cùng, Gardanne nắm được tay ông và mang ông ra ngoài. Không còn gì hơn là đào tẩu, Siéyès nghĩ thế, hoặc là bạo lực như Bonaparte nói với những người của ông. Trong phòng hội của Thứ dân viện, sắc lệnh phế trừ được biểu quyết. Trong vài phút nữa, con người César này, Cromwell này sẽ bị “đặt ngoài vòng pháp luật”. Thế là hết. Bonaparte nhảy lên mình ngựa và ra duyệt hàng quân: “Sẵn sàng chiến đấu!” ông ta hô lên. Quân sĩ hoan hô nhưng bất động. Đây là quang cảnh đặc biệt nhất của hai ngày lịch sử đó. Khuôn mặt thất vọng, run lên vì giận, Bonaparte nhìn chung quanh. Vị anh hùng Arcole đã không thể làm di chuyển nổi lấy một tiểu đoàn. Nếu Lucien không đến vào lúc này thì tất cả mất hết. Chính Lucien đã kích động binh sĩ, cứu vãn tình thế. Chính Murat đã tuốt gươm ra, đảm đương trách nhiệm chiến đấu, lôi kéo vệ binh chống Viện Thứ dân.

“Gọi là Tướng Bonaparte, điều đó không đúng”, Montrou sau này đã nói thế khi nhắc lại vẻ xanh xao của con người César này, con người Cromwell này. Montrou, kẻ mà Roederer gọi là một Talleyrand cưỡi ngựa, suốt đời đã giữ niềm tin rằng vị anh hùng Plutarque này ở Saint-Cloud đã cảm thấy một phút sợ hãi; và một con người lu mờ nhất nước Pháp, một trong những “trạng sư” của Cơ quan Lập pháp, một kẻ thấp kém nào đó có thể trong hai ngày lịch sử này, bằng một cử chỉ, một lời nói, bôi xoá định mệnh Bonaparte và cứu vãn nền Cộng hoà mà không gặp nguy hiểm.

Một sử gia đã nói: “chưa bao giờ có cuộc đảo chánh nào quan niệm sai đến thế và bị lãnh đạo sai đến vậy”. Xây dựng trên sự trọng pháp và trên cơ chế của thủ tục nghị viện, kế hoạch ngày 18 Brumaire chắc chắn sẽ thất bại, nếu Nguyên lão viện và Thứ dân viện biết lợi dụng lỗi lầm của Siéyès. Một chiến thuật tấn công dựa trên sự trì chậm của thủ tục nghị viện chỉ có thể đưa đến thất bại. Nếu (không

phải vì?) các viện, với sự đe dọa ban hành sắc lệnh phế trừ, đã ép Bonaparte phải cắt ngang, rời bỏ khuôn khổ pháp luật và dùng đến bạo lực thì cuộc đảo chính đã bị sa lầy trong thủ tục nghị viện. Chiến thuật tấn công của nghị viện là phải tranh thủ thời gian, kéo dài mọi sự. Xế trưa ngày 19 Brumaire ở Saint-Cloud, cuối cùng Siéyès đã hiểu sự lầm lạc của mình. Thời gian chỉ có lợi cho Cơ quan Lập pháp. Bonaparte đã vận động trên lãnh vực nào? Trên lãnh vực thủ tục. Sự mạng của thủ tục nghị viện là gì? Sự trì trệ. Hai giờ nữa thôi và các phiên họp của các Viện phải hoãn lại ngày sau. Cuộc đảo chánh mới vừa để mất 24 giờ, lại phải chậm trễ nữa. Ngày hôm sau, ngày 20 Brumaire, ngày mở lại các phiên họp của Cơ quan Lập pháp, thì địa vị của Bonaparte chắc sẽ khác hẳn.

Siéyès đã hiểu thế. Trong kế hoạch cách mạng của ông, Nghị viện là những phương tiện của cuộc đảo chánh. Bonaparte không thể bỏ qua được các viện: họ thật cần thiết đối với ông. Phải hành động nhanh chóng, ngăn chặn sự hoãn các phiên họp, tránh mối nguy hiểm của một cuộc tranh đấu mở ra giữa Cơ quan Lập pháp và Bonaparte, giữa Hiến pháp và đảo chánh: nhưng với phương tiện gì? Kế hoạch của Siéyès và luận lý của Bonaparte đã là từ khước xử dụng bạo lực. Tuy nhiên phải ngắt ngang. Như vậy cần phải thuyết phục đi vào phòng hội, nói với các nghị sĩ, và bằng cách tốt lành tử tế, thử vượt khỏi thủ tục nghị viện. Căn nguyên hành động kỳ lạ ấy của Bonaparte là ở cái mà người ta gọi là chủ nghĩa tự do của ông. May mắn thay cho ông, thái độ của ông đã gây nên cho Nghị viện sự lầm lẫn không phương cứu vãn, những bạo động chống lại cá nhân ông ta và sắc lệnh phế trừ. Nguyên-lão-viện và Thứ-dân-viện không hiểu rằng bí mật sức mạnh của họ đối với Bonaparte chính là kéo dài sự kiện, đừng gây khiêu khích, trông cậy vào sự trì trệ của thủ tục. Trong mọi cuộc đảo chánh, kỹ thuật của những phần tử Cách mạng bạo động là phải hành động thật nhanh, kỹ thuật của kẻ bảo vệ Quốc gia là kéo dài thời gian. Lỗi lầm của Nghị viện là đã đẩy Bonaparte đến chân tường: trốn chạy hay xử dụng bạo lực. Các “trạng sư” của Cơ quan Lập pháp dù không muốn, cũng đã cho Bonaparte một bài học về chiến thuật cách mạng.

Kỹ thuật đảo chánh

Bản dịch Thái Độ Chương VI

PRIMO DE RIVERA và PILSUDZKI: MỘT KẺ SIÊM NINH và MỘT VIÊN TƯỚNG XÃ HỘI

Bài học kinh nghiệm của Bonaparte sử dụng quân đội như một công cụ hợp pháp để giải quyết vấn đề Chinh phục Quốc gia trên lãnh vực thủ tục nghị viện, bài học ấy hãy còn là một ám ảnh lớn lao cho những người như Kapp, Primo de Rivera hoặc Pilsudzki vốn chủ trương dung hòa việc dùng bạo lực và sự tôn trọng pháp lý, đồng thời muốn hoàn thành bằng sức mạnh vũ khí một cuộc cách mạng nghị viện. Chiến thuật ngày 18 Brumaire không phải là một chiến thuật phiến loạn của quân đội. Đúng ra đặc điểm của đảo chính này chính là nổi bật tâm giữ gìn tính cách hợp pháp và điều này là nguyên tắc mới mà Bonaparte đã mang lại trong kỹ thuật đảo chính. Người ta nhận thấy sự bận tâm hết sức mới mẻ đó trong những công cuộc của Kapp, của Primo de Rivera và của Pilsudzki. Chính đó là đặc tính làm cho ngày 18 Brumaire có tính cách hiện đại và làm cho chiến thuật của Bonaparte trở thành một trong những đe dọa trực tiếp nhất đối với những quốc gia theo chế độ nghị viện. Mong tưởng của Kapp là gì? Là mong trở thành một kẻ như Siéyès của Von Luttwitz, và thực hiện cuộc đảo chính nghị trường. Ludendorff vọng tưởng điều gì vào năm 1923 khi liên minh với Hitler và Kahr để tiến về thành phố Berlin? Chính là vọng tưởng ngày 18 Brumaire. Mục tiêu chiến lược của ông ta là gì? Cũng là mục tiêu của Kapp: Quốc hội Reichstag, Hiến pháp Weimar. Primo và Pilsudzki cũng thế: một người nhắm Quốc hội lập pháp Cortès (Tây Ban Nha), một người nhắm Quốc hội Diète. Đến cả Lénine, không kể giai đoạn đầu vào mùa hè 1917, cũng đã chẳng bắt đầu mô phỏng chiến thuật của Bonaparte hay sao. Trong những lý do giải thích sự thất bại của chiến thuật bạo động tháng Bảy 1917, thì lý do trọng đại nhất là Ủy ban Trung ương đảng Bôn sê vich và Lénine đã phản đối một cuộc bạo động sau những buổi Đại hội Xô viết đầu tiên. Họ không có mục đích nào khác hơn là đối tượng nghị viện: chinh phục đa số trong Đại hội Xô viết. Cho tới buổi tối trước hôm đảo chính, mối bận tâm duy nhất của Lénine, đã lánh cư tại Phần Lan sau những ngày cách mạng tháng Bảy, là chiếm đa số ở Đại hội Xô viết: lần thứ nhì bắt buộc phải được triệu tập vào tháng Mười. Là chiến thuật gia tầm thường, ông chủ trương cần có sự an toàn về phương diện nghị viện trước khi khởi xướng bạo động. Lounatcharski nhận xét: “Cũng như Danton hay Cromwell, Lénine là một kẻ tùy thời có thiên tài”.

Quy luật nền tảng của chiến thuật Bonaparte, xây dựng trên chủ nghĩa tùy thời có tính cách tích cực nhất, là sự lựa chọn lĩnh vực nghị viện như một nơi thích hợp nhất để dung hòa việc sử dụng bạo lực và sự tôn trọng pháp lý. Đó là đặc điểm của ngày 18 Brumaire. Kapp, Primo de Rivera, Pilsudski và xét theo một vài tương quan nào đó, cả Hitler nữa, đều là những kẻ ưa trật tự, những kẻ phản động dự tính chiếm đoạt quyền hành để phát huy uy tín, uy lực và uy quyền của họ nhưng lại bận tâm biện minh thái độ phản loạn của họ bằng cách tự tuyên dương mình không phải là kẻ thù mà chính là công bộc của quốc gia. Điều làm cho họ lo sợ nhất là bị đặt ra ngoài pháp luật. Khi nghe tin bị đặt ngoài vòng pháp luật, Bonaparte đã thất sắc; sự kiện này hẳn là một cái gì trong những mối bận tâm đã ám ảnh hành động của họ. Mục tiêu chiến thuật của họ là Nghị viện; họ muốn chinh phục quốc gia qua Nghị viện. Duy chỉ có quyền lập pháp, rất thuận lợi cho các trò hòa giải và đồng lõa mới có thể giúp đỡ họ trong việc đưa một sự đã rồi vào trong một trật tự có sẵn bằng cách ghép bạo lực cách mạng vào sự hợp hiến.

Hoặc là Nghị viện chấp nhận và tích cực hợp pháp hóa sự việc đã hoàn thành bằng cách biến đổi cuộc đảo chính thành một sự thay đổi nội các, hoặc là những kẻ cách mạng bạo động giải tán Nghị viện và thiết lập một Quốc hội mới để hợp pháp hóa bạo lực cách mạng. Nhưng nghị viện chấp nhận hợp pháp hóa cuộc đảo chính là chỉ để ban hành chính cái chung cục của mình. Trong lịch sử cách mạng không có một Quốc hội nào chấp nhận hợp pháp hóa cuộc đảo chính mà sau đó không là nạn nhân đầu tiên của bạo lực cách mạng. Để phát huy uy tín, uy lực và uy quyền Quốc gia, lý luận của Bonaparte chỉ quan niệm được một sự tu chính hiến pháp và giới hạn các đặc quyền của Nghị viện mà thôi. Sự đảm bảo hợp pháp duy nhất đối với cuộc đảo chính kiểu Bonaparte nằm trong một sự tu chính hiến pháp nhằm giới hạn các quyền tự do của nông dân và những quyền hạn của nghị viện. Tự do: chính là kẻ thù.

Chiến thuật kiểu Bonaparte, bằng mọi giá, bó buộc phải nằm trong phạm vi hợp pháp. Chiến thuật này chỉ sử dụng bạo lực để duy trì mình trên bình diện hợp pháp hoặc để trở lại bình diện này một khi bị bó buộc phải tách xa. Bonaparte làm gì, Bonaparte hợp pháp của ngày 18 Brumaire ấy, khi biết rằng Thứ dân viện đã tuyên bố đặt ông ra ngoài vòng pháp luật? Ông đã dùng tới bạo động: ông ra lệnh cho quân sĩ tống các dân biểu khỏi Orangerie, ông đã xua đuổi và phân tán những kẻ đại diện Quốc gia.

Nhưng vài giờ sau, Lucien Bonaparte, chủ tịch Thứ dân viện vội vã

tóm cổ vài chục dân biểu, triệu tập lại Hội nghị và hợp pháp hóa cuộc đảo chính bằng thứ Quốc hội giả danh này. Chiến thuật ngày 18 Brumaire có lẽ chỉ có thể được áp dụng trên lĩnh vực nghị viện. Sự hiện hữu của Nghị viện là điều kiện tất yếu của cuộc đảo chính của Bonaparte. Trong chính thể Quân chủ chuyên chế, người ta chỉ có thể quan niệm được các âm mưu của hoàng cung hay các cuộc khởi loạn của quân đội mà thôi.

Primo de Rivera và Pilsudzki, mặc dù các đảng viên của họ đã làm họ biến thành người anh hùng kiểu của Plutarque (đó là số phận của tất cả các nhà độc tài), chắc hẳn sẽ gặp những khó khăn hết sức trầm trọng hơn nếu Nghị viện Cortès (Tây Ban Nha) và quốc hội Diète (Ba Lan) là Hạ viện Anh hoặc là quốc hội Pháp. Nhưng thành công của hành động bạo lực của họ không do bởi sự kiện Nghị viện Cortès và Quốc hội Diète không phải là Hạ nghị viện Anh hoặc Quốc hội Pháp, mà do sự kiện ở Tây Ban Nha năm 1923 cũng như ở Ba Lan năm 1926 không có một nền dân chủ nghị viện khả dĩ bảo vệ nổi các quyền tự do công cộng. Trong các mối hiểm nguy của Quốc gia ngày nay có thể gặp, một trong những mối hiểm nguy trầm trọng nhất là tính cách dễ bị tổn thương của nghị viện. Mọi nghị viện, không trừ ra ở đâu, đều yếu ớt nhiều hay là ít. Lỗi lầm của các nền dân chủ đại nghị chính là sự tin tưởng thái quá ở các tự do đã tranh đấu được trong khi chẳng có gì mong manh hơn chúng trong Châu Âu ngày nay. Thật là một ảo tưởng nguy hại nếu tin rằng nghị viện là cách bảo vệ quốc gia tốt đẹp nhất chống lại mưu toan kiểu Bonaparte và có thể bảo vệ tự do bằng sự hành xử tự do, bằng những biện pháp cảnh sát. Đó chính là điều mà các dân biểu nghị viện Cortès và quốc hội Diète vọng tưởng cho đến trước ngày các cuộc đảo chính của Primo de Rivera và Pilsudzki bùng nổ.

Trong những anh hùng có đời sống gương mẫu và Plutarque thuật lại thì thật hiếm có những người xuất thân từ hàng quý tộc. Có lẽ đó là lý do chống lại việc Primo de Rivera, một quý tộc đại tướng mang vóc dáng một anh hùng kiểu Plutarque trong lịch sử. Trong những chuyến phiêu lưu khốn khổ của loại nhà độc tài này, không có gì đáng chê bằng lòng trung thực và thành tín. Trách ông đã phục vụ xứ sở bằng một trí thông minh tầm thường là lầm. Thật ra nên trách ông đã phục vụ Hoàng đế bằng sự cao đẹp của tâm hồn. Mọi nhà độc tài đều phải như Metternich, phải biết nghi ngờ những ông vua được hiến pháp chấp nhận.

Sự đồng lõa của nhà vua là yếu tố đáng lưu ý nhất – có lẽ là yếu tố

duy nhất đáng lưu ý của nền độc tài Tây Ban Nha. Nếu không có sự a tòng tạo phản của Alphonse XIII, Primo de Rivera đã không thể chiếm chính quyền, giải tán Nghị viện Cortès, cấm chỉ mọi tự do công cộng, cai trị bất kể hiến pháp *Deus ex machina* thật sự của cuộc đảo chính. Trách nhiệm duy nhất về sự độc tài, không phải là do Primo de Rivera, mà là nhà vua. Người ta nói rằng Rivera vốn là “Bonaparte bất đắc dĩ với vụ mô phỏng ngày 18 Brumaire”, nhưng trong vở hài kịch buồn tẻ đó của cuộc đảo chính và của nền độc tài “nhân danh Vua”, Primo de Rivera chỉ giữ một vai trò của một “Mussolini bất đắc dĩ” để phục vụ chính sách cá nhân của một ông vua phản loạn. Trong một chế độ quân chủ lập hiến, không có chỗ cho một nhà độc tài; chỉ có những kẻ nịnh thần mới có thể làm đảo chính bằng óc xiêm nịnh mà thôi. Sự đồng mưu của nhà Vua và của Primo de Rivera có tính cách một thỏa hiệp mờ ám giữa một nịnh thần với ông Vua hơn là một dàn xếp giữa Hiến pháp và Độc tài. Primo de Rivera không hề là nhà độc tài, mà chỉ là một kẻ dua nịnh. Sự đồng mưu đó, với những bảo chứng là các bảo đảm tôn trọng hiến pháp, những quyền hạn của Nghị viện và những tự do công cộng chỉ có thể chấm dứt bằng sự phản bội. Chuyện một ông vua phối hợp phản bội và âm mưu trong việc thực hiện một công cuộc mà ông là kẻ chịu trách nhiệm duy nhất trước Hiến pháp và quốc dân, chuyện đó là thường. Bài học rút ra từ những biến cố Tây Ban Nha, thật không thuận lợi chút nào cho những chủ trương độc tài theo kiểu “vương mệnh”. Để biện minh cho thái độ của Alphonse XIII đối với người đồng lõa và để cất nghĩa sự thành lập của nền cộng hòa, người ta đã nói đáng lẽ thiết lập ở quốc gia Tây Ban Nha “nền dân chủ chuyên chế” thì ông chỉ mang lại có một chế độ độc tài. Có nên tin rằng Primo de Rivera đã không phục vụ đắc lực cho nhà Vua không? Sự độc tài của ông ta không nhằm phứt bỏ những quyền hạn của Nghị viện và những tự do quy định trong hiến pháp và kiến tạo một Quốc gia dựa trên nền tảng “dân chủ chuyên chế” hay sao? Những biến cố kế tiếp cho thấy Primo de Rivera vốn chỉ thần phục ý muốn của nhà vua, với tư cách một bề tôi đắc lực cho Vương quyền. Không nên trách cứ ông (vì?) cái luận lý của nền độc tài mà một ông vua do hiến pháp quy định phải không bao giờ quên. Chính từ luận lý đó đã nảy sinh nền Cộng hòa Tây Ban Nha.

Trong số những cuộc đảo chính gợi nhớ đến ngày 18 Brumaire, có lẽ cuộc đảo chính của Pilsudzki vào tháng năm 1926 là đáng để ý nhất. Pilsudzki, người mà năm 1920 Lloyd George gọi là "một Bonaparte

xã hội" đã chứng tỏ rằng Pilsudski biết dùng Karl Marx vào việc phụng sự cho đường lối độc tài trưởng giả (Lloyd George không bao giờ có thiện cảm với những viên tướng xã hội). Chính sự đồng lõa của những khối lao động đã là yếu tố độc đáo của cuộc đảo chính của Pilsudski. Những kẻ thực hiện chiến thuật bạo động của ông không phải là thợ thuyền, mà là quân nhân trong những trung đoàn nổi loạn. Chính quân nhân đã chiếm cầu cống, chiếm những trung tâm điện lực, Thành nội, trại lính, chiếm những kho thực phẩm và quân trang, những ngã ba ngã tư, chiếm hỏa xa, các trung tâm truyền tin, các ngân hàng. Quân chúng không tham gia tấn công các đầu cầu chiến lược ở Varsovie, cũng như trụ sở Belvédère, nơi các vị chủ tịch Cộng hòa và các Bộ trưởng ẩn náu, nghĩa là những địa điểm vẫn được những binh đội trung thành với chính quyền Witos bảo vệ. Lần đó quân đội vẫn còn là yếu tố cổ điển của chiến thuật Bonaparte. Nhưng cuộc tổng đình công do Đảng Xã hội công bố để hỗ trợ Pilsudski trong cuộc chiến đấu chống sự liên kết của phe hữu mà Witos nương tựa, là yếu tố mới mẻ của cuộc nổi dậy mang lại tính cách xã hội trước công luận cho hành động bạo lực, cho sự nổi loạn quân sự tàn bạo này. Sự đồng lõa của thợ thuyền giúp cho binh sĩ của Pilsudski có bộ mặt của những chiến sĩ bảo vệ tự do cho giới vô sản. Trên lĩnh vực tổng đình công, nhờ sự tham dự của những lực lượng công nhân vào chiến thuật cách mạng mà người ta nhận thấy sự chuyển dạng từ cuộc nổi loạn quân sự sang cuộc nhân dân nổi loạn được một phần quân đội ủng hộ. Như vậy Pilsudski vào lúc khởi đầu cuộc đảo chính chỉ là một viên tướng phản loạn, bây giờ trở nên một thủ lĩnh của nhân dân, trở nên anh hùng vô sản, hay theo Lloyd George là trở nên Bonaparte xã hội.

Thế nhưng cuộc tổng đình công không đủ để đưa Pilsudski vào vòng hợp pháp. Chính ông cũng sợ bị đặt ngoài vòng pháp luật. Thật ra, viên tướng xã hội đó chỉ là một tay cách mạng bạo động trưởng giả, mãi bận tâm suy nghĩ và thực hiện những dự mưu tàn bạo nhất nhưng lại vẫn nằm trong phạm vi luân lý xã hội và lịch sử của thời đại ông và của dân tộc ông. Đó là một kẻ phản loạn chủ trương quấy phá quốc gia mà không muốn bị cho là ngoài vòng pháp luật.

Trong sự căm ghét Witos, Pilsudski không thừa nhận là Witos có quyền bảo vệ nhà nước. Sự kháng cự của những binh đội trung thành với chính quyền, làm sống dậy ở ông cái con người Balan ở Lithuanie "điên khùng và cứng đầu". Địch dùng súng liên thanh, ông chống trả bằng súng liên thanh. Chính cái con người Balan ở Lithuanie đó đã ngăn cản viên tướng xã hội này đi vào vòng hợp

pháp, không cho ông lợi dụng những cơ hội để điều chỉnh sai lầm đã vi phạm lúc khởi đầu. Bởi lẽ không ai khởi sự một cuộc đảo chính nghị viện bằng một cuộc chinh phạt tàn bạo bằng quân đội. Và như Montron đã nói “Làm như vậy là sai”.

Pilsudzki có được một kẻ đồng lõa qua đảng xã hội, một sức mạnh chiến thuật trong cuộc tổng đình công, nhưng ông cần phải tìm có một đồng minh là vị chủ tịch quốc hội Diète. Chính qua trung gian Hiến pháp mà ông sẽ chiếm chính quyền. Trong khi chiến cuộc tiếp diễn ở những vùng ngoại vi Varsovie, trong khi tướng Haller chuẩn bị từ Posnanie về cấp cứu chính quyền thì ở trụ sở Belvédère, Chủ tịch Cộng hòa Woitciekowski và thủ tướng Witos quyết định theo Hiến pháp, trao quyền hành cho chủ tịch Quốc hội Diète. Kể từ giờ phút đó, người bảo đảm hiến pháp không còn là chủ tịch Cộng hòa mà là Chủ tịch quốc hội Diète. Cuộc đảo chính nghị viện chỉ mới bắt đầu: cho đến lúc này vẫn còn là một cuộc nổi loạn của quân đội được hỗ trợ bằng một cuộc tổng đình công. Về sau Pilsudzki nói rằng giả như Woitciekowski và Witos chờ cho tới khi những đạo binh trung thành với chính quyền đến, thì âm mưu cách mạng của ông có lẽ đã thất bại. Chính quyết định vội vàng của chủ tịch Cộng hòa và của Witos đã biến đổi cuộc nổi dậy bạo động thành một cuộc đảo chính nghị viện. Đến đây là việc của chủ tịch Quốc hội Diète đưa Pilsudzki vào vòng hợp pháp: “Tôi không muốn thiết lập chế độ độc tài”, Pilsudzki vội vã tuyên bố ngay khi đặt chân đến lĩnh vực nghị viện: “Dự tính của tôi là hành động theo đúng Hiến pháp để gia tăng uy tín, uy lực và uy quyền quốc gia”. Thì ra ông cũng không khác những tay cách mạng bạo động của phe hữu chiếm chính quyền bằng bạo lực, mà không có tham vọng nào hơn tỏ ra mình là một công bộc trung thành của quốc gia.

Vì với tư cách kẻ bè tôi đắc lực của quốc gia, Pilsudzki đã vào Varsovie trên một chiếc ô tô bốn mã lực với đoàn kỵ binh cận vệ tháp tùng hơn hở. Quân chúng làm hàng rào dọc theo ven lộ Krakowski Przedniescie nghênh tiếp ông và hô to: “Vạn tuế Pilsudzki! Cộng hòa vạn tuế!” Chủ tịch quốc hội Diète tỏ ra không thấy khó khăn mấy trong việc thỏa thuận với ông về vấn đề hiến pháp. Vị này nghĩ: “Bây giờ Cách mạng đã chấm dứt, sắp có thể ăn ý nhau được rồi”. Nhưng cuộc đảo chính nghị viện chỉ mới khởi đầu thôi. Đến hôm nay (1), sau những biến cố đã làm Hiến pháp thành công cụ cho độc tài, và làm nước Balan dân chủ vô sản, kẻ đồng lõa của cuộc nổi dậy, thành kẻ thù của viên tướng xã hội, sau biết bao mưu đồ, biết bao mộng tưởng mất đi, Pilsudzki vẫn không tìm thấy được phương sách

điều hợp được bạo lực với pháp lý.

Năm 1926, cuộc đảo chính Nghị viện của Pilsudzki chỉ mới là những bước đầu. Ngày nay, chúng ta cho đó là một cuộc đảo chính chưa thành.

Chú thích:

(1) Cuốn sách này được viết lần đầu trước Thế chiến II (người dịch)

Kỹ thuật đảo chánh

Bản dịch Thái Độ

Chương VII

MUSSOLINI VÀ CUỘC ĐẢO CHÁNH PHÁT XÍT

Trong cuộc đảo chánh phát xít tháng 10-1922, một dịp may ngẫu nhiên đã khiến tôi quen biết Israel Zangwill, văn sĩ Anh, người đã không bao giờ muốn quên những ý tưởng tự do và những định kiến dân chủ của mình trong tác phẩm cũng như trong đời sống. Khi đến Florence, vừa ra khỏi ga, ông bị một vài người mặc sơ mi đen chặn bắt, những người mà ông không chịu xuất trình giấy tờ căn cước. Israel Zangwill, kẻ thù của bạo động và bất bình đẳng, là hội viên của "Hiệp hội kiểm soát dân chủ" ở Anh quốc. Thế mà những người võ trang chiếm đóng nhà ga không phải là những cảnh vệ, cũng không phải là lính, chẳng phải những nhân viên cảnh sát; đó là những sơ mi đen, nghĩa là theo ông không phải là những người có quyền chiếm đóng nhà ga và hỏi căn cước ông. Được dẫn tới Fascio, công trường Mentana, gần Arno, trong toà nhà trước kia là trụ sở của F.I.O.M (Liên đoàn công nhân luyện kim Ý đại lợi), tổ chức nghiệp đoàn xã hội mà đảng phát xít đã dùng bạo lực giải tán, văn sĩ Anh Zangwill được đưa đến trình diện viên tổng trấn Tamburini, bấy giờ là tổng chỉ huy sơ mi đen ở Florence. Tamburini gọi tôi tới làm thông ngôn và tôi không khỏi sửng sốt đứng trước Israel Zangwill, người đóng vai trò tuyệt hảo của một hội viên hoạt động đặc lực của *Liên hiệp Kiểm soát Dân chủ*, nạn nhân của một cuộc cách mạng không theo lối Anh, không tự do và cũng chẳng dân chủ.

Ông tỏ ra giận dữ. Bằng tiếng Anh đúng nhất, ông bày tỏ những ý kiến bất xứng nhất về những cuộc cách mạng nói chung, phong trào phát xít nói riêng. Mặt ông đỏ gay vì giận, mắt ông quắc lên dữ dội nhìn viên tổng chỉ huy Tamburini vốn không biết tiếng Anh và chẳng

hiểu gì về ngôn ngữ tự do dân chủ ngay cả khi người lạ này nói bằng tiếng Ý. Tôi cố gắng hết mình dịch một ngôn ngữ cứng rắn như vậy đối với người phát xít, bằng những thành ngữ lịch sử. Tôi tin là đã làm lợi cho Israel Zangwill bởi vì trong những ngày đó, Tamburini không phải là một nhân vật của Théocrite, cũng không phải là một hội viên của Hội Fabian và chẳng biết gì về một Israel Zangwill, và hầu như không tin rằng đó là một văn sĩ nổi tiếng. Ông nói: “Tôi không biết tiếng Anh và tôi không tin rằng anh dịch đúng những điều y nói. Tiếng Anh là một tiếng phản cách mạng. Người ta từng nói rằng ngay cú pháp của nó cũng tự do. Dù sao đi nữa, anh hãy mang ông này đi với anh và gắng làm ông ta quên việc khó chịu này”. Tôi ra cùng Zangwill, theo ông về khách sạn, ngồi chuyện trò cùng ông, bàn luận về Mussolini, về hoàn cảnh chính trị và về cuộc tranh đấu cướp chính quyền vừa được mở ra.

Đó là ngày đầu tiên của cuộc nổi dậy. Dòng biến cố hình như tuân theo một luận lý không phải của chính phủ. Israel Zangwill không muốn tin rằng người ta đang ở cao trào của cách mạng. Ông nói: “Năm 1789 ở Paris, cuộc cách mạng không phải chỉ có trong đầu óc, mà còn cả trong đường phố”. Nói đúng ra, quang cảnh ở Florence không giống ở Paris năm 1789. Trên đường phố người ta có vẻ bình lặng, lãnh đạm và vẫn giữ nụ cười kiểu Florence cổ xưa, mỉa mai và thanh lịch. Tôi lưu ý ông rằng ở Pétrograd năm 1917, ngày mà Trotzky ban hành lệnh nổi dậy, không ai có thể nhận ra sự việc gì đang xảy ra, kịch trường, rạp xi nê, quán ăn, tiệm cà phê vẫn mở, rằng kỹ thuật đảo chánh ngày nay rất tiến bộ.

Zangwill kêu lên: “Cuộc cách mạng của Mussolini à, đó không phải là một cuộc cách mạng, mà là một trò hề”. Như nhiều người có tinh thần tự do và dân chủ Ý đại lợi, ông tin rằng có sự dàn xếp giữa nhà vua và Mussolini: cuộc nổi dậy chỉ là một trò kịch để che dấu hành động của nhà vua. Dù rằng sai lầm, nhưng ý kiến của Zangwill rất đáng được tôn trọng, như tất cả những ý kiến của người Anh. Tuy nhiên ý kiến này dựa trên niềm tin rằng những biến cố trong những ngày này là kết quả của một trò chơi chính trị mà những yếu tố chính không phải là bạo lực và tinh thần cách mạng, mà là thủ thuật và tính toán: trước mắt Israel Zangwill, Mussolini là đồ đệ của Machiavel hơn là của Catilina. Nói cho cùng, ý kiến của nhà văn Anh này lúc bấy giờ và cho tới tận giờ, rất phổ biến ở Âu châu. Từ đầu thế kỷ vừa qua ở Âu châu, người ta luôn luôn có thói quen coi nhân vật và biến cố ở Ý đại lợi như những sản phẩm của một nền thẩm mỹ học cổ xưa. Cái cách thể nhận định này về lịch sử của Ý đại lợi hiện đại phần lớn

phải được qui trách cho khuynh hướng tự nhiên của người Ý đối với khoa tu-từ-học, với khoa hùng biện và văn chương, những thói xấu mà tất cả mọi người Ý không có nhưng nhiều người Ý không bao giờ chữa khỏi được. Dù rằng người ta phán đoán một dân tộc theo những thói xấu hơn là theo những phẩm hạnh của dân tộc đó, tôi tin rằng không gì có thể biện chính ý kiến của người ngoại quốc về nước Ý mới, ngay cả khi khoa học tu-từ-học, khoa hùng biện và văn chương làm người ta hiểu sai những biến cố đến độ mà lịch sử có cái vẻ của một vở kịch, những anh hùng có vẻ kịch sĩ, dân tộc có vẻ của một đám đông hỗn tạp làm khán giả bàng quan.

Muốn hiểu rõ nước Ý ngày nay, phải nhận định khách quan về nó, nghĩa là phải quên rằng đã có những người La-mã và những người Ý của thời phục hưng. Tôi nói với Israël Zangwill: “Ông có thể nhận thấy rằng chẳng có gì là cổ nơi con người Mussolini, ông ta luôn luôn là một người của thời đại mới”. Thuật chính trị của ông ta không phải là của César Borgia, sự quỷ quyệt và mưu kế của ông không khác lắm với Gladstone hay với Lloyd George và quan niệm đảo chánh của ông ta chẳng có gì giống với quan niệm của Sylla hay của Jules César. Vào lúc này, ông nghe nói nhiều tới César và Rubicon; nhưng đó là do khoa tu-từ-học thành tín không hề ngăn cản Mussolini quan niệm và áp dụng một chiến thuật nổi dậy tân kỳ mà để chống chọi lại, chính phủ không biết dùng cách gì khác hơn là những biện pháp cảnh sát.

Israël Zangwill mỉa mai lưu ý tôi rằng bá tước Oxenstiern trong tập “Ký ức” nổi tiếng của ông, nhân bàn về từ nguyên của tiếng “César” đã tìm thấy nguồn gốc của tiếng này là ở tiếng Carthage “cesar” có nghĩa “con voi”. Zangwill tiếp: “Tôi hy vọng rằng trong kỹ thuật cách mạng của mình, Mussolini khéo léo hơn một con voi và tân kỳ hơn César”. Ông rất tò mò muốn nhìn gần hơn cái mà tôi từng gọi là bộ máy nổi dậy phát xít, bởi vì ông không hiểu được làm thế nào người ta có thể làm cách mạng mà không có những chướng ngại vật, không có những cuộc đánh nhau trên đường phố, không có xác chết trên vỉa hè. Zangwill kêu lên: “Mọi sự diễn ra trong một trật tự hoàn hảo, đó là một vở kịch, chỉ có thể là một vở kịch mà thôi!” Trên những đường phố trung tâm người ta thỉnh thoảng thấy những chiếc xe cam-nhông đầy sơ mi đen phóng hết tốc lực, những thanh niên này, đội nón sắt, được võ trang bằng súng trường, dao găm, lựu đạn và ca hát bằng một giọng kiêu hãnh, phát những lá cờ đen có thêu những chiếc đầu lâu bạc. Zangwill không muốn tin rằng những thanh niên này, hầu hết là thiếu niên, đã tạo thành những toán xung kích

nổi tiếng của Mussolini, rất nhanh nhẹn và rất vũ bão trong những phương pháp chiến đấu của họ. Ông nói: “Điều mà người ta không thể tha thứ cho đảng phát xít được là đã sử dụng bạo lực”. Quân đội cách mạng của Mussolini không phải là Đạo quân Cứu rỗi; những sơ mi đen không phải được võ trang dao găm lựu đạn để phục vụ sứ mạng yêu loài người, nhưng để dùng cho cuộc nội chiến. Những ai muốn phủ nhận bạo lực phát xít và muốn coi những sơ mi đen là đồ đệ của Rousseau và Tolstoi, cũng giống y như những người bằng từ chương hùng biện, coi Mussolini như một người La mã cổ, một người đánh giặc thuê thế kỷ thứ XV, hay một lãnh chúa thời Phục hưng có những bàn tay trắng mềm của kẻ đầu độc và của môn đồ Platon. Với những đồ đệ của Rousseau và Tolstoi, người ta không thể làm nổi một cuộc cách mạng mà bất quá là một cái gì gần giống như một vở kịch thôi: người ta cũng không thể chiếm được một Quốc gia được bảo vệ bởi một chính phủ tự do nữa. Zangwill nói : “Ông không phải là nhà đạo đức giả, nhưng ông có thể chứng tỏ cho tôi thấy nhờ đâu mà người ta có thể nhận ra rằng cuộc cách mạng này không phải là một trò kịch”.

Tôi đề nghị ông đi cùng tôi vào buổi chiều đó để xem kỹ hơn cái mà tôi gọi là bộ máy nổi dậy phát xít. Những sơ mi đen đã chiếm bắt ngờ tất cả những điểm chiến lược của thành phố và của tỉnh, nghĩa là những cơ quan sinh tử của tổ chức kỹ thuật, những nhà máy hơi đốt, những trung tâm điện lực, bưu điện, những trung tâm điện thoại và điện tín, những chiếc cầu, những ga xe lửa. Những nhà cầm quyền chính trị và quân sự đã bị bắt ngờ sừng sốt bởi cuộc tấn công bất thần này. Sau vài lần kháng cự vô vọng để đuổi những phát xít khỏi ga xe lửa, nhà bưu điện và những trung tâm điện thoại, điện tín, cảnh sát rút lui về lâu đài Ricardi, nơi trú ngụ cổ xưa của Laurent de Magnifique, trụ sở của quận. Lâu đài Ricardi được bảo vệ bởi những phân đội cảnh vệ và ngũ lâm quân cùng hai thiết giáp xa. Quận trưởng Pericoli không thể liên lạc với chính phủ La mã, với những nhà cầm quyền ở thành phố và ở tỉnh: Các đường dây điện thoại đã bị cắt và những họng trung liên bố trí trong những ngôi nhà chung quanh đe dọa mọi người đi tới Lâu đài Ricardi. Những đạo quân đồn trú, những trung đoàn bộ binh, pháo binh, kỵ binh, quân cảnh vệ và những ngũ lâm quân đều bị cấm trại. Trong lúc này, những nhà cầm quyền quân sự theo chính sách trung lập. Nhưng đừng lạc quan về sự trung lập đó: Nếu tình hình không sáng sủa trong vòng 24 giờ, thì chắc dám hoàng tử Gonzague, chỉ huy quân đội, sẽ quyết định lập lại trật tự bằng mọi cách. Đối với cuộc cách mạng, một cuộc xung đột

với quân đội có thể có những hậu quả cực kì trầm trọng. Florence, cùng với Pise và Bologne là chìa khoá giao thông giữa miền Bắc và Nam nước Ý. Để đảm bảo sự chuyển quân phát xít từ Bắc về Latium, bằng mọi giá phải giữ chìa khoá chiến lược của miền Trung Ý, trong khi chờ đợi quân đội phát xít trên đường tiến về thủ đô, ép buộc chính phủ trao quyền lại cho Mussolini. Muốn giữ Florence, chỉ có một phương tiện tranh thủ thời gian.

Bạo động không loại bỏ mưu kế. Theo lệnh đại tướng Balbo, một phân đội phát xít tiến tới *Nazione*, tờ nhật báo quan trọng nhất ở Toscane. Được đưa tới ông Borelli, giám đốc, hiện nay điều khiển tờ *Corriere della Sera*, phân đội trưởng yêu cầu ông cho in ngay một số đặc biệt loan báo rằng đại tướng Cittadini, quan hệ gia của nhà vua, đã tới Milan để thương thuyết với Mussolini và rằng sau đó Mussolini đã chấp nhận thành lập nội các mới. Tin này hẳn là sai; nhưng có vẻ thực: người ta biết rằng nhà vua đang ở dinh San Rossore gần Pise, nhưng dân chúng lại không biết rằng vua đã đi La mã chiều hôm đó, có đại tướng Cittadini tháp tùng. Hai giờ sau, hàng trăm cam nhông phát xít tung rải khắp Toscane những số báo *Nazione* đặc biệt trên. Những đoàn tuần hành thành hình: những người lính, những cảnh vệ cặp kè thân ái với sơ-mi đen, trong niềm hân hoan về một giải pháp chứng tỏ sự khôn ngoan và long yêu nước của nhà Vua cũng như của Mussolini. Chính hoàng tử Gonzague cũng tới Fascio để kiểm chứng tin tốt lành trên, tin tức sẽ chấm dứt cơn khủng hoảng ý thức và làm ông thoát được một trách nhiệm nặng nề. Bằng radio ông yêu cầu La mã xác nhận sự thoả hiệp giữa nhà vua và Mussolini nhưng ông nói: “Bộ trưởng chiến tranh từ chối mọi xác nhận”; ông đã trả lời rằng không nên trộn lộn tên nhà vua vào một cuộc tranh chấp đảng phái, rằng tin trên có lẽ là quá sớm. Theo kinh nghiệm, tôi biết rằng đối với chiến tranh, những tin chính xác luôn là quá sớm, hoàng tử Gonzague vừa mỉm cười vừa nói thêm như vậy.

Đại tướng Balbo vào buổi chiều đi tới Pérouse, tổng hành dinh của cách mạng. Tổng trấn Tamburini đã cùng binh đoàn của ông đáp xe lửa để liên kết với đội sơ-mi đen trong đồng bằng La mã. Tôi đến khách sạn lúc 2 giờ sáng nhằm chứng minh cho Zangwill thấy rằng cuộc cách mạng phát xít không phải là một trò kịch. Israël Zangwill đón tôi trong dáng vẻ thoả mãn. Ông cầm trong tay số báo *Nazione* đặc biệt; ông nói: “Hẳn bây giờ ông tin nhà vua đã thoả hiệp với Mussolini chứ? Chắc chắn một cuộc cách mạng hiến pháp sẽ chỉ là

một trò dàn cảnh”. Tôi kể cho ông nghe câu chuyện cái tin sai trên, ông tỏ ra bối rối. Ông kêu lên: “Thế còn tự do báo chí?” Hiển nhiên là một ông vua lập hiến không thể nào thoả hiệp với những người cách mạng để huỷ bỏ tự do báo chí, đó chính là một trò kịch đã trở nên nghiêm trọng. Nhưng tự do báo chí chưa bao giờ đăng tải những tin tức sai lầm. Về điểm đó thì ông chẳng chống đối được, ông chỉ nói thêm rằng trong một xứ sở tự do như Anh quốc, không phải là những tin sai lầm đã tạo thành tự do báo chí.

Thành phố vắng tanh. Ở những góc phố, những lính tuần cảnh phát xít đứng im lìm trong mưa, mũ đen trùm tai. Trong Via de Pecori, một chiếc cam nhông đậu trước lối vào trung tâm điện thoại, một trong những chiếc có vũ trang trung liên và bọc sắt mà những đảng viên phát xít gọi là xe tăng. Trung tâm điện thoại bị chiếm đóng bởi những đạo quân xung kích của đội "Lys Rouge", họ đều mang trên ngực một hoa huệ đỏ. Cùng với "La Désespérée", đội này là một trong những đội dữ dội nhất của những binh đoàn ở Florence. Gần nhà ga Champ-de-Mars, chúng tôi gặp 5 xe cam-nhông chở đầy súng trường và trung liên mà những tổ phát xít của trại binh sau Giorgio đã giao cho vị tổng chỉ huy những binh đoàn phát xít. (Khắp nơi: trong những nhà máy, trong những trung đoàn, trong những nhà băng, trong những cơ sở hành chính công cộng đều có những tổ phát xít tạo thành mạng lưới bí mật của tổ chức cách mạng); súng trường và trung liên này được trao cho nhà hàng sơ mi đen ở Romagne vốn chỉ được vũ trang dao găm và súng lục: người ta chờ đợi họ sắp đến bằng đường Faenza. Vị chỉ huy quân sự nhà ga nói với chúng tôi: Hình như ở Bologne và ở Crémone có những cuộc xung đột với lính cảnh vệ và bên phát xít có lẽ thiệt hại nặng". Những sơ-mi đen đã tấn công những trại binh cảnh vệ và gặp sức kháng cự mãnh liệt. Ở Pise, Lucques, Livourne, Sienne, Arezzo, Grosseto, tin tức tốt đẹp hơn: toàn thể tổ chức kỹ thuật của những thành phố này và tỉnh nằm trong tay quân phát xít. Israël Zangwill hỏi: “Có bao nhiêu người chết?”. Ông rất ngạc nhiên khi biết rằng ở Toscane không có những xung đột đẫm máu. Ông nói: "Như vậy có lẽ ở Bologne và ở Crémone cuộc cách mạng của quý ông tích cực hơn nhiều chẳng. Cuộc nổi dậy Bôn-sê-vích hoàn thành gần như không có tổn thất vào tháng 10.1917 ở Pétrograd. Chỉ có chết chóc vài ngày sau khi Bôn-sê-vích nắm chính quyền, trong cuộc phản cách mạng khi mà những vệ binh đỏ của Trotzky phải ra tay đè bẹp cuộc nổi dậy của các junker, đẩy lui cuộc tấn công của quân cô-sắc của Kérenski và của tướng Krasnoff. Tôi nói: “Những xung đột đẫm máu ở Bologne và

Crémone chứng tỏ rằng có vài khuyết điểm trong tổ chức cách mạng phát xít. Khi mà guồng máy nổi dậy chạy hoàn hảo như ở Toscane thì tai nạn rất hiếm”. Israël Zangwill không dẫn nổi một nụ cười mỉa mai, ông nói: “Nhà vua là một chuyên viên cơ khí khéo léo: chính nhờ nhà vua mà guồng máy của quý ông mới chạy đều.”

Một chiếc xe lửa xích đến giữa một đám hơi nước và giữa một cơn náo động tiếng nói, tiếng hát, tiếng trống. Một công nhân hoả xa vai mang cạc bin đi qua tôi: “Đó là quân phát xít ở Romagne”. Thoáng chốc chúng tôi bị đứng giữa một đám sơ-mi đen, vẻ mặt rạng rỡ và xốn xang, hình đầu lâu thêu trên ngực, nón sắt sơn đỏ, dao găm giắt trên những dây lưng da to bản. Mặt họ r ám nắng, có những nét cứng của nông dân miền Romagne, chòm râu nhọn của họ làm cho khuôn mặt họ có một vẻ trăn tráo, bạo tợn, đe dọa. Zangwill tỏ ra không bằng lòng lắm. Ông mỉm cười trang nhã và tìm cách mở một lối đi giữa đám đông ồn ào bằng những cử chỉ lịch thiệp khiến bọn người đeo dao găm nhìn ông ngạc nhiên. Ông than phiền nho nhỏ: “Họ không có vẻ dễ mến chút nào.” Tôi nói: “Tôi hy vọng rằng ông không mong muốn rằng những kẻ làm cách mạng là những kẻ dễ mến. Không phải bằng sự dịu dàng hay mưu chước mà Mussolini lao vào cuộc chiến đấu chính trị của ông từ 4 năm nay, mà chính là bạo lực: một trong những bạo lực cứng rắn nhất, khắc nghiệt nhất và khoa học nhất”. Cuộc phiêu lưu của Zangwill quả là phi thường, bị những sơ-mi đen cuồng nhiệt bắt giữ, được thả, rồi được dẫn đi trên xe hơi giữa đêm để hiểu tại sao cuộc cách mạng phát xít không phải là một trò kịch. Ông mỉm cười: “Tôi không nên có cái vẻ của Candide giữa đám tu sĩ Dòng tên”. Đúng ra ông có cái vẻ của Candide giữa đám chiến sĩ hơn, nhưng có thể nào Candide ấy lại là một người Anh và tên là Israël? Những anh chàng nông dân vạm vỡ này, mắt dữ tợn, hàm vuông, bàn tay rộng được làm ra để mà đập đánh, nhìn Zangwill từ đầu đến chân bằng những tia mắt chăm chăm và khinh bỉ, ngạc nhiên và khó chịu về một người mặc áo cổ giả có những cử chỉ nhút nhát và lễ phép nhưng lại không có dáng vẻ của một viên cảnh sát hay một dân biểu tự do.

Chúng tôi trở lại xe hơi và trong khi xuyên qua những đường phố vắng vẻ, tôi nói với Israël Zangwill: “Sự khinh bỉ của ông đối với cuộc cách mạng phát xít mà ông coi như một trò kịch, quả là mâu thuẫn với sự thù ghét của ông đối với những sơ-mi đen, những người mà tư tưởng tự do của nước Anh hằng ngày chê trách là đã dùng bạo lực. Có thể nào những người cách mạng là những kẻ dùng bạo lực mà cuộc cách mạng lại là một trò kịch không? Tôi muốn nói cùng ông

rằng những sơ-mi đen không phải chỉ là những người hung bạo mà là những kẻ không biết xót thương và tàn nhẫn”. Quả thực là đôi khi trên báo chí, những người phát xít chống lại luận điệu của địch thủ cho rằng họ là những kẻ hung bạo! Nhưng đó chỉ là một thứ đạo đức giả dùng cho những người tiểu tư sản. Hơn nữa chính Mussolini không phải là một người “ăn chay”, không phải là tín đồ khoa học thiên chúa giáo, cũng chẳng phải là đảng viên xã hội dân chủ. Giáo dục mác xít không cho phép ông có những thắc mắc lương tâm kiểu Tolstoi: ông không từng học những cung cách làm chính trị tốt đẹp ở Oxford và Nietzsche đã làm ông ta chán ngán thuyết lãng mạn và tình yêu nhân loại. Nếu Mussolini là một người tiểu tư sản có đôi mắt sáng, có giọng nói trong, chắc hẳn các đảng viên đã rời xa ông để chạy theo một lãnh tụ khác. Năm qua, việc đó đã xảy ra khi ông muốn ký một thoả hiệp ngưng chiến với địch thủ: trong đảng phát xít có những vụ nổi loạn, những phân ly, đa số sơ-mi đen tuyên bố tiếp tục cuộc nội chiến. Không nên quên rằng những sơ-mi đen thường xuất phát từ những đảng cực tả, nếu không phải là những cựu chiến sĩ, những thanh niên đầy nhiệt huyết. Cũng không nên quên rằng Thượng đế của những người võ trang này chỉ có thể là Thượng đế của bạo lực. Israël Zangwill nói vắn tắt: “Tôi không bao giờ quên điều đó”.

Khi chúng tôi trở lại Florence vào lúc rạng đông, Zangwill đã được thấy tận mắt quang cảnh thu gặt của cả nước Ý trong những ngày này: tôi đã đưa ông đi lướt qua vùng đồng quê Florence từ Empoli đến Mugello, từ Pistoie tới San Giovanni Valdarno. Cầu, nhà ga, ngã tư đường, cầu treo, đập nước, vựa lúa, kho đạn, nhà máy hơi, trung tâm điện khí, tất cả mọi điểm chiến lược đều bị quân phát xít chiếm đóng. Bất thình lình từ trong bóng tối những lính tuần tiểu xuất hiện: "Ai đi đó". Cứ 200 mét dọc đường sắt lại có một sơ mi đen. Tại những ga Pistoie, Empoli, San Giovanni, Valdarno, những toán thợ đường rầy mang theo dụng cụ sẵn sàng cắt đường trong trường hợp cần kíp. Người ta đã dùng mọi biện pháp để bảo đảm hoặc để cắt đứt giao thông. Người ta chỉ sợ một sự tăng viện cảnh vệ và quân lính về phía Ombrie và Latium để tấn công vào lưng của những binh đoàn sơ mi đen đang đi về phía thủ đô. Một xe lửa đầy cảnh vệ, đến từ Bologne đã bị giữ lại gần Pistoie cách cây cầu danh tiếng Vaioni vài trăm mét: hai bên bắn nhau và xe lửa phải lùi lại không dám qua cầu. Những đụng độ nhỏ này xảy ra ở Serravalle trên đường Lucques:

những xe cam nhông chở đầy ngư lâm quân bị chặn lại dưới hỏa lực trung liên không tiến lên được đồng bằng Pistoie - Tôi nói với người bạn đồng hành: "Chắc hẳn ông đã đọc câu chuyện về trận chiến ở Serravalle trong cuốn *Cuộc đời của Gastracane* của Machiavel".

Zangwill trả lời: Tôi không đọc Machiavel. Trời đã sáng khi chúng tôi đi qua Prato, một thành phố nhỏ gần Florence, trung tâm kỹ nghệ vải có 25.000 công nhân trong 200 xưởng. Người ta gọi đó là Manchester của nước Ý, chính ở đó Francesco tức Marco Datini đã sinh ra, kẻ hình như là người phát minh ra phiếu hối đoái. Trên quan điểm chính trị, thành phố đó có một tiếng tăm xấu: đó là thành phố của những cuộc đình công, những cuộc nổi dậy của thợ thuyền, quê hương của Bresci, người đã giết Humbert đệ nhất năm 1900, vị vua thứ hai của nước Ý. Dân cư của thành phố có tâm địa tốt nhưng thường hay nổi giận.

Đường phố nào cũng đầy công nhân đi làm việc. Họ có vẻ lãnh đạm, bước đi im lặng không ngó ngang tới tuyên cáo của Hội đồng Cách mạng quân đội dán trên tường trong đêm. Tôi nói: "Có lẽ ông thích thú khi biết rằng chính Annunzio đã học ở trường Cicogini ở Prato".

Zangwill trả lời: "Lúc này điều làm tôi quan tâm là biết được vai trò của thợ thuyền trong cuộc Cách mạng. Cái nguy hiểm cho các ông, không phải là chính phủ mà chính là cuộc đình công."

Vào cuối năm 1920, vấn đề mà đảng phát xít phải giải quyết không phải là cuộc đấu tranh chống chính phủ tự do hay chống đảng xã hội càng ngày càng có khuynh hướng đại nghị và trở thành một yếu tố rối loạn lớn lao trong sinh hoạt hiến pháp của xứ sở, mà đó chính là cuộc chiến đấu chống những nghiệp đoàn công nhân, lực lượng Cách mạng duy nhất có thể bảo vệ chính phủ tự sản khỏi rơi vào hiểm họa cộng sản hay phát xít.

Dù với nhiều dè dặt hơn, Giolitti đã hiểu rõ vai trò của những tổ chức thợ thuyền trong sự phòng thủ nhà nước tự sản mà Bauer đã biết khai dụng vào tháng 3-1920, chống lại cuộc đảo chính của Kapp. Những đảng phái chính trị chẳng thể làm gì chống lại đảng phát xít mà phương pháp chiến đấu (được sự bạo động của những vệ binh đỏ Cộng sản biện chính cho) không phải là một phương pháp chính trị. Hoạt động quốc hội của các đảng chính trị ấy nhằm đặt ra ngoài vòng pháp luật những lực lượng cách mạng không muốn tự "quốc hội hóa", hoặc "vào vòng pháp luật". (Các hoạt động đó không thể bắt buộc những đảng viên phát xít và cộng sản từ bỏ phương pháp bạo động. Chính phủ có thể làm gì để chống hành động cách mạng của những sơ mi đen và những vệ binh đỏ? Những đảng quần chúng

(parti-masse), đảng xã hội và đảng thiên chúa giáo mà chế độ nghị hội đã giản lược vào vai trò của những đảng hợp pháp, chỉ có thể dùng để hợp pháp hóa trên bình diện hiến pháp một sự đàn áp của chính phủ. Nhưng cần phải có cái gì khác hơn là những biện pháp cảnh sát mới chấm dứt tình trạng hỗn loạn đang làm nước Ý đổ máu. Thay vì dùng quân đội chống lại hành động cách mạng của phát xít và cộng sản. Giolitti thận trọng quyết định làm trung hòa cách mạng đó bằng cách dùng hành động nghiệp đoàn của những công nhân có tổ chức. Đó là phương pháp của Bauer đã áp dụng như phương pháp phòng ngừa chống lại hiểm họa cách mạng. Nhưng phương pháp đó Bauer đã áp dụng như một người mác xít, Giolitti lại áp dụng như một người tự do.

Chính như vậy mà những tổ chức nghiệp đoàn trở thành dụng cụ mà chính phủ có thể dùng để chống lại trong vòng bất hợp pháp, hành động bất hợp pháp của sơ mi đen và vệ binh đỏ. Trong tay của Giolitti, cuộc đình công trở thành một vũ khí nguy hiểm đối với phát xít và cộng sản cũng như từng nguy hiểm đối với chính phủ. Trước mắt người tư sản và chính cả thợ thuyền nữa thì cơn dịch đình công, đặc điểm của những năm 20 và 21, là một cơn bệnh của Nhà nước, là dấu hiệu báo trước cuộc cách mạng vô sản, một cơn khủng hoảng cần thiết mà giải pháp thiết yếu là cuộc nắm chính quyền của quần chúng. Cơn dịch đó chính là triệu chứng một thay đổi sâu xa trong hoàn cảnh hiện diễn. Những cuộc đình công này được hưởng dẫn không để chống lại nhà nước (như năm 1919), mà chống lại mọi lực lượng cách mạng muốn chiếm quyền từ bên ngoài, những tổ chức nghiệp đoàn của giai cấp vô sản hoặc chống lại các tổ chức này. Nguồn gốc sự chia rẽ từ lâu giữa những nghiệp đoàn thợ thuyền và đảng xã hội là vấn đề quyền tự trị của những tổ chức nghiệp đoàn. Những điều mà giai cấp vô sản phải bảo vệ chống lại những lực lượng cách mạng định chiếm quyền, không phải là quyền tự trị mà chính là sự hiện hữu của những tổ chức giai cấp của mình. Chính vì sự tự do của giai cấp mình mà những công nhân chống lại phát xít. Về thái độ của những nghiệp đoàn thợ thuyền đối với cộng sản, đó cũng là thái độ của những nghiệp đoàn Nga đối với đảng bôn sê vích trước cuộc đảo chính tháng 10-1917.

Nhưng quan niệm tự do của Giolitti trong khi ông áp dụng phương pháp mác xít của Bauer chỉ làm cho tình hình trầm trọng thêm. Chủ nghĩa tự do của Giolitti chỉ là chủ nghĩa lạc quan không khôn ngoan. Cay độc và khinh bỉ, là một thứ độc tài ở nghị viện quá khôn khéo để tin tưởng vào những ý tưởng và quá đầy thành kiến để tôn trọng

người khác, Giolitti đi đến chỗ dung hòa thái độ cay độc và khinh thị với thái độ lạc quan, đến chỗ tạo ra những tình trạng mà ông có vẻ như không quan tâm đến, dùng những thủ đoạn bí mật để làm những tình trạng rối rắm thêm nhưng lại có vẻ như là để cho chúng tự chín muồi. Ông không tin tưởng chút nào vào Nhà nước: bí mật của đường lối chính trị của ông là coi thường Nhà nước. Áp dụng phương pháp mác xít của Bauer trong chiều hướng tự do của ông là thay thế hành động đàn áp của chính phủ bằng hành động cách mạng của các tổ chức nghiệp đoàn, như thế tức là giao cho những tổ chức này vai trò bảo vệ nhà nước Tư sản chống lại phát xít và cộng sản, và do đó ông tự do thi hành chính sách "quốc hội hoá" giới vô sản, nghĩa là chính sách làm ung vữa vô sản vậy.

Vào cuối năm 1959, những biến cố đã tạo ra ở Ý đại lợi một tình trạng vô song trong lịch sử những đấu tranh chính trị của Âu châu đương thời. D Annunzio đã xâm chiếm Fiume và đe dọa bất cứ lúc nào tràn vào nước Ý để chiếm quyền với binh sĩ của ông. Ông có vài thân hữu trong giới công nhân: người ta biết những tương quan giữa Liên đoàn công nhân Hàng hải và chính phủ Fiume. Những lãnh tụ nghiệp đoàn không coi Annunzio như một kẻ thù mà như một con người nguy hiểm có thể đưa quốc gia vào vòng phức tạp quốc tế. Dù sao người ta không coi ông là đồng minh phát xít mặc dù ông có ghen tị với Mussolini và với vai trò của tổ chức cách mạng trong nội bộ Ý đại lợi. Sự kình địch giữa Annunzio và Mussolini không phải là một con bài xấu trong ván cờ của Giolitti, ván cờ mà ông ta chơi ngay thẳng trên những con bài xấu nhưng chơi gian lận với các con bài tốt. Còn về phía cộng sản thì họ kẹt giữa đám lửa giao phong giữa phát xít và chính phủ nên mất hết ảnh hưởng với công nhân. Phương pháp khủng bố ác độc và đại dột, sự hoàn toàn không am hiểu vấn đề cách mạng Ý đại lợi, sự cố chấp dùng những chiến thuật khủng bố lẽ tẻ, những cuộc nổi loạn trong trại binh và xưởng máy, cái chiến thuật kiệt quệ trong một cuộc chiến tranh ngoài phố xảy ra, tất cả những điều đó làm cho đảng cộng sản chỉ còn giữ một vai trò thứ yếu trong cuộc đấu tranh nắm quyền; họ chỉ là những người anh hùng táo bạo và ác độc thuộc một loại bất mãn không tưởng và nổi loạn. Bao nhiêu cơ hội đã mất đi, bao nhiêu lần bỏ lỡ suốt một năm 1919, một năm đỏ, trong đó một cỡ Trotzky nhỏ nào đó, một Catilina cấp tỉnh, với chút xíu thiện chí, với một dúm người và vài tiếng súng lẹt đẹt lẽ ra đã chiếm được chính quyền mà không làm cho nhà vua, cho chính phủ và lịch sử Ý quốc phải quá bức tức. Trong những lúc rảnh rỗi ở điện Cẩm linh, cái chủ nghĩa bất mãn không tưởng và nổi

loạn của những người Cộng sản Ý là đề tài đàm tiếu thích thú. Vui tính và khôn ngoan, Lênine cười chảy nước mắt về những tin tức từ Ý. "Khà khà! Cộng sản Ý đại lợi à?" Ông ta vui thích như một đứa trẻ con khi đọc những thông điệp mà d Annunzio gửi cho ông từ Fiume. Vấn đề Fiume càng ngày trở nên một vấn đề chính trị quốc ngoại. Nhà nước do d Annunzio thành lập tháng 9.1919 đã chạy ngược dòng thế kỷ trong vài tháng. Trong ý hướng của d Annunzio, nhà nước ấy sẽ là nhân đầu tiên của một tổ chức cách mạng hùng mạnh, là khởi điểm của quân đội nổi dậy để tiến chiếm La mã. Nhưng vào cuối năm 1920, Nhà nước ấy chỉ còn là một thứ đấu tranh nội bộ, bị ung thối bởi tham vọng, nếp sống xa hoa và lời nói văn hoa của một ông hoàng quá hùng biện để có thể theo những lời khuyên của Machiavel. Nhược điểm của Lãnh địa này không phải chỉ nằm trong sự kiện là hiện hữu của nó là một vấn đề chính trị ngoại vi hơn là nội bộ. Sự chinh phục Fiume không phải là một cuộc đảo chính, nó đã không thay đổi được hoàn cảnh chính trị nội bộ của nước Ý; nó đã ngăn cản sự áp dụng một quyết định quốc tế nhằm giải quyết vấn đề Fiume bằng một giải pháp trái ngược với quyền tự quyết của các dân tộc. Đó là giá trị to lớn của d Annunzio và đồng thời cũng là nhược điểm to lớn của ông trong hoàn cảnh cách mạng của nước Ý. Do sự thành lập nhà nước ở Fiume, ông trở thành một yếu tố nền tảng của nền chính trị quốc ngoại nước Ý; nhưng như vậy là ông tự loại khỏi chính trường nội bộ, nơi ông chỉ còn có một ảnh hưởng gián tiếp. Vai trò mà d Annunzio gán cho quân đội của ông đã chuyển qua đoàn sơ mi đen một cách hữu lý. Trong khi ông quanh quẩn ở Fiume, cai trị một Lãnh địa độc lập, có thể chế riêng, tài chính riêng, sứ thần riêng, thì Mussolini trải rộng hơn tổ chức cách mạng của mình trên khắp nước Ý. Bây giờ người ta thường nói rằng d Annunzio chỉ là một tượng trưng, một Jupiter quốc gia, vấn đề Fiume chỉ là một luận cứ mà Mussolini sử dụng để chống lại chính phủ về chính sách ngoại giao.

Nhưng sự hiện hữu của chính quyền Fiume, trong một thời gian nào đó loại khỏi đấu trường cách mạng một địch thủ nguy hiểm, đối với Mussolini vẫn là một nguyên nhân bất an: sự kình địch giữa d Annunzio và ông không phải là không ảnh hưởng tới đồng chí của ông. Những người đến với ông từ phe hữu là những người có quá nhiều thiện cảm với d Annunzio: những người từ phe tả, đảng viên Cộng hòa, Xã hội, Cộng sản, tạo thành cái nhân chính của những toán xung kích phát xít lại không che dấu mối ác cảm của họ đối với cái thoái trào về thế kỷ thứ 15 của d Annunzio. Sự kình địch này,

chính là con bài mà Giolitti đã sử dụng nhiều lần một cách vô hiệu quả để lừa ván cờ. Ông muốn gây một tranh chấp công khai giữa d Annunzio và Mussolini nhưng ông cũng sớm hiểu rằng dùng lâu trên một ván bài vô ích là điều nguy hiểm. Bị thúc bách giải quyết chóng vánh vấn đề Fiume, ông quyết định dùng quân đội tiến đánh Lãnh địa của d Annunzio, và đêm trước lễ Giáng sinh 1920, ông lợi dụng trường hợp thuận tiện tung vài trung đoàn tấn công Fiume.

Trả lời cho tiếng kêu la đau đớn của quân sĩ của d Annunzio là tiếng kêu la phản kháng của toàn nước Ý. Đảng phát xít chưa sẵn sàng cho một cuộc tổng khởi nghĩa. Cuộc đấu tranh báo hiệu sẽ là rất gay gắt: những lá cờ đen, cờ đỏ của cuộc nội chiến đã tung bay khắp miền quê, phố thị, trong gió đông lạnh đầy điềm bất thường.

Mussolini không những phải trả thù cho những người chết ở Fiume; ông phải phòng thủ chống lại những lực lượng phản động đe dọa chôn vùi đảng phát xít dưới tro tàn của Nhà nước d Annunzio. Phản ứng của chính phủ và của các tổ chức thợ thuyền đã biểu lộ bằng những cuộc ruồng bỏ của cảnh sát và những cuộc xung đột đẫm máu do thợ thuyền chủ xướng. Giolitti muốn lợi dụng cơn khủng hoảng nội bộ đang xâu xé của đảng phát xít và lợi dụng sự rối loạn tạo ra trong hàng ngũ của đảng bởi đêm Giáng sinh thê thảm ở Fiume, để đặt Mussolini ra ngoài vòng pháp luật. Những lãnh tụ nghiệp đoàn hướng dẫn cuộc tranh đấu bằng những vụ đình công lớn. Nhiều thành phố, tỉnh lỵ, nhiều vùng bất ngờ bị tê liệt bởi cuộc xung đột vừa nổ ra trong một thị trấn nhỏ nào đó. Ngay từ những tiếng súng nhỏ đầu tiên, cuộc đình công bắt đầu; sau hồi còi thảm thiết, các nhà máy trống không, nhà nhà đóng cửa, lưu thông ngừng lại, phố xá vắng tanh mang vẻ thê thảm của cái cầu tàu của một thiết giáp hạm sắp lâm trận.

Thợ thuyền trong các nhà máy trang bị để chiến đấu; vũ khí hiện ra khắp nơi; dưới những bàn tiệc, sau những máy dệt, những bình điện hay những máy sup de: người ta thấy súng đạn nằm dưới những đồng than. Những người đàn ông mặt bóng dầu, cử chỉ trầm tĩnh, lướt đi giữa những guồng máy im lìm, những pít tông, búa máy, đe, cần trục, trèo lên những chòi tháp, trên những cầu lặn, trên những mái nhà nhọn có kiếng: họ đang biến mỗi nhà máy thành một pháo đài... Những lá cờ đỏ mọc trên những ống khói lò. Trong các sân, thợ thuyền tụ tập: họ chia thành đại đội, trung đội, tiểu đội. Những toán trưởng đeo băng tay đỏ ban lệnh, những toán tuần tiểu đi thám sát;

khi họ trở về thì thợ thuyền rời nhà máy, bước đi im lặng, sát những bờ tường, tiến về những điểm chiến lược của thành phố. Từ khắp nơi tiến về những Trụ sở Lao động, những toán người được huấn luyện theo chiến thuật chiến tranh đường phố để bảo vệ những trụ sở của nghiệp đoàn chống lại cuộc tấn công bất ngờ của sơ mi đen. Những ổ trung liên được đặt ở khắp lối ra vào, ở khúc quẹo của những cầu thang, ở cuối những hành lang và trên những mái nhà. Lựu đạn chất đồng trong những bàn giấy gần các cửa sổ. Những cơ khí viên tháo rời đầu máy, để các toa lại giữa cánh đồng, chạy hết tốc lực về các ga. Trong những làng mạc, xe cộ được đặt ngang đường để cản quân tiếp viện của sơ mi đen đi từ thành phố này qua thành phố kia. Nằm phục sau những hàng đậu, những nông dân vệ binh đồ, vũ trang súng săn, chĩa cuốc, hái, rình rập những xe cam nhông phát xít. Những tiếng súng đã nổ dọc theo các con đường và những thiết lộ từ làng này qua làng kia cho đến tận khu ngoại ô của những thành phố rợp cờ đỏ. Khi những hồi còi đình công nổi lên, những cảnh vệ, những ngụ lâm quân, cảnh sát rút lui vào doanh trại; Giolitti quá giữ lập trường tự do để nhào vào một cuộc đấu tranh do những công nhân điều động thừa khéo léo để chống lại những kẻ thù của nhà nước.

Trong cái trống rỗng đầy đe dọa mà cuộc đình công tạo ra chung quanh họ, những toán phát xít chuyên về chiến tranh đường phố trấn đóng tại những ngã tư, những trung đội được huấn luyện phòng thủ và tấn công các ngôi nhà sẵn sàng đi tăng cường những điểm yếu, đi bảo vệ những vị trí bị đe dọa, đi đánh chớp nhoáng giữa lòng địch thủ. Những toán xung kích phát xít được huấn luyện về chiến thuật xâm nhập, về lối đánh thần tốc, về cá nhân chiến đấu, vũ trang dao găm lựu đạn, vật dẫn hỏa, đang chờ đợi gần những cam nhông sẽ chở họ đến chiến trường. Chính những toán xung kích này được sử dụng trong công tác trả thù. Trả thù là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong chiến thuật của sơ mi đen. Ngay khi người ta phát giác có một người phát xít nào bị giết trong một vùng ngoại thành hay trong một làng là toán xung kích được phái đến trả thù liền. Những Trụ sở Lao động, những hội quán thợ thuyền, những nơi cư trú của các lãnh tụ những tổ chức xã hội bị tấn công tức thì, bị tàn phá và bị đốt rụi. Lúc đầu, khi chiến thuật đột kích trả thù còn mới mẻ thì những vệ binh đồ còn chống trả bằng súng và một cuộc đấu tranh tàn sát diễn ra chung quanh những trụ sở Lao động, những hội quán thợ thuyền, trên những đường phố ngoại thành và làng mạc. Nhưng chiến thuật này chẳng bao lâu đã có hiệu quả. Sự sợ hãi những trả

thù đã làm giao động tinh thần chiến đấu của vệ binh đỏ, làm họ mất can đảm chống cự, làm nao núng sức đề kháng của những tổ chức công nhân. Khi sơ mi đen tiến đến là những vệ binh đỏ, những lãnh tụ xã hội, những thư ký các nghiệp đoàn, những lãnh tụ đình công đều chạy trốn về các đồng quê, trốn trong các khu rừng. Cuộc săn người không còi, không tiếng la ó diễn ra đến rạng đông, dữ dội và tàn nhẫn. Đôi khi chính dân cư của một làng nào có một phát xít bị giết phải chạy trốn, khi toán xung kích đến thì nhà cửa trống trơn, đường vắng tanh, chỉ thấy một xác sơ mi đen nằm trên hè phố. Đối đầu với chiến thuật phát xít, nhanh, mạnh, những lãnh tụ nghiệp đoàn chỉ đề ra một sự đối kháng mà họ gọi là kháng chiến không vũ trang. Dù họ chính thức trách nhiệm về các cuộc đình công, họ không biết kích thích tinh thần chiến đấu của thợ thuyền. Họ ra về không biết rằng có súng đạn và lựu đạn trong những trụ sở Lao động và trong mọi hội quán thợ thuyền; tuy nhiên trong ý hướng, họ không cho rằng cuộc đình công là một biểu lộ ôn hòa, mà phải là một hành vi chiến tranh, điều kiện cần thiết để áp dụng chiến thuật chiến tranh đường phố của thợ thuyền. Họ nói: Cuộc đình công chính là cuộc trả thù của chúng tôi: đó là một sự kháng cự tay không chống lại dùi cui và dao găm của phát xít. Nhưng họ cũng biết rõ rằng thợ thuyền đã lấy vũ khí từ những Trụ sở Lao động. Chính cái không khí nặng nề sôi sục của cuộc đình công thúc đẩy người thợ lao vào cuộc đấu tranh vũ trang. Cái ý định để cho những nạn nhân vô tội không vũ trang của cơn bạo động phát xít mang cái vẻ của những con cừu non đỏ bị những con sói đen hút máu, ý định đó cũng lố bịch như ý nghĩ kiểu Tolstoi của một vài đảng viên phát xít gốc tự do không muốn chấp nhận cho những đảng viên Mussolini nổ một phát súng, đánh một cú dùi cui hay bắt uống một giọt dầu xỏ. Cái đạo đức giả của những lãnh tụ thợ thuyền không ngăn cản được cái chết của những sơ mi đen. Không nên tin rằng quân phát xít không biết tới những lúc nguy hiểm trầm trọng. Các khu phố, làng mạc, các vùng đôi khi cầm vũ khí chống lại họ; cuộc tổng đình công là dấu hiệu nổi dậy. Sơ mi đen bị tấn công trong nhà họ, những chướng ngại vật giăng ngoài phố, những đoàn thợ thuyền và nông dân vũ trang súng và lựu đạn, chiếm đóng làng mạc, tiến vào các thành phố và săn đuổi phát xít. Cuộc thăm sát ở Sarzana đủ để chứng tỏ rằng thợ thuyền không đạo đức giả như lãnh tụ của họ. Vào tháng 7-1921 ở Suzana, khoảng 50 sơ mi đen bị giết, những người bị thương bị cất cổ trên băng ca ở ngưỡng cửa nhà thương; hàng trăm người khác chạy trốn về miền quê bị đàn bà mang chĩa, hái, đuổi qua những cánh rừng. Thời kỳ nội

chiến ở Ý sửa soạn cho cuộc đảo chính phát xít, là thời kỳ đầy bạo động dữ dội như trên.

Để thắng những cuộc đình công cách mạng và những cuộc nổi dậy của thợ thuyền và nông dân càng ngày lan rộng trầm trọng đến độ làm tê liệt các vùng, quân phát xít dùng chiến thuật chiếm đóng toàn bộ những vùng bị đe dọa. Từ ngày này qua ngày khác, sơ mi đen tập trung trong những trung tâm được chỉ định theo một kế hoạch điều động. Hàng ngàn người võ trang, đôi khi mười lăm hay hai mươi ngàn, đổ xuống một thành phố, một vùng quê, các làng mạc, được di chuyển nhanh chóng từ tỉnh này qua tỉnh khác bằng cam nhông của họ. Trong vòng vài giờ, cả vùng bị chiếm đóng được đặt trong tình trạng thiết quân luật. Tất cả cái gì thuộc tổ chức xã hội và Cộng sản: Trụ sở Lao động, Nghiệp đoàn, hội quán thợ thuyền, báo chí, hợp tác xã bị thiêu hủy và đập phá một cách có phương pháp. Những vệ binh đồ chưa kịp trốn được thanh lọc, chà xát và tẩy não; trong hai ba ngày, những chiếc dùi cui vùng vẫy trên hàng trăm cây số vuông. Cuối năm 1921, chiến thuật này, được áp dụng một cách có hệ thống trên một mức độ càng ngày càng rộng lớn, đã đập tan những trọng điểm của tổ chức chính trị và nghiệp đoàn của giới vô sản. Hiếm họa đồ thế là bị gạt ra xa mãi mãi, và công dân Mussolini đã rất xứng danh phụng sự tổ quốc. Lớp trưởng giả nghĩ rằng khi sứ mạng hoàn tất, những sơ mi đen có thể yên ngủ. Nhưng chẳng bao lâu họ mới hiểu rằng chiến thắng của phát xít trên thợ thuyền cũng đã đập tan những trọng điểm của Nhà nước.

Chiến thuật mà Mussolini dùng để chiếm quyền chỉ có thể được quan niệm bởi một người Mác-xít. Không bao giờ nên quên rằng Mussolini được hấp thụ một nền giáo dục Mác-xít. Điều làm cho Lenine và Trotzky ngạc nhiên trong hoàn cảnh cách mạng Ý đại lợi, chính là sự bất lực của đảng Cộng sản Ý không lợi dụng được một sự gặp gỡ kỳ lạ của mọi trường hợp thuận lợi. Những cuộc tổng đình công năm 1919 và 1920, sự chiếm đóng các cơ xưởng Bắc Ý bởi những thợ thuyền đánh dấu giai đoạn quyết định, đã không làm nảy sinh ra được một lãnh tụ nào có thể lãnh đạo một nhóm nhỏ người (cướp?) chính quyền. Với hậu thuẫn là tổng đình công, bất cứ một Trotzky cỡ nhỏ nào cũng có thể chiếm chính quyền không cần xin phép nhà vua. Mussolini, vốn phán đoán tình hình bằng con mắt Mác-xít, không tin tưởng vào những cơ hội thành công của cuộc nổi dậy phải chống cự với cả lực lượng của chính phủ lẫn của giới vô sản. Lòng khinh bỉ của ông đối với những lãnh tụ xã hội và cộng sản làm ông khinh lây cả những người như d'Annunzio cho rằng có thể lật đổ chính phủ mà

không cần liên minh hay trung lập hóa các tổ chức thợ thuyền. Mussolini không phải là người dễ vấp ngã vì một cuộc tổng đình công. Ông không đánh giá thấp vai trò của giới vô sản trong cuộc cách mạng. Cảm quan mới của ông, sự am hiểu theo quan điểm Mác-xít của ông về những vấn đề chính trị và xã hội trong thời đại chúng ta, không để cho ông có ảo tưởng về sự có thể hoàn thành được chủ nghĩa của Blanqui kiểu quốc gia vào năm 1920. Không nên quan niệm chiến thuật đảo chánh của phát xít là một chiến thuật của kẻ phản động. Mussolini chẳng có một chút gì giống một d'Annunzio, một Kapp, một Primo de Rivera hay một Hitler. Chính như một người mác xít mà ông định giá những lực lượng vô sản và vai trò của chúng trong hoàn cảnh cách mạng 1920, chính như một người mác xít mà ông đi đến kết luận là trước tiên phải đập vỡ những nghiệp đoàn thợ thuyền, hậu thuẫn có thể của chính phủ. Ông sợ cuộc tổng đình công: ông không quên bài học của Kapp và Bauer. Khi muốn minh chứng rằng Mussolini không phải là kẻ phản động, những sử gia chính thức của phong trào phát xít nhắc lại chương trình của đảng năm 1919. Thực ra chương trình năm 1919 là một chương trình cộng hòa và dân chủ, mà đa số sơ mi đen từng thành khẩn tin tưởng, và đoàn vệ binh phát xít già nua hiện vẫn còn trung thành. Nhưng không phải chương trình 1919 bộc lộ nền giáo dục mác-xít của Mussolini, mà chính là quan niệm về chiến thuật đảo chánh của phát xít, là luận lý, phương pháp, tinh thần hệ thống mà ông dùng để áp dụng chiến thuật đó. Về sau, khi bàn về Hitler, ta sẽ thấy một chiến thuật quan niệm bởi một người mác-xít có thể thoái hóa như thế nào trong đầu óc một kẻ phản động.

Những người thích nhìn phong trào phát-xít như một lực lượng bảo vệ Nhà nước chống lại hiểm họa cộng sản, như một phản ứng đơn thuần chống lại những chinh phục chính trị và xã hội của giai cấp vô sản, cho rằng vào giữa năm 1921 Mussolini đã kết toán công việc, rằng vai trò của ông đã hoàn tất. Bằng những nhận định khác hẳn, Giolitti cũng đi đến cùng một kết luận ấy từ tháng 3-1921 sau khi những cuộc tổng đình công thất bại đã cho thấy cường lực nguy hiểm của phát-xít. Cuộc nội chiến đã đạt đến mức độ bạo động khủng khiếp, cả hai phía đều tổn thất nặng nề; nhưng những cuộc đấu tranh đẫm máu này, được đánh dấu bằng những giai đoạn vô song trong những năm tháng đỏ, đã chấm dứt bằng sự thất bại của những lực lượng vô sản. Dùng con bài "nghiệp đoàn" chống lại phát-xít, Giolitti đã vấp ngã bất ngờ trước sự tan rã của các tổ chức thợ thuyền: đảng phát-xít ra khỏi trận chiến với một tinh thần gầy hần

bùng bùng quyết liệt và được vũ trang một cách kinh khiếp cho cuộc đấu tranh chống Nhà nước. Giolitti có thể dùng lực lượng nào chống đối lại đảng phát-xít? Vai trò bảo vệ nhà nước của nghiệp đoàn đã chấm dứt. Những đảng phái chính trị chiếm đa số ở quốc hội cũng bất lực trước một tổ chức kinh khủng có vũ trang tung hoành trên lãnh vực bạo động và hợp pháp. Ông không còn một phương sách nào kháng cự hơn là mưu toan “quốc hội hóa” đảng phát-xít. Chiến thuật cũ kỹ của kẻ tự do này trong vòng 30 năm trước đã cho nước Ý bài học kinh nghiệm về sự độc tài nghị viện phục vụ cho một chế độ quân chủ vốn không có những tiên kiến hiến pháp. Mussolini, mà chương trình chính trị không cản trở được chiến thuật cách mạng của ông, đã không để mình mắc vào bẫy của phe tả. Vào dịp những cuộc bầu cử chính trị tháng 5-1921, đảng phát xít chấp nhận tham dự vào Khối Quốc gia do Giolitti tạo lập nhằm làm giảm uy tín và làm ung thối quân sơ-mi đen bằng cuộc phổ thông đầu phiếu. Khối Quốc gia được thành hình với nhiều khó khăn lớn. Những đảng phái pháp định không chịu cùng đứng với một tổ chức vũ trang vốn không che dấu chương trình cộng hòa của mình. Nhưng điều làm Giolitti bận tâm không phải là cái chương trình cộng hòa và dân chủ của năm 1919, mà chính là mục đích của chiến thuật phát xít. Chiếm chính quyền, đó là mục đích của Mussolini. Phải chấp nhận chương trình của Mussolini trên lĩnh vực bầu cử, nếu người ta muốn cho đảng phát-xít đi lệch khỏi mục đích của chiến thuật cách mạng của nó. Chỉ chơi bài rất đúng với những con bài xấu, Giolitti không may mắn gì hơn khi ông thua ván bài trong khi sử dụng lòng ghen tuông của d’Annunzio đối với Mussolini. Không để cho bị “quốc hội hóa”, đảng phát-xít vẫn trung thành với chiến thuật của mình. Trong khi độ 20 dân biểu phát xít làm phân tán nhóm đa số của khối Quốc gia, thì những sơ mi đen quay lại chống những nghiệp đoàn cộng hòa và Kitô giáo bằng cùng thứ bạo động mà họ đã dùng đối với những nghiệp đoàn xã hội. Để sửa soạn cho cuộc nổi dậy cướp chính quyền, điều cần thiết là quét sạch mọi lực lượng có tổ chức (dù tả, hữu hay trung lập) có thể làm hậu thuẫn cho chính phủ hoặc làm cản trở đảng phát-xít vào thời độ quyết định của cuộc nổi dậy và cắt đứt những máu chốt vào thời điểm quyết định của cuộc đảo chánh. Không những phải phòng ngừa cuộc tổng đình công, mà còn đề phòng cả mặt trận hợp nhất của chính phủ, Quốc hội và giới vô sản. Đảng phát-xít cần phải tạo một khoảng trống chung quanh mình, phải quét tan bất cứ lực lượng có tổ chức nào: chính trị, hay nghiệp đoàn, vô sản hay tư sản, các nghiệp đoàn, hợp tác xã, hội thợ thuyền, Trụ sở Lao động,

báo chí, các đảng phái chính trị. Trong sự ngạc nhiên của giới tư sản phản động và tự do vốn cho rằng vai trò của phát-xít đã chấm dứt, và trong sự vui sướng của thợ thuyền và nông dân, sau khi đã dùng bạo động giải tán những tổ chức cộng hòa và thiên chúa giáo, những sơ mi đen khởi công chống những người tự do, dân chủ, tam điểm, bảo thủ và mọi người tư sản trí thức. Cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản được những đảng viên phát-xít ủng hộ hơn nhiều so với cuộc đấu tranh chống giai cấp vô sản. Những toán xung kích gồm phần lớn thợ thuyền, tiểu công nghệ gia và nông dân. Và hơn nữa, đấu tranh chống với giới tư sản cũng đã là chống chính phủ, chống Nhà Nước. Cảnh những người tự do, dân chủ, bảo thủ này khi kêu gọi phát-xít tham dự khối Quốc gia vội vàng đặt Mussolini vào điện Pathéon của những “cứu tinh của tổ quốc” (từ 50 năm nay nước Ý đầy rẫy “những cứu tinh của tổ quốc”: cái gì trước hết là một sứ mệnh đều trở nên một nghề nghiệp chính thức hay gần như vậy; người ta có thể chờ đợi mọi điều ở một nước đã được cứu quá nhiều lần), chính những người đó không muốn chịu hiểu rằng mục đích của Mussolini không phải là cứu vớt nước Ý theo truyền thống chính thức, mà là chiếm chính quyền: chương trình thành thật hơn chương trình năm 1919 nhiều. Nhưng bây giờ đối với giai cấp tư sản và cách mạng, không có gì kém hợp pháp, khó được chấp nhận hơn cái bạo lực phát-xít đã từng được hoan nghênh nhiệt liệt khi nó được dùng để chống lại những tổ chức vô sản. Ai tin được rằng Mussolini, con người yêu nước khi lãnh đạo đấu tranh chống cộng sản, xã hội, cộng hòa, lại ngày một ngày hai trở thành một con người nguy hiểm, một kẻ tham vọng không có tiên kiến tư sản, một tay bạo động quả quyết chiếm chính quyền chống cả Nhà vua lẫn Quốc hội? Nếu đảng phát-xít trở thành mối nguy hại cho Nhà nước, thì đó là lỗi của Giolitti. Lẽ ra phải bóp nghẹt nó đúng lúc, đặt nó ra ngoài vòng pháp luật ngay từ đầu, đè bẹp nó bằng vũ khí như người ta đã đè bẹp d’Annunzio. Cái thứ “bôn-sê-vich quốc gia” này còn nguy hiểm nhiều so với hơn bôn-sê-vich kiểu Nga, mà giai cấp tư sản có thể khẳng định được là họ không e sợ. Chính phủ Bonomi có thể sửa chữa những sai lầm của chính phủ Giolitti không? Đối với Bonomi, cựu đảng viên xã hội, vấn đề phát-xít chỉ là vấn đề cảnh sát. Giữa con người mát-xít này, người định dùng phản ứng cảnh sát bóp nghẹt phát-xít trước khi đảng chiếm chính quyền, và Mussolini, người muốn cướp thời gian, có một đấu tranh một mất một còn vào những tháng cuối cùng của năm 1921, được đánh dấu bằng những cuộc hành hình, những bạo động, những xung đột đẫm máu. Mặc dù

Bonomi chống lại sơ mi đen bằng cách thành lập mặt trận hợp nhất tư sản và vô sản (được chính phủ nâng đỡ, thợ thuyền cố gắng tái lập những tổ chức giai cấp của họ), chiến thuật của Mussolini vẫn tiếp tục phát triển có hệ thống. Sau sự thất bại của cuộc ngưng chiến giữa phát-xít và xã hội, sự thiếu can đảm và thiếu sáng suốt của những đảng tư sản, lòng ích kỷ hẹp hòi của họ mong chống lại bạo lực của sơ mi đen bằng một thứ chủ nghĩa Machiavel thô kệch, hùng biện và yêu nước, tất cả điều đó đã làm công nhân mất tinh thần. Năm 1922 mở đầu một bức toàn cảnh buồn thảm và u ám: đảng phát-xít, bạo động và có phương pháp, dần dần xâm chiếm tất cả những đường gân chủ yếu của xứ sở; tổ chức chính trị, nghiệp đoàn của nó giăng phủ khắp nước Ý. Bản đồ của bán đảo, đầy thành phố, làng mạc với những người xồn xang, hăng hái và ưa gây rối, được vẽ như một bức vẽ xâm mình trong bàn tay phải của Mussolini. Bonomi đã ngã quỵ trong một đám vụn vôi gạch, dưới những tàn tích của thế giới chính trị và nghiệp đoàn. Nhà nước bị đảng phát-xít đã chiếm đóng toàn xứ sở vây hãm, nằm trong tay những sơ mi đen. Uy quyền của Nhà nước chỉ thoi thóp trong vài trăm đảo nhỏ là quận xã, trại cảnh sát rải rác khắp nước Ý, giữa ngọn triều cách mạng. Giữa nhà Vua và chính phủ nhen nhúm lên sự sợ hãi những trách nhiệm, hố phân cách càng rộng. Mưu mẹo cũ kỹ của những chính phủ hiến định: Nhà vua dựa vào quân đội và Thượng viện, Chính phủ dựa vào cảnh sát và Quốc hội. Điều đó cũng không khởi dậy lên lòng nghi kỵ của giai cấp tư sản tự do và của công nhân.

Khi Mussolini (8.1922) loan báo cho toàn quốc biết là đảng phát-xít đã sẵn sàng chiếm chính quyền, thì chính phủ, trong một nỗ lực cùng cực, cố gắng đề phòng cuộc nổi dậy và cố gắng bẻ gãy vòng vây của phát-xít bằng một cuộc nổi loạn của thợ thuyền và nông dân. Cuộc tổng đình công bùng nổ vào tháng 8 theo lệnh của một thứ Ủy ban Cứu nguy Dân tộc qui tụ những đảng dân chủ, xã hội, cộng hòa và Tổng Liên đoàn lao công. Người ta gọi đó là cuộc “đình công hợp pháp”, trận chiến cuối cùng chống sơ mi đen của những người bảo vệ tự do, dân chủ, luật pháp và Nhà nước. Sau rốt, Mussolini đã đi đến chỗ có thể đập tan địch thủ nguy hiểm nhất, đáng sợ nhất cho cuộc đảo chánh phát-xít, là cuộc tổng đình công từ ba năm nay vẫn đe dọa từng giây phút đập vỡ những trọng điểm của Cách mạng, cuộc đình công phản Cách mạng mà ông đã chiến đấu từ 3 năm trời chống lại một cách có hệ thống, bằng cách chống những tổ chức nghiệp đoàn của giai cấp vô sản. Khi chống lại phát xít bằng cách

phát động cuộc phản cách mạng của công nhân, chính phủ và giai cấp tư sản tự do phản động tính bẻ gãy đà nổi dậy của sơ mi đen, do đó tránh cho Nhà nước trong một thời gian nào đó khỏi bị hiểm họa của cuộc Cách mạng. Nhưng cùng lúc mà những toán phát-xít gồm kỹ thuật gia và thợ chuyên môn thay thế những người đình công trong những dịch vụ công cộng, thì cuộc bạo động khủng khiếp của sơ mi đen trong vòng 24 giờ đã đè bẹp đạo quân bảo vệ Nhà nước qui tụ dưới lá cờ đỏ của Tổng liên đoàn Lao công Không phải vào tháng 10 mà vào tháng 8 đảng phát-xít đã nắm được chiến thắng quyết định cho cuộc chinh phục Nhà nước. Sau sự thất bại của “cuộc đình công hợp pháp”, Facta - con người nhu nhược, lương thuận và trung thành – chỉ còn ngồi ở địa vị mình để bao bọc cho nhà Vua mà thôi.

Dù rằng chương trình phát-xít 1919 là chương trình cộng hòa mà những sơ mi đen của đội vệ binh cũ vẫn tin tưởng thành khẩn, nhà Vua không còn cần tới thái độ trung thành của Facta nữa: vào đêm trước cuộc đảo chánh, Mussolini cho dấu hiệu khởi nghĩa bằng tiếng hô: “Đức vua vạn tuế!” Cuộc đảo chánh không có chút gì gọi là có tính cách kịch như một vài đồ đệ Plutarque, những con bệnh từ chương, muốn gán cho. Không có những từ ngữ vĩ đại, những thái độ hào nhoáng, những cử chỉ theo kiểu Jules César, Cromwell và Bonaparte. May thay, những binh đoàn tiến về thủ đô không phải là những binh đoàn của César từ Gaules đến, và Mussolini không ăn mặc theo kiểu La mã. Người ta không viết lịch sử theo những thạch bản màu về những biến cố hay theo những bức tranh của các họa sĩ chính thức. Thật khó mà hiểu sao trước kia bức họa Napoléon của David đã từng có cái thần khí quá sáng chói, quá chính xác và quá tân kỳ như vậy lại làm cho ông khác với chính Napoléon đó được vẽ bởi David hay được điêu khắc bởi Canova, cũng như Mussolini khác với Jules César hay Bartolomeo Colleoni.

Trong một vài thạch bản màu người ta thấy những sơ mi đen đi dạo, trong cuộc khởi nghĩa tháng 10-1992, xuyên qua một nước Ý trang hoàng bằng những cánh cung của Titus, những nắm mộ, những nhà mồ, những cột, cổng vòm, tượng, dưới một bầu trời đầy phượng hoàng, làm như cuộc đảo chánh phát-xít lấy nước Ý của Ovide và Horace làm kịch trường, lấy những chiến binh La mã làm những anh hùng và lấy chính Jupiter làm bầu gánh, chỉ bận tâm lo cứu những bề ngoài hợp hiến bằng quan niệm cổ điển về sự đạo diễn. Những thạch bản khác lại cho chúng ta thấy một Mussolini lảng mạn lạng lạng trong một phong cảnh tân cổ điển: ông ta đó, hoặc đi bộ hoặc đi ngựa, dẫn

đầu chiến binh của ông, vị anh hùng xanh xao và tươi tắn ấy đang giải thích lịch sử theo sở thích của thạch bản màu! Trên cái nền của những thủy lộ đồ nát, trong những cánh đồng La mã khắc nghiệt và tàn khốc, Mussolini hình như nổi bật lên từ một vở kịch của Pietro Cossa, từ một câu thơ của Carducci và d'Annunzio; người ta nói rằng túi quần của ông nhét đầy sách của Nietzsche. Những thạch bản màu này đều là sự sùng bái cái sở thích xấu xa về văn hóa và văn chương Ý trong 50 năm gần đây. Trước những hình ảnh này về cuộc đảo chánh phát-xít, người ta ngạc nhiên thấy Mussolini đã có thể lật đổ chính phủ của Facta và chiếm quyền.

Nhưng Mussolini của tháng 10.1922 không phải là Mussolini của những thạch bản màu: đó là một người thời mới, lạnh lùng, bạo tợn, dữ dội và có tính toán. Vào đêm trước cuộc đảo chánh, tất cả những địch thủ của phát-xít đều bị loại khỏi vòng chiến (những tổ chức nghiệp đoàn của công nhân, đảng cộng sản, đảng xã hội, cộng hòa, thiên chúa giáo, dân chủ, tự do). Bị bóp nghẹn ngay từ tháng 8, cuộc tổng đình công không đập vỡ được những trọng điểm của cuộc nổi dậy: thợ thuyền không dám bỏ việc và xuống đường nữa. Những vụ đột kích trả thù mà phát-xít dùng để bóp nghẹn “cuộc đình công hợp pháp”, đã đập tan tinh thần chiến đấu của giới vô sản. Ngay khi Mussolini từ Milan trưng cờ đen khởi nghĩa, thì những toán phát-xít gồm kỹ thuật gia và thợ chuyên môn đã chớp nhoáng xâm chiếm tất cả những điểm chiến lược của tổ chức kỹ thuật Nhà Nước. Trong vòng 24 giờ, toàn nước Ý bị quân phát-xít gồm 200.000 sơ mi đen chiếm đóng. Những lực lượng cảnh sát, những cảnh vệ, những ngụy lâm quân không đủ để tái lập trật tự. Bất cứ nơi nào mà những lực lượng cảnh sát toan tính xua đuổi sơ mi đen khỏi những vị trí chiếm đóng, đều thất bại dưới hỏa lực của những ổ trung liên phát-xít. Từ tổng hành dinh cách mạng Pérouse, những nhân vật trong tứ trụ hay Ủy ban Cách mạng Quân đội, gồm Bianchi Balbo, de Vecchi, và de Bono, điều động cuộc nổi dậy theo kế hoạch do Mussolini soạn từng chi tiết. Năm mươi ngàn người tập trung trong vùng nông thôn quanh La mã sẵn sàng tiến về thủ đô: chính trong tiếng hô “Đức vua vạn tuế”, mà quân sơ mi đen vây hãm La mã, và trong La mã không phải chỉ có chính phủ, còn có cả Nhà Vua. Dù rằng thái độ trung quân của Mussolini, dựa trên một quân đội cách mạng, chưa có lâu lã gì cho lắm, một ông Vua lập hiến vẫn phải ưa thái độ đó hơn là thái độ trung quân của một chính phủ không có quân đội. Khi Hội đồng Tổng trưởng quyết định xin nhà Vua ký sắc lệnh ban hành tình trạng thiết quân luật trên toàn quốc, hầu như nhà Vua đã không chịu ký. Người

ta không biết chính xác điều gì đã xảy ra trong trường hợp ấy; điều được biết chắc chắn là tình trạng thiết quân luật đã được ban hành, nhưng chỉ kéo dài có nửa ngày. Quả là quá ít nếu nhà Vua đã ký sắc lệnh; và quá nhiều nếu nhà Vua đã không ký.

Bằng chiến thuật cách mạng đã áp dụng một cách có hệ thống trong 3 năm tranh đấu đẫm máu, đảng phát-xít đã chiếm chính quyền trước khi sơ mi đen vào thủ đô. Cuộc nổi dậy chỉ làm đổ chính phủ. Cả sự thiết quân luật, đặt Mussolini ra ngoài vòng pháp luật, lẫn sự đề kháng của quân đội cũng không thể làm thất bại được cuộc đảo chánh phát-xít vào năm 1922. Giolitti nói: "Tôi đã học được ở Mussolini điều này, là muốn bảo vệ nhà Nước cần chống lại chiến thuật cách mạng chứ không phải là chống chương trình của cuộc cách mạng đó". Ông mỉm cười thú nhận rằng ông đã không thể lợi dụng được bài học này.

HẾT

Nguồn: HuyTran / VNthuquan - Thư viện Online
Người đăng: Ct.Ly
Thời gian: 02/09/2009 1:47:39 SA